GS. NGUYỄN PHAN QUANG

CÓ MỘT NỀN ĐẠO LÝ VIỆT NAM

Học
& NV
35

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

https://tieulun.hopto.org

GS. NGUYỄN PHAN QUANG

CÓ MỘT NỀN ĐẠO LÝ VIỆT NAM

THƯ VIỆN PHKHXH & NV
TP. HỒ CHÍ MINH
Số
Ngày vào sổ

THƯ VIỆN ĐẠI HỌC TỔNG HỢP
T.P HỒ CHÍ MINH
Số VNc 28975
Ngày vào sổ

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 1994

https://tieulun.hopto.org

MỤC LỤC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

*. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ GIÁO DỤC 7

*. DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM
NHÌN TỪ GÓC ĐỘ LỊCH SỬ 19

*. Ý THỨC CỘNG ĐỒNG : NỀN TẢNG ĐẠO LÝ
TRONG LÀNG XÃ VIỆT NAM TRUYỀN THỐNG 27

*. NĂM TRĂM NĂM NGUYỄN TRÃI KHÚC :
MỘT NỖI ĐAU TÌNH ĐỜI, VẬN NƯỚC 37

*. SỰ HÒA NHẬP ĐẠO PHẬT VÀO
TRONG ĐẠO LÝ DÂN GIAN VIỆT NAM 53

*. CÁC DÂN TỘC MIỀN NÚI PHÍA BẮC
TRONG CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ BIÊN CƯƠNG
CỦA TỔ QUỐC THẾ KỶ XVII-XVIII 63

*. "CỞI TRỜI" VÀ "MỞ CỬA" : NHỮNG NHU CẦU
BỨC XÚC CỦA XÃ HỘI VIỆT NAM
TỪ THỜI ĐẠI QUANG TRUNG. 95

*. TRIỀU NGUYỄN VÀ XÃ HỘI VIỆT NAM
THẾ KỶ XIX. 105

*. TƯỞNG NHỚ NHÀ YÊU NƯỚC
NGUYỄN AN NINH. 123

*. CÓ MỘT NỀN ĐẠO LÝ VIỆT NAM 141

TÓM TẮT
Y HỌC
MẪU

https://tieulun.hopto.org

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Nằm trên "bao lơn Thái Bình Dương" Việt Nam là một địa bàn có tầm chiến lược quan trọng. Từ bao đời nay, Việt Nam là miếng mồi hấp dẫn đối với các thế lực hành trướng và xâm lược. Trong suốt chiều dài lịch sử, kể từ ngày dựng nước, dân tộc Việt Nam phải tiến hành hàng chục cuộc kháng chiến bảo vệ tổ quốc và hàng trăm cuộc khởi nghĩa giành độc lập. Vận mệnh đất nước nhiều phen dứng trước thử thách nghiêm trọng vì phải đối phó với những kẻ thù có tiềm lực vật chất hơn ta gấp nhiều lần.

Nhưng dân tộc Việt Nam đã chiến đấu kiên cường trải qua hàng thiên niên kỷ, lần lượt đánh bại những đạo quân xâm lược của các đế chế quân chủ phương Bắc và trong thời hiện đại, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đã chiến thắng vẻ vang thực dân Pháp, phát xít Nhật và đế quốc Mỹ.

Quân xâm lược không chỉ áp bức bóc lột nhân dân ta mà còn mưu toan đồng hóa dân tộc ta, xóa tên Tổ quốc ta trên bản đồ thế giới. Nhưng chúng đã thất bại, vì trong cuộc chiến đấu quyết liệt giành lại non sông, dân tộc Việt Nam đồng thời kiên quyết bảo tồn tiếng nói, phong tục tập quán, bảo vệ nền văn hóa dân tộc.

Chiến tranh là thử thách nghiệt ngã nhất đối với sự sống còn của một dân tộc. Và một câu hỏi được đặt ra : sức mạnh nào đã giúp dân tộc Việt Nam dứng vững trước mọi cơn bão táp khốc liệt của lịch sử và không ngừng tiến lên phía trước ? Giáo sư sử học Nguyễn Phan Quang, qua mười tiểu luận khiêm tốn, đề cập một

https://tieulun.hopto.org

số sự kiện và nhân vật ở những thời kỳ lịch sử khác nhau, đã mạnh dạn khẳng định rằng : nguồn sức mạnh vĩ đại đó xuất phát từ một nền đạo lý Việt Nam. Đó là một nền đạo lý được hình thành rất sớm- từ thời đại các vua Hùng- trên nền tảng ý thức cộng đồng không ngừng được bồi đắp từ trong gia đình, làng xã và mở rộng ra cả đất nước, phát huy thành ý thức quốc gia dân tộc mà đỉnh cao là tinh thần yêu nước của người Việt Nam.

Trong quá trình dựng nước và giữ nước, các thế hệ Việt Nam đã biết sàng lọc và tiếp thu những nhân tố mới, tiến bộ nhằm làm phong phú thêm nền văn hóa dân tộc, biết linh hoạt ứng xử trước mọi tình huống nhằm bảo vệ độc lập và thống nhất Tổ quốc.

Trên thực tế, các bậc vĩ nhân, anh hùng tiêu biểu cho tinh hoa trí tuệ của dân tộc ở từng thời kỳ lịch sử đã có những đóng góp xứng đáng vào việc bồi đắp nền đạo lý Việt Nam, chung đúc nên lý tưởng KHÔNG CÓ GÌ QUÝ HƠN ĐỘC LẬP TỰ DO của người Việt Nam thời đại HỒ CHÍ MINH.

Bước vào ngưỡng cửa của thế kỷ XXI, trước những biến động lớn của thời đại, hơn bao giờ hết mỗi người Việt Nam càng ý thức sâu sắc sứ mạng bảo vệ và không ngừng phát huy nền đạo lý Việt Nam nhằm thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới vì một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

*Với suy nghĩ đó, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh trân trọng giới thiệu với bạn đọc cuốn sách **Có một nền đạo lý Việt Nam** của giáo sư Nguyễn Phan Quang.*

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

https://tieulun.hopto.org

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ GIÁO DỤC

Chỉ còn chưa đầy tám năm nữa là kết thúc thế kỷ 20. Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đầu năm nay tập trung thảo luận và ra Nghị quyết về các vấn đề giáo dục, văn hóa, y tế, dân số..., trong đó vấn đề hàng đầu là GIÁO DỤC, nhằm "chuẩn bị hành trang cho nhân dân ta, đặc biệt là cho thế hệ trẻ, vững bước tiến vào thế kỷ 21", "phấn đấu trong một hai thập kỷ tới xây dựng được một nền giáo dục và khoa học tiên tiến, không thua kém các nước trong khu vực"(1)

Yêu cầu Đảng ta đặt ra cho giáo dục như vậy là khiêm tốn nhưng không phải đơn giản, trái lại đòi hỏi quyết tâm lớn của toàn xã hội.

Bên cạnh những thành tựu đáng khích lệ, những năm qua chúng ta gặp không ít khó khăn trong lãnh vực giáo dục, như Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội VII đã chỉ rõ: "Nền giáo dục nước ta chưa thoát khỏi tình trạng yếu kém do trình độ kinh tế, do thiếu sự quan tâm đúng mức ở

https://tieulun.hopto.org

tầm chỉ đạo chiến lược(...) Chất lượng giáo dục, nhất là chất lượng giáo dục tư tưởng, đạo đức còn yếu kém(...) Số học sinh chán học và bỏ học ngày càng nhiều. Số người mù chữ tăng lên, (...) đời sống của đa số các thầy cô giáo còn quá thấp, có nơi giáo viên bỏ nghề đến mức số mới được đào tạo ở các trường sư phạm không bù lại kịp..."(2).

Tại Hội nghị Trung ương vừa qua, đồng chí Tổng Bí thư nhắc lại cụ thể thêm : "Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu(...), là chìa khóa để mở cửa tiến vào tương lai. Song chúng ta phải nhận rõ điều thiếu sót là thực tế của nền giáo dục hiện nay đang thấp xa so với yêu cầu của đất nước. Những biểu hiện xuống cấp của giáo dục những năm gần đây khá nặng nề..."(3)

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên, "trong đó điều quan trọng là *chúng ta vẫn chưa thấy đầy đủ vai trò của trí tuệ và phẩm chất, nguồn tài sản quý báu của quốc gia, do đó mà chưa đặt giáo dục cùng với khoa học và công nghệ vào đúng vị trí trung tâm của nó trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội và quyết tâm tìm mọi biện pháp khắc phục* [chúng tôi nhấn mạnh]"*(4)*.

Hơn bao giờ hết, "để chuẩn bị hành trang tiến vào thế kỷ 21" chúng ta cùng nhau suy ngẫm về những quan điểm của Bác Hồ trong lãnh vực giáo dục, cũng là một trong những trăn trở suốt đời Bác.

Tìm hiểu TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ GIÁO DỤC là cả một vấn đề rộng lớn, nhưng phải chăng những nét cốt lõi nhất thể hiện ở 6 điểm sau đây :

https://tieulun.hopto.org

I. GIÁO DỤC TOÀN DÂN - NÂNG CAO DÂN TRÍ

Một tư tưởng cơ bản của Bác Hồ là: giáo dục tạo ra sức mạnh của dân tộc, vì "một dân tộc dốt là một dân tộc yếu"(*). Do vậy, sau khi giành được độc lập phải khẩn trương nâng cao dân trí bằng kế hoạch giáo dục toàn dân, làm sao cho dân ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành". Người khẳng định công việc đầu tiên là phải thanh toán nạn mù chữ, vì đó là "bước đầu nâng cao trình độ văn hóa". Trong thư gửi giáo viên Bình dân học vụ (1946), Người viết : "Tôi mong rằng trong một thời kỳ rất ngắn lòng hăng hái và sự nỗ lực của anh chị em sẽ có kết quả rất vẻ vang: đồng bào ta ai cũng biết đọc biết viết. Cái vinh dự đó thì tượng đồng bia đá nào cũng không bằng". "Dốt nát", theo Bác Hồ, cũng là một loại "giặc" phải tiêu diệt (cùng với giặc đói và giặc ngoại xâm), vì vậy sau khi thoát nạn mù chữ thì phải tiếp tục học thêm: "Bây giờ số đông đồng bào đã biết đọc biết viết thì chúng ta phải có một chương trình để nâng cao thêm trình độ văn hóa phổ thông của đồng bào"(1948).

II. TIẾP THU KIẾN THỨC MỚI - NẮM VỮNG KHOA HỌC KỸ THUẬT

Chỉ trên cơ sở dân trí được nâng cao thì mới có điều kiện để tiếp thu kiến thức mới, tiếp thu khoa học kỹ thuật. Bác Hồ tha thiết "mọi người Việt Nam(...) phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà"(1945). Người yêu cầu cán bộ "phải học trước để hiểu biết khoa học", vì "cái chìa khóa của việc phát triển công nghiệp là cán bộ công nhân

https://tieulun.hopto.org

phải thạo kỹ thuật". Đặc biệt người lãnh đạo "chẳng những thạo về chính trị mà còn phải giỏi về chuyên môn, không thể lãnh đạo chung chung". Bác ước mong thầy cô giáo và học sinh "phải phấn đấu nâng cao chất lượng văn hóa và chuyên môn nhằm thiết thực giải quyết các vấn đề do cách mạng nước ta đề ra, và trong một thời gian không xa đạt những đỉnh cao của khoa học và kỹ thuật"(1968).

Chuẩn bị bước vào thế kỷ 21, điều mong ước của Bác Hồ hơn 25 năm trước càng bức xúc, vì rằng : "Đất nước ta, về trình độ lực lượng sản xuất, về khoa học và công nghệ, còn thuộc loại thấp nhất trong các nước chậm phát triển(...) Tình hình đó đặt ra những yêu cầu rất cao cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo...". Và hướng giải quyết là "phải kịp thời đưa các thành tựu khoa học, kỹ thuật hiện đại và công nghệ mới vào giáo dục, loại bỏ những hình thức và nội dung giáo dục không còn thích hợp..."(5).

Bác Hồ lưu ý Chính phủ phải biết phát hiện, đào tạo và tận dụng nhân tài. Ngay từ năm 1946, Người đặt vấn đề: "Nhà nước cần phải kiến thiết. Kiến thiết cần phải có nhân tài. Trong số 20 triệu đồng bào chắc không thiếu người có tài có đức. Nhưng vì Chính phủ nghe không đến, thấy không khắp, đến nỗi những bậc tài đức không thể xuất thân. Khuyết điểm đó, tôi xin thừa nhận".

III. GIÁO DỤC GẮN VỚI ĐỜI SỐNG

Bác Hồ luôn căn dặn các nhà giáo dục phải "dạy và học theo nhu cầu của dân tộc", "làm thế nào cho việc giáo dục liên kết với đời sống của nhân dân". Người đặc biệt nhấn mạnh tính

https://tieulun.hopto.org

thiết thực trong giáo dục cũng như trong các lãnh vực khác: "Chớ đặt những chương trình kế hoạch mênh mông, dọc nghe sướng tai nhưng không thực hiện được. Việc gì cũng cần phải thiết thực, nói được làm được . Một chương trình nhỏ mà thực hiện được hẳn hoi hơn là 100 chương trình to tát mà không làm được", đừng có "đưa ra quá nhiều khẩu hiệu khó hiểu, không thiết thực lại dài dòng"(1947).

Trong việc học tập lý luận Mác-Lênin, Người nói : "Lý luận rất cần thiết, nhưng nếu cách học không đúng thì sẽ không có kết quả". Vì rằng "học lý luận không phải để nói mép, biết lý luận mà không thực hành là lý luận suông". Người phê phán nghiêm khắc cách mở lớp huấn luyện thiếu chất lượng :"Huấn luyện lý luận có hai cách. Một cách là chỉ đem lý luận khô khan nhét cho đầy óc [học viên]. Rồi bày cho họ viết những chương trình, những khẩu hiệu rất kêu. Nhưng đối với thực tế (...) chỉ nói qua loa mà thôi. Thế là lý luận suông, vô ích(...) Rõ ràng nhất là mở lớp huấn luyện lung tung, [trở thành] một cái dịch mở trường(...) Rốt cuộc chỉ tốn gạo mà học thì học tập nhoang"(1950).

Học lý luận thì "phải nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ, tự do tư tưởng(...), phải đào sâu suy kỹ, phải bảo vệ chân lý" chứ không phải "nghe người ta nói giai cấp đấu tranh, mình cũng ra khẩu hiệu giai cấp đấu tranh mà không xét hoàn cảnh nước mình như thế nào để làm cho đúng". Học lý luận "không phải để học thuộc lòng từng câu từng chữ" mà là "để phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể của cách mạng nước ta cho phù hợp với điều

https://tieulun.hopto.org

kiện đặc biệt của nước ta(...) Có nhiều sai lầm là do sự thiếu kết hợp đó". Bác Hồ thẳng thắn vạch rõ : "Trong Đảng ta trình độ lý luận còn thấp kém, không ai có thể tự xưng mình là giỏi lý luận(...); kiêu ngạo, tự phụ, tự mãn là kẻ thù số một của học tập"(1957).

IV. HỌC KHÔNG BAO GIỜ CÙNG - HỌC SUỐT ĐỜI

Trong nhiều dịp nói chuyện với cán bộ, học sinh, Bác Hồ luôn nhấn mạnh "phải chịu khó học tập, kiên trì học suốt đời", "còn sống thì còn phải học", vì "không ai có thể tự cho mình là biết đủ, biết hết rồi. Thế giới ngày ngày đổi mới, nhân dân ta ngày càng tiến bộ cho nên chúng ta phải tiếp tục học và hành để tiến bộ kịp nhân dân"(1956). Bác mong muốn thanh niên phải biến nhu cầu học hỏi thành một dam mê : "Chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ". Người lấy mình làm dẫn chứng : "Tôi năm nay 71 tuổi, ngày nào cũng phải học(...) Không học thì không theo kịp, công việc nó sẽ gạt mình lại phía sau". Bác khuyên các đồng chí già : "Chúng ta là đảng viên già, hiểu biết của chúng ta hồi 30 tuổi so với hiểu biết của lớp trẻ bây giờ(...) thì chúng mình dốt lắm, tôi cũng dốt lắm"(1961).

Bác Hồ đặc biệt nhấn mạnh việc tự học, "lấy tự học làm cốt". Bác nhắc các cơ quan cần "hướng dẫn cách tự học " cho cán bộ và nhân dân, nhất là thanh niên. Bản thân Người là tấm gương vĩ đại về "tự học", tự giáo dục, tự rèn luyện : từ một thanh niên mới học qua tiểu học, Bác kiên trì tự học bằng nhiều hình thức, nhiều phương pháp và đạt đỉnh cao trí tuệ nhân loại khi

https://tieulun.hopto.org

đang ở độ tuổi 30.

V. VUN TRỒNG BỒI DƯỠNG THẾ HỆ MỚI

Mục tiêu có tính chiến lược của sự nghiệp giáo dục là chuẩn bị những thế hệ tương lai. Có thể nói : ý thức vun trồng thế hệ trẻ để kế tục sự nghiệp cách mạng là nỗi lo toan thường trực của Bác Hồ. Ngay từ năm 1925, trong thư gửi thanh niên Đông Dương, Bác viết : "Hỡi Đông Dương đáng thương hại ! Người sẽ chết mất nếu dám thanh niên sớm già của người không sớm hồi sinh". Khi Cách mạng tháng Tám vừa thành công, Bác khẩn thiết nhắc nhở các cháu học sinh : "Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu". Và câu nói nổi tiếng của Người : "Vì lợi ích 10 năm thì trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người". "100 năm trồng người", nghĩa là phải vun trồng từ khi lọt lòng mẹ : "Con trẻ là cái mầm, cái búp của dân tộc. Con trẻ có được nuôi dưỡng, giáo dục hẳn hoi thì dân tộc mới có thể tự cường tự lập".

Đó là trách nhiệm gia đình, nhà trường và toàn xã hội. Nhưng theo Bác Hồ, trước hết đó là trách nhiệm của lớp cán bộ thuộc thế hệ cha chú : "Các đồng chí già là rất quý, là gương bền bỉ đấu tranh dìu dắt bồi dưỡng dào tạo thêm đồng chí trẻ". Theo Bác, thế hệ tương lai sẽ có năng lực, phẩm chất như thế nào, một phần phụ thuộc vào những tấm gương của cha anh hôm nay.

Mặt khác, thế hệ già phải thực sự độ lượng, tin cậy lớp trẻ,

https://tieulun.hopto.org

phải coi dào tạo lớp người thay thế vừa là quy luật lịch sử vừa là trách nhiệm của mình : "Người già thì chết, người trẻ thì già. Chúng ta già thì chúng ta phải chết, ta phải chuẩn bị cán bộ". Hơn nữa, "công việc ngày càng mới, càng về sau này càng nhiều cái mới càng ít cái cũ(...) Có người nay còn lãnh dạo đó, nhưng sau này tiến lên máy móc, nếu không biết kỹ thuật có lãnh dạo được không ? Nếu không biết phải mời anh ra, cho người khác giỏi hơn vào làm... Chớ không phải như ngày xưa mà tưởng rằng "sống lâu lên lão làng"(...) Cố nhiên đối với các đồng chí già, đồng chí trẻ phải có những hành động tỏ rõ lòng tôn trọng của mình..., nhưng cũng không phải là "xuân thu lưỡng kỳ" để đồng chí già lên kiệu mà khiêng đi. Nếu làm như thế thì thật là vô lý"(1961).

Tư tưởng Hồ Chí Minh về "bồi dưỡng thế hệ trẻ" một lần nữa được Đảng nhấn mạnh : "Không phải ai khác mà chính thanh niên giữ vị trí trung tâm trong chiến lược phát huy nhân tố và nguồn lực con người của nước ta. Thật vậy, sự nghiệp đổi mới đất nước có thành công hay không, chủ yếu là do lực lượng thanh niên ngày nay quyết định(...) Có thể nói công tác thanh niên là vấn đề sống còn của dân tộc, quyết định sự thành bại của cách mạng"(6).

Đành rằng giáo dục là sự nghiệp của toàn xã hội, nhưng người lãnh nhiệm vụ trực tiếp vẫn là nhà giáo. Với ý nghĩa đó, Bác Hồ khẳng định : "Nếu không có thầy giáo thì không có giáo dục", vì "các thầy giáo có nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang là dào tạo cán bộ cho dân tộc(...), cho mọi ngành hoạt động". Vậy thì

https://tieulun.hopto.org

giúp đỡ nhà giáo đứng vững trong vị trí và trách nhiệm của mình phải chăng vừa là mong ước vừa lời khuyên chân thiết của Bác Hồ đối với tất cả chúng ta ? Và không phải ngẫu nhiên khi đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười dành một đoạn dài trong bài phát biểu (đã dẫn) để nói về nhà giáo : "Để đảm bảo chất lượng của giáo dục và đào tạo, phải giải quyết tốt vấn đề thầy giáo, kế thừa và phát huy truyền thống tôn sư trọng đạo của dân tộc ta. Phải đổi mới hệ thống sư phạm, đào tạo và đào tạo mới một đội ngũ giáo viên giỏi, có trách nhiệm, có lương tâm, có lòng tự hào về nghề nghiệp. Đó là điều kiện quyết định để nâng cao chất lượng giáo dục. Có những giải pháp thích đáng để cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhà giáo. Lâu nay, kể cả lương và các khoản trợ cấp, đời sống giáo viên vẫn khó khăn, phải làm thêm nhiều việc khác, thậm chí đến mức không ít thầy cô giáo coi dạy học chỉ là nghề phụ. Tình trạng này đã kéo dài, nay phải có biện pháp tích cực tháo gỡ, phấn đấu để "thầy ra thầy" thì "trò mới ra trò" được"(7)

VI. ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG : NỀN TẢNG CỦA GIÁO DỤC

Một lần, tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Bác Hồ nói : "Dạy cũng như học, phải biết chú trọng cả tài lẫn đức. Đức là đạo đức cách mạng, đó là cái gốc rất quan trọng. Nếu không có đạo đức cách mạng thì tài cũng vô dụng". Nhất là đối với người có chức vụ, "không có đạo đức thì dù tài giỏi đến mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc(...) là

https://tieulun.hopto.org

một công việc to tát mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hóa xấu xa thì còn làm nổi việc gì? (1947). Hẳn rằng Bác Hồ rất buồn khi thấy "có một số cán bộ lầm tưởng hòa bình là thái bình(...) muốn nghỉ ngơi, sợ gian khổ(...), không ham học tập, thiếu cảnh giác, kém kỷ luật, muốn ăn tiêu rộng rãi, thích phô trương lãng phí. Do đó mà tự tư tự lợi, tham ô hủ hóa" (1955). Bác thẳng thắn khuyên các đồng chí trong Hội đồng Chính phủ : "Trong Chính phủ ta tuy đã cố gắng nhưng phải cố gắng nhiều hơn nữa, phải luôn tự xét mình về mọi hoạt động, về công tác cũng như về đạo đức cách mạng"(1968).

Một điểm mấu chốt trong giáo dục đạo đức cách mạng, theo Bác Hồ, là phải chống *chủ nghĩa cá nhân*. Người nhấn mạnh ; "tư tưởng không đúng cũng còn nhiều, nhưng có một *tư tưởng mẹ* : đó là chủ nghĩa cá nhân", vì chủ nghĩa cá nhân *đẻ ra* tự tưởng công thần, kiêu ngạo, kèn cựa, địa vị, thu vén, nhân danh dủ mọi thứ để bám chặt đặc quyền đặc lợi, cản trở nghiêm trọng các chủ trương kế hoạch phát triển xã hội.

Trong sự chuyển mình hiện nay của đất nước, mở cửa để phát triển, tăng cường mọi quan hệ quốc tế, vấn đề đạo đức cách mạng và đạo lý nói chung đứng trước một thử thách mới. Đồng chí Tổng Bí thư đã nghiêm khắc ghi nhận : "Điều đáng quan tâm là các quan hệ đạo đức giữa người với người(...) có nhiều mặt bị sa sút nghiêm trọng". Và đồng chí cho rằng cần phải có những biện pháp hữu hiệu trong nhiều lãnh vực (nhất là trong giáo dục, văn hóa, văn nghệ...) nhằm ngăn chặn "nguy cơ phá hoại những giá trị nhân bản, những truyền thống lâu đời của dân tộc ta".

https://tieulun.hopto.org

Theo Bác Hồ, học tập lý luận Mác Lênin xét cho cùng là để vươn tới đạo đức cách mạng, chứ không phải để "trang sức". Bác nói : "Muốn giữ gìn sự trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin thì trước hết phải tự mình trong sáng. Muốn đánh thắng kẻ thù là chủ nghĩa đế quốc, muốn xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội thì trước hết phải chiến thắng kẻ thù bên trong của mỗi chúng ta"(1965).

Một năm trước khi Bác Hồ qua đời, trong buổi làm việc với một số cán bộ Ban Tuyên huấn Trung ương, nhân bàn về công tác giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, Người nói : "Hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin là phải sống với nhau có tình có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin được"(8).

---

*(1) Chăm sóc, bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội văn minh (Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười tại Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII) - **Sài Gòn giải phóng**, số ra ngày 16-1-1993.*

*(2) Đảng Cộng sản Việt Nam - **Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII** - NXB Sự Thật, Hà Nội, 1991, tr.33.*

(3) Bài phát biểu... (đã dẫn).

(4) Bài phát biểu ...(đã dẫn)

*(*) Các trích dẫn dựa theo **HỒ CHÍ MINH, Tuyển tập, Toàn tập,***

(5) Bài phát biểu ... (đã dẫn)

(6) Bài phát biểu ... (đã dẫn).

(7) Bài phát biểu ...(đã dẫn).

https://tieulun.hopto.org

(8) Tham luận tại Hội thảo Khoa học thực tiễn "Tư tưởng Hồ Chí Minh và Cách mạng Việt Nam" tổ chức ở TP. Vũng Tàu ngày 16 và 17-3-1993.

https://tieulun.hopto.org

DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM NHÌN TỪ GÓC ĐỘ LỊCH SỬ

Bài phát biểu của Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh tại Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (Khóa VI) có đoạn : "Công cuộc đổi mới toàn diện ở nước ta hiện nay đang đặt ra biết bao nhiêu vấn đề phải giải đáp, không có ai thay thế chúng ta để làm nhiệm vụ đó".

Đúng là như vậy. Vấn đề "dân chủ" ở Việt Nam cũng như vậy. Muốn "xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa "(như trong *Đề cương* Hội nghị Trung ương lần thứ 8 sắp tới) không thể không tìm hiểu xem chúng ta đã kế thừa được truyền thống gì của tổ tiên, mặc khác chúng ta đã có được những cơ sở như thế nào, có được bao nhiêu vốn liếng về dân chủ từ sau Cách mạng tháng Tám 1945.

1. Trước hết là vấn đề "truyền thống".

Không ít người cho rằng dân ta có truyền thống "dân chủ". Tôi nghĩ hơi khác. Việt Nam, cho đến trước khi thực dân Pháp

https://tieulun.hopto.org

xâm lược (giữa thế kỷ XIX) vẫn còn là một quốc gia quân chủ tập trung kiểu phương Đông, mà đại diện tối cao là những ông vua nắm toàn quyền sở hữu và chi phối toàn bộ đất đai trong nước. Người dân được vua "ban cho" ruộng đất để thực hiện nghĩa vụ "thần dân" (nộp tô thuế, chịu lao dịch, binh dịch...).

Ở những thời kỳ mâu thuẫn xã hội tạm thời được hòa hoãn, người dân sống tương đối ổn định, thì vua ngồi vững trên ngai vàng mà cai trị dân. Dư âm của những thời như vậy vẫn còn vang vọng : "Thời vua Thái tổ Thái tông, Thóc lúa đầy đồng trâu chẳng buồn ăn...". Nhưng một khi toàn bộ hình thái kinh tế xã hội kiểu phương Đông bước vào thời kỳ suy thoái từ thế kỷ XVI và nghiêm trọng ở thế kỷ XVIII, thể hiện ở chính sách bóc lột nặng nề của cơ chế quân chủ, ở sự áp bức của bộ máy quan lại các cấp thì nỗi căm oán của người dân thể hiện thành hành động với những cuộc nổi dậy khắp nơi. Người dân muốn phủ định bộ máy vua quan làm trì trệ nền sản xuất, làm phá sản người nông dân, làm cho đất nước ngày một lún sâu vào cảnh nghèo nàn lạc hậu.

Đến lúc này thì ông quan lộ nguyên hình là tai họa của dân. Vua dạy rằng "quan là cha mẹ dân". Nhưng dân thì vạch mặt quan - cả năng lực lẫn tư cách : "Của vào quan như than vào lò", "Miệng quan trôn trẻ"; hoặc : "Ngày thì quan lớn như thần, Đêm thì quan lớn...". Người ta dạy con : "Con ơi nhớ lấy câu này, Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan!". Thậm chí : "Bộ Binh, bộ Hộ, bộ Hình, Ba bộ đồng tình bóp vú con tôi".

Còn vua thì sao ? Vua mặc nhiên coi mình là đấng tối thượng, thay trời trị dân. Nhưng khi nỗi căm oán của người dân

https://tieulun.hopto.org

đã dâng tràn thì vua cũng chẳng là cái gì cả : "Được làm vua, thua làm giặc". Lại còn cảnh cáo vua : "Con vua thì lại làm vua, Con sãi ở chùa thì quét lá đa, Bao giờ dân nổi can qua, Con vua thất thế lại ra quét chùa." Đến như "Vua Ngô băm sáu tàn vàng, chết xuống âm phủ chẳng mang được gì", huống hồ là vua ta ! Có khi, như ở thời Nguyễn, người dân chỉ thẳng vào mặt vua mà lên án : "Từ ngày Tự Đức lên ngôi, Cơm chẳng đầy nồi trẻ khóc như ri, Bao giờ Tự Đức chết đi, Thiên hạ bình thì mới dễ làm ăn".

Trải qua nhiều thế hệ, ý thức *phản kháng áp bức cường quyền* được tích lũy và trở thành một trong những truyền thống quý báu của người Việt Nam. Đương nhiên trong truyền thống đó có hàm chứa những yếu tố nhân bản, những yếu tố "dân chủ" hiểu theo nghĩa rộng, nhưng nếu hiểu theo khái niệm "dân chủ" với ý nghĩa là một thành quả của nhân loại tiến bộ ở đầu thời cận đại thì e rằng chưa thỏa đáng.

Có người nhắc đến những bản hương ước làng xã xưa kia, nhắc đến Hội nghị Diên Hồng thời Trần, nhắc lại câu "phép vua thua lệ làng" để minh họa cái mà họ gọi là "truyền thống dân chủ lâu đời" của người Việt Nam. Cũng có người nhắc đến chính sách "thân dân" ở thời Lý-Trần, nhắc đến Nguyễn Trãi khi gợi hình tượng "dân như nước, nước có thể đẩy thuyền cũng có thể lật thuyền", nhắc đến câu nói bất hủ của Trần Hưng Đạo : "Khoan sức cho dân để làm kế sâu rễ bền gốc" v.v... để chứng minh ý thức "lấy dân làm gốc" của người xưa. Không ai trong chúng ta phủ nhận những thành tố dân chủ hàm chứa trong những

THƯ VIỆN ĐẠI HỌC TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH
VN 8 8 8 7 5
THƯ VIỆN KHOA HỌC & KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH
Số
https://tieulun.hopto.org

dẫn chứng nói trên. Nhưng "dân chủ" mà mỗi người chúng ta hôm nay đang trăn trở và tha thiết vươn tới là dân chủ phản ánh *quyền con người*, quyền của mỗi con người với tư cách vừa là *công dân* vừa là *chủ thể xã hội*.

Ở Việt Nam, sau khi Đảng ta tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, xóa bỏ quân chủ, đánh đổ thực dân, thì người dân Việt Nam mới thực sự bắt đầu làm quen với những nội dung về "dân chủ", về quyền con người, quyền công dân, điều mà thời quân chủ hay thời bị thực dân đô hộ chưa thể có được. Tuy nhiên, trong lúc đó *bộ máy nhà nước*, dù muốn dù không, lại bị ảnh hưởng của những mô hình nhà nước cũ kiểu phương Đông, mà rõ nét nhất là tính chất *quan liêu* của nó (và hạn chế này không chỉ riêng ở nước ta).

2. Dân chủ tư sản và Dân chủ xã hội chủ nghĩa

Trước tiên, có lẽ nên phân biệt hai nội dung khác nhau trong khái niệm "dân chủ tư sản".

Thứ nhất là dân chủ - thành quả của cách mạng tư sản. Đúng ra phải nói đó là thành quả của tiến bộ xã hội trong cuộc đấu tranh tiêu diệt chế độ phong kiến, mà đỉnh cao là Cách mạng Pháp 1789. Những thủ lĩnh của cách mạng tư sản thậm chí cũng không lường nổi tác dụng to lớn của thành quả này, hoặc như cách diễn đạt của giáo sư Trần Văn Giàu khi nói về ý nghĩa nhân bản của Tuyên ngôn nhân quyền dân quyền, mà theo giáo sư "là một ánh sáng chói lọi, một tiếng gọi thức tỉnh tác động rộng hơn là các nhà thảo ra Tuyên ngôn đã tưởng tượng".

https://tieulun.hopto.org

Những thành quả dân chủ đó của nhân loại thời cách mạng tư sản đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng vào việc xây dựng nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và được phản ánh trong Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam.

Thứ hai là kiểu "*dân chủ*" mà giai cấp tư sản ra sức ca ngợi hòng che đậy sự phản bội của họ đối với quần chúng lao khổ từng đi theo ngọn cờ cách mạng tư sản đầu thời cận đại. Và tôi hiểu rằng : khi đồng chí Nguyễn Văn Linh nói Đảng ta không chấp nhận "tự do hóa tư sản" hoặc "dân chủ tư sản" là muốn nói đến thứ "dân chủ tư sản" hình thức, hay nói cụ thể hơn : thứ "dân chủ" của người làm thuê và" dân chủ" của ông chủ.

Thực ra, ngay khi cách mạng tư sản đang diễn ra sôi động nhất, phù hợp với xu thế thời đại và nguyện vọng quần chúng, thì đồng thời nó cũng tạo ra những lớp sương mờ che khuất trong một thời gian khá dài bản chất bóc lột và áp bức của giai cấp tư sản. Về điểm này , giáo sư sử học Pháp Claude Mazauric đã có nhận định khá tinh tế : "Cuộc cách mạng Pháp đã tạo những hình thức đầu tiên và cho phép thực hiện những thí nghiệm đầu tiên về nền dân chủ chính trị mới. Những người cộng sản Pháp hiểu rằng hình thức nhà nước mới tư sản dân quyền thay thế một nhà nước cũ chuyên chế đã tạo nên một tiến bộ lịch sử to lớn, nhưng nó cũng có thể là nguồn gốc của những ảo tưởng [chúng tôi nhấn mạnh] và che lấp sự thật đối với những nạn nhân của áp bức tư bản và thuộc địa".

Ở Việt Nam, từ sau năm 1945 Đảng và Nhà nước ta đã đem lại cho nhân dân những nhận thức mới mẻ và quyền lợi thiết thực

https://tieulun.hopto.org

của người công dân trong một chính thể dân chủ. Nhờ vậy, trải qua ngót nửa thế kỷ, ý thức về dân chủ, về quyền công dân của người Việt Nam ngày một nâng cao, hạn chế dần tính quan liêu tàn dư của những nhà nước cũ kiểu phương Đông.

Trong quá trình xây dựng và thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, chúng ta có kế thừa được của cha ông những nhân tố dân chủ hàm chứa trong truyền thống chống áp bức cường quyền thời quân chủ, đồng thời cũng đã có ít nhiều cơ sở, vốn liếng của dân chủ - thành quả của nhân loại thời cách mạng tư sản. Vả chăng, đó cũng là mục tiêu có tính giai đoạn của Đảng : cương lĩnh đầu tiên của Đảng ta đã ghi rõ làm cách mạng tư sản dân quyền tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, do hoàn cảnh chống ngoại xâm liên tục trong ngót 30 năm (1945-1975), mặt khác do cấu trúc thượng tầng chưa hoàn toàn thoát ly những di sản của quá khứ, cho nên trong khi truyền thống chống áp bức cường quyền của người Việt Nam được chuyển thành sức mạnh xây dựng đất nước trong điều kiện không còn áp bức, thì ý thức về dân chủ xã hội chủ nghĩa tuy ngày một rõ nét, vẫn cần được không ngừng bồi dưỡng, phát huy.

3/ Vấn đề bức xúc hiện nay của chúng ta là gì ?

Trong *Diễn văn* tại mít tinh kỷ niệm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh năm 1989, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh nói : "Hiện nay trong xã hội ta vẫn còn nhiều hiện tượng mất dân chủ, vi phạm quyền làm chủ của dân, có lúc có nơi diễn ra nghiêm trọng. Những hành động của một số cán bộ đảng viên

https://tieulun.hopto.org

trù dập dân, xâm phạm đến lợi ích chính đáng của dân, độc đoán áp đặt ý kiến sai trái của mình bắt dân theo v.v... là hoàn toàn xa lạ với bản chất dân chủ và nhân đạo của xã hội ta. Không thể kéo dài mãi tình trạng đó".

Người dân đặt tên cho những phần tử thoái hóa biến chất trong bộ máy nhà nước hiện nay là "bọn quan liêu cường hào mới", thực chất là hình ảnh tái sinh của những viên quan lộng hành, những cường hào thời quân chủ.

Vậy thì phải chăng trong công cuộc đổi mới hiện nay của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, những phần tử thoái hóa biến chất trong bộ máy nhà nước các cấp đã trở thành tai họa của quần chúng ? Hay nói khái quát hơn : một vấn đề bức xúc của công cuộc đổi mới hiện nay là phải khẩn trương loại trừ những gì liên quan đến tệ độc đoán quan liêu trong bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Nói cụ thể hơn : "phải kiên quyết loại trừ ra khỏi dời sống xã hội" bọn người coi thường pháp luật, vừa mị dân vừa ức hiếp dân, vừa bòn rút của dân vừa hùa nhau đục khoét tài sản nhà nước bằng đủ mọi mánh khoé, làm giàu phi nghĩa và sống xa hoa. Thực trạng này, một lần nữa, lại được đồng chí Nguyễn Văn Linh nhấn mạnh trong *Diễn văn* tại lễ kỷ niệm lần thứ 60 Ngày thành lập Đảng (đã dẫn) : "Gần đây tình trạng xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, thâm ô hối lộ, phung phí của cải của nhân dân, ăn chơi sa đọa trong một bộ phận cán bộ đảng viên - nhất là ở các ngành kinh tế - tăng lên đến mức báo động, gây phẫn nộ chính đáng trong các tầng lớp nhân dân. Đây thật sự là tội ác dù

https://tieulun.hopto.org

xét theo khía cạnh đạo đức cá nhân hay hành vi xã hội. Luật pháp phải kiên quyết loại trừ ngay những con sâu mọt đó. Kỷ luật Đảng phải sớm chấm dứt sự xói mòn nguy hiểm đối với uy tín của Đảng".

Rõ ràng là "phải kiên quyết loại trừ ngay" những phần tử nói trên thì mới có thể mở đường cho người dân vươn tới những quyền được ghi nhận trong Hiến pháp và trong các bộ luật, nghĩa là những quyền công dân thực sự của một nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Và có như vậy thì các khẩu hiệu "lấy dân làm gốc", coi "dân là gốc", "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" mới có điều kiện để trở thành hiện thực (1).

(1) Tham luận tại Hội thảo "Dân chủ và thời đại" do Ban Khoa học Xã hội Thành ủy TP. Hồ Chí Minh tổ chức, tháng 10-1989.

https://tieulun.hopto.org

Ý THỨC CỘNG ĐỒNG : NỀN TẢNG ĐẠO LÝ TRONG LÀNG XÃ VIỆT NAM TRUYỀN THỐNG

Bàn về nền tảng đạo lý trong LÀNG XÃ VIỆT NAM, có thể đề cập nhiều yếu tố. Ở đây, chúng tôi chỉ muốn được trình bày vài suy nghĩ về "ý thức cộng đồng". Đành rằng "ý thức cộng đồng" không phải là "đặc sản" của làng xã Việt Nam, nhưng do hoàn cảnh địa lý, lịch sử, xã hội, yếu tố "cộng đồng" của làng xã Việt Nam phải được phát huy vượt bậc để có thể trở thành một "bí quyết" bảo đảm sự tồn tại của làng xã, cũng là một trong những yếu tố cơ bản hình thành ĐẠO LÝ LÀNG XÃ VIỆT NAM TRUYỀN THỐNG. Đạo lý đó được phản ánh khá phong phú trong tư liệu thành văn, đặc biệt được kết tinh như những viên ngọc sáng trong kho tàng tục ngữ, ca dao trải mấy ngàn năm lịch sử.

https://tieulun.hopto.org

I

Có thể nói : từ nhiều thế kỷ trước Công nguyên với thời đại Hùng Vương, với nước Văn Lang và văn hóa Đông Sơn nổi tiếng, người Việt Nam đã tự xây dựng một cuộc sống tinh thần phong phú, một *nền tảng đạo lý* đồi dào sức sống và vững vàng bản lĩnh bắt rễ từ trong cộng đồng làng xã, hay như cách nói của GS. Nguyễn Đổng Chi: "Có thể nói không quá đáng rằng **làng** là một cơ thể trọn vẹn gần như một con người (...), nó ẩn giấu một linh hồn, một tâm lý ý thức cộng đồng"(1).

Cuộc đấu tranh sinh tồn trong từng cộng đồng trước thời Hùng Vương càng được củng cố khi bước vào buổi đầu dựng nước(2). Nhu cầu "chung lưng đấu cật" trong làng xóm giúp các thế hệ Việt Nam thể nghiệm sâu sắc sức mạnh của cộng đồng (Đông tay hơn hay làm, Xấu đều hơn tốt lời). Một cá nhân chỉ có thể có cống hiến khi gắn mình với cộng đồng. Cái khôn ngoan đơn độc của một người không bằng cái "dại" của số đông (Khôn độc không bằng ngốc đàn). Ngược lại, nếu biết tập hợp sự hiểu biết bình thường của nhiều người cũng có thể tạo ra một sự khôn ngoan (Ba người dại họp lại một người khôn).

Nhờ ý thức được rất sớm chân lý "Đông người thì sống, mống người thì chết", người Việt Nam trong từng làng xã hết đời này sang đời khác đã vượt qua bao thử thách hiểm nghèo trong cuộc vật lộn với đủ loại thiên tai và từng bước biến đổi thiên

https://tieulun.hopto.org

nhiên để phát triển và bảo vệ cộng đồng. Cho nên từ ngàn xưa, làng xóm Việt Nam đã là một *đơn vị thống nhất* trong cuộc đấu tranh chống thiên tai, bảo vệ đê điều. Vì "nước lụt thì lút cả làng" nên "nhân tố thủy lợi là một phương diện quan trọng củng cố tinh thần cộng đồng của làng xã Việt Nam"(3)

Từ chỗ nhận thức được sức mạnh của cộng đồng mà biết chủ động tạo ra sức mạnh đó :

"Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại thành hòn núi cao"

Ý thức "chụm lại", ý thức "hợp quần" trở thành ý thức thường trực của mỗi thành viên làng xã. Càng nhận rõ trách nhiệm của mình trong cộng đồng thì càng có ý thức cưu mang che chở lẫn nhau (Lá lành đùm lá rách, Cành dưới đỡ cành trên), không để cho "môi hở răng lạnh", không để cho một con sâu có thể "làm rầu" cả nồi canh. Nền tảng đạo lý cộng đồng trong làng xã Việt Nam chính là bắt nguồn từ những tình cảm, những tâm lý như vậy.

Trải qua gian khổ và thử thách, mỗi thành viên làng xã càng thấm thía giá trị của lao động và xương máu, càng thiết tha với mảnh đất quê hương do chính mình gây dựng để trở lại nuôi mình. Càng thiết tha với quê hương lại càng thấm thía công ơn dựng làng dựng nước của cha ông. Đã biết bảo nhau : "Uống nước nhớ nguồn; Ăn quả nhớ kẻ trồng cây" thì dừng dại dột nghe ai mà xa lìa nguồn cội. Hãy bảo nhau : "Ta về ta tắm ao ta...". Hãy biết tôn trọng, biết tự hào những cái của chính mình do chính mình tạo nên (Trâu ta ăn cỏ đồng ta...)

https://tieulun.hopto.org

Cuộc đấu tranh kiên trì và quyết liệt nhằm xây dựng và bảo vệ xóm làng buộc mỗi người phải cố kết với nhau, phải thực sự thương yêu nhau (Thương người như thể thương thân). Người ta phải sống với nhau "có nghĩa có tình", biết chia sớt cho nhau niềm vui, nỗi khổ (Tay đứt ruột xót; Một con ngựa dau cả tàu chê cỏ). Sống với nhau "vì tình vì nghĩa, không ai vì đĩa xôi đầy". Người ta bảo nhau : "Đường mòn, ơn nghĩa không mòn", vậy nên "Ơn ai một chút chớ quên, phiền ai một chút để bên cạnh lòng", đúng như có nhà nghiên cứu đã viết : "Trong quan hệ giữa các thành viên làng xóm, mỗi người nợ nần tất cả mọi người, phụ thuộc ơn nghĩa lẫn nhau".

Ở đây, vong ơn bội nghĩa, phản trắc không có chỗ đứng. Người ta chê trách những kẻ "ăn mít bỏ xơ, được chim bẻ ná, được cá quên nơm"; người ta vạch mặt những ai "qua cầu cất nhịp, qua rào vỗ vế, ăn cháo đá bát".

II

Đạo lý "tình nghĩa" của làng xã Việt Nam truyền thống càng được bồi đắp, phát huy *theo bước chân người nông dân đi khai phá những vùng đất mới phía Nam*. Họ vốn là nạn nhân của áp bức bóc lột và nội chiến liên miên (ở các thế kỷ XVI-XVIII); họ ra đi "không phải bằng thanh gươm vó ngựa mỗi ngày đi hàng chục dặm mà bằng lưỡi cày đôi trâu đi từng bước một"(4).

Chống chọi với thiên nhiên nghiệt ngã, chỉ có hành trang

https://tieulun.hopto.org

vật chất đơn giản thô sơ, nên càng phải gìn giữ hành trang đạo lý làm người mang theo từ làng quê cũ thì mới có thể đương đầu với thử thách để sống còn. Trong cuộc dọ sức với rừng hoang thú dữ (Nhất phá sơn lâm, nhì đâm hà bá), người ta không thể sống ích kỷ; trái-lại nhu cầu nương tựa nhau trở thành bức xúc hơn bao giờ hết (Người cầm cuốc, kẻ cầm rựa, lưng dựa vào nhau).

Xuất phát từ thực tế lịch sử và địa lý như trên, *làng xã Nam Bộ* có những nét riêng so với làng xã miền Bắc và miền Trung. Những người nghiên cứu nhất trí với nhau rằng : ở miền Bắc, quan hệ họ hàng làng xóm thường bó hẹp trong lũy tre, cổng làng, cây đa giếng nước... dựa trên ruộng đất công làng xã, quẩn quanh "trong họ ngoài làng". Còn ở Nam Bộ, quan hệ họ hàng, thôn ấp ít ràng buộc hơn. Ở đây, người dân thôn ấp luôn di động để mở rộng địa bàn canh tác (Ruộng đồng mặc sức chim bay, Biển hồ lai láng cá bầy dua bơi).

Phương thức khai hoang trên những vùng đất mới tạo ra ở Nam Bộ một cảnh quan làng xóm khác hẳn miền Bắc, miền Trung : "Làng ấp không tập trung như ở Trung, Bắc mà rải dài theo sông rạch, mỗi nhà một vuông tre..."(5). "Mắm trước, dước sau, tràm theo sát, Sau hàng dừa nước mái nhà ai" là một nét đặc tả vừa thi vị vừa thực tế về cảnh quan thôn ấp Nam Bộ từ những ngày đầu mở đất. Đã có người gọi văn hóa Nam Bộ là "văn minh kênh xáng" và làng ấp Nam Bộ thuộc dạng "quần cư tuyến dọc".

Tuy nhiên, làng ấp Nam Bộ vẫn gìn giữ được những yếu tố tinh thần đậm đà bản sắc dân tộc, mà trước hết là đạo lý cộng đồng. Những yếu tố đó không hẳn đã phai nhạt, càng không dễ

https://tieulun.hopto.org

"bị tan rã" như đã có nhận xét như vậy, trái lại càng đậm nét hơn trong tâm lý những con người từ nhiều quê quán tìm đến với nhau, không phải bằng thế lực hay của cải mà bằng tấm lòng nghĩa hiệp chí tình, đúng như GS Trần Văn Giàu đã viết : "Họ nguyên là con em hoặc chính họ là dân "tứ chiếng"(...) đem theo mình nhiều chất phiêu lưu mạo hiểm..., giữa họ với nhau tình huynh đệ giang hồ nghĩa hiệp là một thực tế lắm khi cao cả, chớ có khinh thường"(6).

Một điều đáng chú ý là : trong làng xã miền Bắc ngày xưa, nếu như người ta có thể nghe đâu đó những câu đại để : "Khôn ngoan ở đất nhà bay, Dù che ngựa cưới tới dây cũng hèn", hoặc "Bước chân đồng đất xứ người, Đứa trẻ lên mười cũng gọi bằng anh", thì ở thôn ấp Nam Bộ những xúc cảm cách dây có lẽ đã vài thế kỷ vẫn còn vang vọng :

"Nước trong xanh sao nước chảy hoài,
Thương người xa xứ lạc loài tới dây..."

Có nhà nghiên cứu còn mạnh dạn khẳng định rằng : trong tâm lý người nông dân thôn ấp Nam Bộ không có sự phân biệt "chính hộ" và "khách hộ", thậm chí không có danh từ "dân ngụ cư". Ở dây, dân thôn ấp mở rộng vòng tay đối với "người mới đến", cưu mang nhau trong tinh thần "trọng nghĩa khinh tài", không định kiến địa phương (7). Hẳn rằng với đặc điểm này, người Nam bộ đã góp thêm một viên ngọc sáng vào đạo lý cộng đồng của làng xã Việt Nam truyền thống.

https://tieulun.hopto.org

III

Đạo lý cộng đồng được vun đắp từ trong gia đình, thân tộc, láng giềng, làng xã và mở rộng ra cả đất nước. Có thể nói : *tinh thần yêu nước* của người Việt Nam đã cắm rễ từ trong ý thức về sức mạnh của cộng đồng, cũng là sức mạnh của chính mình. Tâm trạng của mỗi người không phải không có lúc trải qua những tính toán thiệt hơn, nhưng cuối cùng đạo lý đã thắng : "Nhiễu điều phủ lấy giá gương...".

Cũng từ đạo lý đó mà làng xã Việt Nam đã vượt ra khỏi thế biệt lập, khép kín để phát huy ý thức cộng đồng ra ngoài phạm vi làng xã, trở thành ý thức quốc gia dân tộc. Và câu nói bất hủ của Nguyễn Trung Trực : "Bao giờ nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây" có lẽ không phải là câu thách đố thiếu cân nhắc, mà chính là bật ra từ trong đạo lý của những người "dân ấp dân lân". Một nhà nghiên cứu đã có lý khi cho rằng : "Ý thức quốc gia rất sâu sắc, rất mạnh là một đặc điểm của hệ tư tưởng làng xã Việt Nam"(8)

Từ đây, LÀNG và NƯỚC quyện chặt vào nhau trên nền tảng đạo lý của cả dân tộc. Và nhu cầu bảo vệ khối đoàn kết thống nhất trở thành nghĩa vụ hệ trọng hàng đầu của mỗi thành viên làng xã. Người ta dặn mình và dặn nhau : hãy dành sức lực để chống trả những kẻ manh tâm "chia bầu rẽ bí", phá vỡ cộng đồng, gây cảnh "sẻ nghé tan đàn" (Khôn ngoan đá đáp người

https://tieulun.hopto.org

ngoài, Gà cùng một mẹ ai hoài dá nhau).

Trên nền tảng đạo lý đó mà hình thành bản lĩnh Việt Nam (Đói cho sạch, rách cho thơm; Chết trong hơn sống dục), bản lĩnh dám khẳng định một cội nguồn đạo lý của riêng mình : "Phá lá cây thì dễ, Phá chồi chẳng dễ dâu".

Đạo lý làng xã Việt Nam tuy không được chép thành kinh điển, nhưng nó chắc nịch hơn bất cứ pho kinh điển nào trong lịch sử tư tưởng cổ trung đại.

Không có một niềm tin mãnh liệt, một đạo lý vững chắc, người Việt Nam khó lòng thoát khỏi 1000 năm đô hộ cay nghiệt của các đế chế phương Bắc, nói gì đến việc thoát ra được mà "mình vẫn là mình". Trong hơn 1000 năm đó, LÀNG XÃ VIỆT NAM đã đóng vai trò *chiến tuyến phòng ngự*, lại vừa là *pháo đài phản kích* mọi mưu đồ đồng hóa, vừa là *hậu cứ bất khả xâm phạm* bảo tồn tiếng mẹ đẻ, giữ gìn những di sản tinh thần thiêng liêng nhất mà các thế hệ Việt Nam đã tạo dựng từ thời đại các Vua Hùng.

Nhưng đồng thời, có những lúc quân xâm lược hung hãn ào ạt kéo tới mà làng xã chưa đủ sức ngăn chặn thì cả làng có thể sẵn sàng tạm rút đi, bỏ lại vườn không nhà trống để cô lập quân địch, để tổ chức cuộc chiến đấu dưới những hình thức khác. Chính trong những tình huống này ý thức cộng đồng làng xã càng được thể hiện : "Trong thời đại cũ, chỉ có làng xã với một tinh thần tập thể, một trách nhiệm cao mới thực hiện việc "đồng không vườn trống", việc di chuyển từ nơi này sang nơi khác một cách nhanh chóng, đồng loạt được... Nếu chỉ cá nhân hay gia đình,

https://tieulun.hopto.org

nếu không có sức mạnh truyền thống của cộng đồng làng xã thì không thể làm đều khắp như vậy"(9)

Cả ngàn năm mất nước thời Bắc thuộc mà vẫn kiên quyết giữ gìn một bộ tóc dài, một hàm răng đen thì đâu phải là việc làm lẩm cẩm của các thế hệ từ Bà Trưng Bà Triệu đến họ Khúc họ Ngô ! "Đánh cho để dài tóc ! Đánh cho để đen răng !", hẳn rằng vị anh hùng Nguyễn Huệ ở thế kỷ XVIII đã gợi cho chúng ta một cách nhình chân xác và cụ thể về sức sống quật cường được nuôi dưỡng bằng dòng sữa đạo lý của CỘNG ĐỒNG LÀNG XÃ VIỆT NAM TRUYỀN THỐNG (10)

---

*(1) Xin tham khảo : **Nông thôn Việt Nam trong lịch sử** - Tập II. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1978, tr.53-73.*

(2) Dấu vết làng xóm thời xa xưa còn được lưu lại ở hàng loạt địa danh Việt cổ, như làng Đăm, làng Sên, làng Ngăm (ở Hà Đông), làng Ngọt, làng Ké (ở Bắc Ninh), làng So, làng Bùng (ở Sơn tây), làng Mo, làng Vó (ở Ninh Bình)v.v...

*(3) Xin tham khảo : GS. Nguyễn Hồng Phong - Di sản làng xã trước Cách mạng xã hội chủ nghĩa - **Nông thôn Việt Nam trong lịch sử** (Sách đã dẫn, tr.468).*

*(4) Xin tham khảo : GS. Trần Văn Giàu - Mấy đặc tính của nông dân đồng bằng Cửu Long - Đồng Nai - **Một số vấn đề khoa học xã hội về ĐBSCL** - NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1982, tr.198.*

(5) (6) Xin tham khảo : GS, Trần Văn Giàu - Bài và sách đã dẫn, tr.199.

*(7) Xin tham khảo : GS. Dương Hồng Hiên - **Nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long** - NXB TP. Hồ ChíMinh, 1989, trt.43.*

(8) Xin tham khảo : GS. Nguyễn Hồng Phong - Bài và sách đã dẫn, tr.472.

https://tieulun.hopto.org

(9) Xin tham khảo : GS. Nguyễn Đổng Chi - Bài và Sách đã dẫn, tr.53-72.

(10) Tham luận tại **Tọa đàm khoa học "Vấn đề làng xã ở châu Á và ở Việt Nam"** - Viện Khoa học Xã hội tại TP. Hồ Chí Minh, tháng 1-1994.

https://tieulun.hopto.org

NĂM TRĂM NĂM NGUYỄN BỈNH KHIÊM MỘT NỖI ĐAU TÌNH ĐỜI, VẬN NƯỚC

Những công trình nghiên cứu cho biết NGUYỄN BỈNH KHIÊM sinh năm 1491, mất năm 1585, thọ 94 tuổi. Như vậy, ông sống gần trọn thế kỷ 16, xuyên suốt thời các ông vua cuối Lê sơ (Uy Mục, Tương Dực) ở đầu thế kỷ, tiếp đó là cuộc xâu xé trong nội bộ giới thống trị dẫn đến việc Mạc Đăng Dung lập ra triều Mạc (từ 1527), rồi Nguyễn Kim dựng lên cái gọi là "triều Lê trung hưng". Năm 1545, Nguyễn Kim mất, Trịnh Kiểm thay bố vợ nắm quyền. Mạc và Trịnh, mỗi dòng họ cai trị một vùng (Bắc triều, Nam triều), xung đột nhau dẫn đến nội chiến ác liệt kéo dài hơn nửa thế kỷ. Đồng thời, mầm mống của một cuộc xung đột mới giữa Trịnh và Nguyễn cũng đã bắt đầu từ năm 1558, sau khi Trịnh Kiểm diệt em vợ là Nguyễn Uông, buộc Nguyễn Hoàng phải tìm cớ chạy vào Thuận Hóa tránh tai họa trước mắt.

Nguyễn Bỉnh Khiêm là Trạng nguyên, là quan tam phẩm của triều Mạc, nhưng chỉ tại chức 8 năm. Năm 45 tuổi, ông xin

https://tieulun.hopto.org

từ chức sau vụ dâng sớ hạch tội 18 lộng thần không hiệu quả, mặc dầu nhà Mạc vẫn muốn lợi dụng uy vọng của ông để tạo thế lực, và đã phong cho ông lên cực phẩm triều đình (chức Thái phó).

Bàn về thời đại của Nguyễn Bỉnh Khiêm, gần đây có vài nhà sử học cho rằng : không thể nói thế kỷ 16 đánh dấu chế độ phong kiến chuyển nhanh sang tình trạng suy đốn, trái lại nó đang trên đà phát triển đầy sinh lực. Cũng theo ý kiến này, đã đến lúc những người nghiên cứu cần đánh giá lại vai trò nhà Mạc trong lịch sử : không thể coi triều Mạc là hỗn loạn, suy thoái, không thể coi xã hội thời Mạc là một xã hội rối ren, khủng hoảng...

Chúng tôi chưa có tham vọng tìm hiểu tính chất xã hội thời Mạc. Vấn đề này xin dành cho những chuyên gia về "Phương thức sản xuất châu Á" và về hình thái kinh tế xã hội Việt Nam cổ, trung đại nói riêng. Trong phạm vi bài này, chúng tôi chỉ muốn được thông qua một ít thơ văn của Nguyễn Bỉnh Khiêm, hy vọng tìm hiểu *tâm sự đích thực* của một ông Trạng - chứng nhân của ngót một thế kỷ 16 đầy biến cố - tuy rằng chính Nguyễn Bỉnh Khiêm đã thận trọng dặn lại hậu thế : "Đâu dám bảo thơ tức là sử" (Cảm vân thi tức sử - *Cảm hứng*).

1. NỖI ĐAU VÌ ĐẠO LÝ ĐẢO ĐIÊN

Dưới mắt ông Trạng Trình, xã hội thời Mạc bày ra đủ mọi thứ tiêu cực : cương thường suy sụp, lễ nghĩa ngang trái, địa vị đảo ngược, quan hệ vua tôi, cha con... hết sức lộn xộn. Người đời

https://tieulun.hopto.org

chạy theo cái lợi tầm thường, chỉ biết nịnh bợ kẻ lắm tiền, nhiều của :

"Thớt có tanh tao ruồi đậu đến
Ang không mật mỡ kiến bò chi"

Đồng tiền là trên hết, đè bẹp tất cả :

"Đời nay nhân nghĩa tựa vàng mười
Có của thì hơn hết mọi lời (...)
Người, của lấy cân ta thử nhắc
Mới hay rằng của nặng hơn người"

Hễ nghe tiếng đồng tiền kêu leng reng, "thỉnh thỉnh" thì mọi lý sự về đạo đức cũng trở thành vô nghĩa :

"Đạo nọ nghĩa này trăm tiếng bợn
Nghe thôi thỉnh thỉnh lại đồng tiền"

Chà đạp lên đạo lý, con người đối xử với nhau tàn nhẫn, hiểm ác, nhất là khi nắm quyền hành trong tay :

"Thịt chó, chó ăn, loài chó đại (...)
Cá cả mong ăn con cá con"

Đối trá, gian manh, tham lam không đáy :

"Lận thế, treo dê mang bán chó
Lập danh cời hạc lại đeo tiền"

Đã tham lam thì phải giành giật, tráo trở, nghĩa là phản trắc. Và đây không chỉ là tâm địa của những kẻ "tiểu nhân" hay những tên gian thương, mà điều Nguyễn Bỉnh Khiêm đau xót là lũ này lại thường thuộc hạng áo mũ cân đai :

"Bình thường có khi hợp nhau,
Vào triều đình quay ra ghen ghét nhau" (1)

https://tieulun.hopto.org

Vì đâu mà đạo lý suy đồi đến như vậy ? Theo Nguyễn Bỉnh Khiêm, một khi rường mối "trị bình" đã ruỗng nát thì người ta cũng dễ dàng vứt bỏ liêm sỉ, nói gì đến đạo đức :

"Trị nhật ô du hạ
Nhân tự vô liêm sỉ" (Cảm hứng)

Đối với bọn người xun xoe, nịnh hót, Nguyễn Bỉnh Khiêm không chỉ khinh bỉ mà còn ghê tởm :

"Mềm gối cóc khô mềm gối mãi
Uốn lưng rùa mốc uốn lưng dài
Hãy còn ghê đứa anh hùng nữa
Thớt mặt nên ngay mới gớm ghê"

Vẫn theo Nguyễn Bỉnh Khiêm, còn một nguyên nhân không kém quan trọng, đó là khi bọn người chia bè kéo cánh chỗ nào cũng có, suốt ngày chỉ lo hãm hại nhau, thì làm sao mà xã hội tránh được nguy cơ tan rã :

"Nhà dột bởi đâu, nhà dột nóc,
Nếu nhà dột nóc, thế chọn von"

Nguyễn Bỉnh Khiêm thật sự chua chát về nhân tình thế thái, có khi gần như mất niềm tin vào cái gốc "chân, thiện" trong mỗi con người :

"Không gì hiểm bằng đường đời
Không cắt đi thì chỉ toàn gai góc
Không gì nguy bằng lòng người
Buông ra là thành quỷ quái ngay" (2)

Thế nhưng Nguyễn Bỉnh Khiêm vẫn nuôi hy vọng, như ông

https://tieulun.hopto.org

viết trong bài "ký" trên *Bia quán trung tân* : "May là trong lòng người điều thiện chưa hề mất hết". Mà "tính thiện" chưa mất hết thì phong tục còn có cơ trở lại thuần hậu. Và một khi chính sự được tu chỉnh, thế đạo được hưng thịnh thì dân tâm tự khắc được thấm nhuần (*Cảm hứng*). Chỉ tiếc rằng cho đến khi Nguyễn Bỉnh Khiêm qua đời, hy vọng của ông chưa trở thành hiện thực, và nỗi đau của ông về đạo lý đảo điên vẫn chưa hề lắng dịu.

2. NỖI ĐAU VÌ TỆ THAM NHŨNG

Hình như hồi ấy bộ máy quan chức triều Mạc rất tệ hại, nhất là nạn tham nhũng. Nguyễn Bỉnh Khiêm đã dùng những lời nghiêm khắc nhất khi lên án tệ nạn này trong bài thơ *Tăng thử* (Ghét chuột) : "Thạc thử hồ bất nhân, Thảo thiết tư âm độc". Lũ người này thường dựa vào chức quyền, thường nhân danh "xã tắc" để làm điều gian ác. Và đó chính là một nguyên nhân làm cho người dân bất bình với triều chính, thậm chí cả thần lẫn người đều "oán chửa đầy bụng" (3). Kẻ trị nước, đã kém chước thuật mà lại để cho lòng tham ngự trị thì còn gì mà nói nữa : "Kinh quốc tiếu vô thuật, Dục thắng lý tự tiêu" *(Cảm thời cổ ý)*

Tham nhũng bao giờ cũng đi đôi với xa hoa, đồi trụy, tàn hại của cải mồ hôi nước mắt của dân mà không hề chùn tay : sữa người đem cho heo uống, thức ăn toàn là loại cao lương mỹ vị (canh chim sẻ vàng, nem gà gô...), những món đáng giá hàng vạn quan tiền cũng chưa buồn nhúng đũa !(4)

Bọn tham nhũng có hàng trăm thủ đoạn tránh nấp, cái mà ngày nay ta gọi là tệ " ô dù", còn Nguyễn Bỉnh Khiêm thì gọi đó

https://tieulun.hopto.org

là "Cáo mượn oai hùm(...), Ruồi nương đuôi ký"(5). Ông đã từng cảnh cáo :"Được một cách phũ phàng thì cũng mất một cách phũ phàng"(6), nhưng hình như những câu răn đe đại loại như vậy không ăn nhằm gì đối với lũ người đục khoét tài sản của dân của nước một cách lì lợm. Đã có lúc Nguyễn Bỉnh Khiêm không kìm chế được sự căm ghét đến cực độ : "sớm muộn chúng mày cũng sẽ bị tiêu diệt, xác phơi cho quạ, diều rỉa thịt"(7). Nhưng ông cũng hiểu rằng quét sạch bọn tham nhũng không phải là việc đơn giản, vì :

"Vuốt mặt còn chừa qua mũi nọ,
Rút giây lại nệ động rừng chăng"

Cuối cùng, tin ở tấm lòng trong sáng của mình, Nguyễn Bỉnh Khiêm dũng cảm dâng sớ hạch tội những tên lộng thần :

"Lòng nhân nghĩa như son khi dân tờ sớ can ngăn vua..."(8)

Nhưng kết quả thật đáng buồn,và ông quyết định từ quan giữa lúc mới 45 tuổi, mang theo một kết luận chua chát về tệ nạn danh lợi, chức quyền : "Ở triều đình thì tranh nhau cái danh(...) Ở chợ búa thì giành nhau cái lợi" (*Bi ký quán trung tân*), vì "Lòng tham chưa no chán, chỉ cốt thân mình béo" *(Đến quán xem cá)*.

3. NỖI ĐAU VÌ CHIẾN TRANH "NỒI DA XÁO THỊT"

Nỗi bất hạnh lớn của Nguyễn Bỉnh Khiêm có lẽ là : gần suốt cuộc đời, ông phải chứng kiến chiến tranh liên miên, tàn khốc. Nhưng đây lại không phải là chiến tranh bảo vệ đất nước hay giải phóng dân tộc của những thời "Nam quốc sơn hà Nam

https://tieulun.hopto.org

đế cư", của những thời " Hịch tướng sĩ" hay "Bình Ngô đại cáo". Chiến tranh của thời Nguyễn Bỉnh Khiêm đều là những vụ xâu xé đổ máu giữa các thế lực, làm cho thiên hạ rối bời, đất nước cắt chia :

"Tiếu tha thù tặc hỗ tương tranh

Thiên hạ phân phân hận vị bình" (Cảm hứng)

Điều đáng quý ở Nguyễn Bỉnh Khiêm là : tuy thân phận ông gắn với triều Mạc, nhưng cuộc chiến giữa nhà Mạc với các thế lực đối địch, theo ông, cũng chỉ là hành vi tranh ăn lẫn nhau, không hơn không kém, gây cảnh sông máu núi xương, thật đáng hổ thẹn :

"Hỗ chiến giao tranh tiếu lưỡng thù

Xuyên huyết sơn hài tùy xứ hữu" (Ngụ ý)

Trong bài *Cảm hứng* (tam bách cú), ông nói thẳng ra rằng:

"Vì trả dũa nhau mà máu chảy thê thảm,

Vì tranh ăn mà tay bị hủy thương",

dã chẳng đem lại lợi ích gì cho dân, mà rút cục mỗi bên kình dịch đều bị tổn hại.

Nguyễn Bỉnh Khiêm dành những câu thơ - có khi trọn cả một bài thơ dài - để nói lên nỗi nhức nhối của mình trước cảnh "Gươm giáo đầy mắt, khổ nỗi chưa ngớt" (9), đất nước ly loạn, khắp nơi là chiến trường :

"Đồng ruộng biến làm chiến trường

Làng xóm khắp là lũy giặc" (10)

Một ấn tượng đau xót hằn sâu trong đời Nguyễn Bỉnh Khiêm là cảnh nhân dân ly tán, già trẻ dắt díu nhau chạy loạn

https://tieulun.hopto.org

chẳng biết kêu ai, chỉ biết ôm nhau mà than thở :

"Giáo và mộc tua tủa bày đầy ra trước mắt
Nhân dân trốn chạy muốn tìm nơi an toàn
Khốn đốn dắt díu nhau, thở than khổng có đất..."(11)

và biết đến bao giờ mới chấm dứt cảnh này :

"Tùy xứ lưu dân hoài tỉnh ấp,
Hà thời chiến sĩ tức can qua ?" (Tức sự)

Càng đau xót hơn, vì cuộc chiến tương tàn đã phá hủy biết bao tài sản :

"Nhà ở bẻ làm củi
Trâu cày mổ làm thịt
Cướp đoạt tài sản không phải của mình..."(12)

Khắp nơi đồng ruộng bỏ hoang, nỗi khổ của dân lên đến cực điểm :

"Một vùng từ đông sang nam
Ruộng lúa không cấy hái
Chiến tranh tiếp liền nhau
Họa hoạn đến thế là cùng cực"(13)

Phe phái đâm chém nhau, lính tráng chết như rạ :

"Hỗ chiến giao tranh bán sát thương" (Cảm hứng thi)

Trong một bài thơ *Cảm hứng*, Nguyễn Bỉnh Khiêm lên án gay gắt tính chất phi nghĩa phi nhân của cuộc chiến :

"Xưa nay người có nhân không ai địch nổi
Việc gì cứ phải khư khư theo đuổi chiến tranh !(14)

Mang nặng nỗi ưu tư vì vận nước, bạc trắng cả mái đầu,

https://tieulun.hopto.org

nhưng Nguyễn Bỉnh Khiêm cảm thấy khó có hy vọng xoay trở tình thế :

"Nghèo hèn lại gặp thời loạn lạc
Khăng khăng lòng lo nước, mái tóc thành tơ"(15).

4. BẤT LỰC TRƯỚC NỖI ĐAU CỦA NHÂN DÂN

Cũng như những bậc đại trí, đại hiền trong lịch sử, Nguyễn Bỉnh Khiêm ý thức sâu sắc vai trò của nhân dân đối với sự tồn vong của một quốc gia:

"Xưa nay nước lấy dân làm gốc
Được nước là nhờ được dân" (16)

Ông mượn câu trong Kinh Thi (Dân nhàm khả úy) để răn nhà cầm quyền : "Biết sợ cái ghềnh hiểm của dân thì không lo còn kẻ hở"(17).

Vả chăng, theo Nguyễn Bỉnh Khiêm, nguyện vọng của người dân cũng rất đơn giản : niềm vui lớn nhất của dân là được sống dưới một chính thể tốt đẹp :

"Ướm hỏi dân ta lấy gì làm vui ?
Vui khi được gặp chính sự tốt"(18).

Vậy thì phép trị nước trước hết là giúp đỡ dân, yêu thương kẻ có đức, dùng lòng nhân mà trị bất nhân (19).

Tóm lại, theo Nguyễn Bỉnh Khiêm, ai tranh thủ được lòng dân, kẻ đó thành công :

"Lòng người là bất tử
Lẽ trời không bao giờ mất

https://tieulun.hopto.org

Đó là đầu mối của đạo nhân

Là tột mực của trị bình"(20)

Thế nhưng cục diện đất nước và chính sự triều Mạc đã xô đẩy nhân dân vào bước đường cùng, "chẳng khác chim bị mất tổ, giống hệt cá bị máu dồn xuống đuôi"(21). Lại thêm chiến tranh liên miên vắt kiệt sức dân sức nước :

"Liền năm chinh phạt, quân nhà vua mỏi mệt,

Bao đời xâu thuế vận chuyển, của nước kiệt quệ"(22).

Đau xót hơn cả vẫn là hàng triệu người nông dân vốn gắn bó số phận mình với ruộng đồng :

"Vất vả nghèo khổ, người nông phu than vãn

Đói khát gầy guộc, kêu khóc trên ruộng đồng"(23)

Gặp năm mất mùa đói lớn thì trẻ già dắt díu bồng bế nhau bị gậy lưu vong ;

"Năm nay lại gặp tai họa đói cơm đói rau,

Khốn đốn trôi giạt, biết dung thân nơi đâu !"(24)

cuối cùng chết dần mòn : mẹ phải vứt bỏ con, người già ốm lăn xuống rãnh, xác chết la liệt cổng làng, như đàn chim cháy tổ (25).

Chứng kiến cảnh cay cực của nhân dân, Nguyễn Bỉnh Khiêm ước mong có ngày xã hội được ổn định, đất nước trở lại thanh bình :

"Bao giờ được thấy lại cảnh thịnh trị

Trời đất trở lại thái hòa như xưa" (26)

Ông ước mong sớm xuất hiện những bậc đại nghĩa cứu dân ra khỏi cảnh lầm than :

https://tieulun.hopto.org

"Quá thương dân mọn mắc nạn đói rét
Ai nêu đại nghĩa diệt lũ hung tàn ?"(27).

Thương xót "người dân vô tội gặp cảnh cay cực độc ác", ông hy vọng sẽ có bậc "nhân từ không ham giết chóc"(28) "giúp vua đem lại cảnh thái bình", thỏa lòng dân "ngước mắt mong chờ nền chính sự mới"(29).

Mạnh dạn hơn, trong bài "Hạ ngự giá thường kinh", Nguyễn Bỉnh Khiêm đặt thẳng yêu cầu đối với vua :

"Người dân còn sót lại lâu nay điêu đứng.
Mong nhà vua ban lòng khoan dân để dân được an ủi, cứu vớt"(30).

Ở thế kỷ 16, vua "ban ơn" cho dân thì cũng là hợp lẽ. Nhưng phải chăng đã có lúc Nguyễn Bỉnh Khiêm vượt qua hạn chế thời đại, đòi hỏi nhà vua phải có "trách nhiệm" đối với dân :

"Quan trọng nhất là bậc đế vương phải nêu cao nhân nghĩa"(31).

Tiếc thay, "muốn cứu nước buổi nguy nan, thẹn mình không có tài"(32), "ước một tôi hiền, chúa thánh minh"(33), ước mãi mà chẳng thấy, Nguyễn Bỉnh Khiêm chỉ còn biết gửi vào ý thơ tiếng kêu than xé ruột, cũng là mong được chia sớt niềm thương xót với nhân dân. Những câu thơ đại loại như "Thời buổi đến thế là cùng cực"(34), "sinh dân quá ư tiều tụy"(35), "tiều tụy đến thế là quá chừng"(36) được ông nhắc đi nhắc lại nhiều lần.

Nhưng rút cuộc Nguyễn Bỉnh Khiêm đã thất vọng, vì các phe phái vẫn không ngớt xung đột tranh giành, vẫn tiếp tục chà đạp lên sinh mạng người dân :

https://tieulun.hopto.org

"Sinh mệnh của dân là rất quan trọng
Cớ sao tàn hại thảm khốc đến thế ?"(37).

Bất lực và thất vọng, Nguyễn Bỉnh Khiêm đi tìm lối thoát trong chữ "nhàn".

5. "SỐNG NHÀN" : CÀNG NHỨC NHỐI NỖI ĐAU

Trong ngót 200 bài thơ lưu lại đến ngày nay, có thể thống kê được hàng trăm câu chữ Nguyễn Bỉnh Khiêm trực tiếp hoặc gián tiếp đề cập quan niệm "sống nhàn".

Có nhà nghiên cứu giải thích chữ "nhàn" của Nguyễn Bỉnh Khiêm gắn liền với quan niệm về một "phẩm chất cao khiết", một "thái độ tự chủ", một bản lĩnh trước thế tình điên đảo, một ý thức "tự trọng" của người trí thức tâm huyết nhưng bất lực...

Thực ra, qua nhiều bài thơ, bài văn, Nguyễn Bỉnh Khiêm cũng đã nói rõ lý do ông lui về quê chọn cuộc sống "nhàn" :

- Không muốn dấn thân vào nguy cơ của sự giàu sang

Bất ư phú quý lý nguy ky - (Ngụ hứng)

- Ngại lòng người trắc trở :

"Sự thế cuộc cờ đâu miễn được
Lòng người sóng bể cạn thì sâu
Nói nên chăng chớ làm chi nữa..."

- Ngán danh lợi, chán thói đời ô trọc :

"Chông gai biếng đến đường danh lợi
Mặn lạt đã no mùi thế tình..."

và : *"Yếm khan trọc thế đấu phù vinh" (Ngụ hứng)*

https://tieulun.hopto.org

Tuy nhiên, lý do vẫn chỉ là lý do. Vả chăng, ngay trong những lý do, hình như Nguyễn Bỉnh Khiêm đã tự mâu thuẫn với chính mình. Làm sao có thể "sống nhàn" một khi :

"Tấm lòng lo trước thiên hạ đến già chưa thôi
Cùng, thông, đắc, táng, ta có lo chi cho riêng mình !"(38)

Làm sao có thể "rượu say đùa giỡn với bóng chiều" (39) một khi thơ ông cứ da diết nỗi lòng ưu thời mẫn thế !

Nguyễn Bỉnh Khiêm chán ghét, khinh bỉ, ghê sợ, thậm chí kinh tởm "nhân tình thế thái", nhưng ông không khinh bạc cuộc đời, trái lại ông đau nỗi đau của đời, nói đúng hơn là đau nỗi đau của dân, của nước. Đã vậy thì làm sao có thể lẩn tránh thế tình phiền toái, "rũ không thay thấy chẳng hề chi"(!), làm sao có thể

"Còn một tấm lòng phó chốn trăng
Họa là thanh tỏ ít nào chăng ?"

Người xưa thường đi tìm sự thanh thản trong cuộc sống "nhàn", Nhưng qua thơ văn Nguyễn Bỉnh Khiêm, người ta chỉ thấy ông càng cố tỏ ra "nhàn" thì lòng ông càng rối bận. Ông lao vào rượu và thơ với tâm trạng một kẻ "cuồng si", như chính ông đã thú nhận trong những bài *Ngụ hứng*. Ông tự nhận là "cuồng si" hay ông đang cố gắng tự huyễn hoặc thì cũng thế.

Đã có lúc ông cảm thấy không thể sống mãi với ảo tưởng, Tâm trạng này được Nguyễn Bỉnh Khiêm diễn đạt thật tế nhị trong một bài thơ :

"Nói là giữ trong sạch tấm thân
thì e tiếng tăm to quá " (30)

tuy trong một bài thơ trước đó, ông đã từng tuyên bố với đời rằng:

https://tieulun.hopto.org

"Hưởng cảnh nhàn trong quán Trung Tân, riêng ta trong sạch"(38).

Vậy thì phải chăng Nguyễn Bỉnh Khiêm càng ra sức nhấn mạnh chữ "nhàn" thì nỗi đau của ông về tình đời, vận nước càng thêm nhức nhối ? (41).

---

(1) Bình cư hữu tương quy, Nhập triều phản tương kị.
(Cảm hứng, tam bách cú)

(2) Hiểm mạc hiểm thế đồ, Bất tiến tiện kinh cức,
Nguy mạc nguy nhân tâm, Nhất phóng tiện quái quắc.
(Trung tân ngụ hứng)

(3) Dân mệnh vi chí trọng, tàn hại hà thái khốc,
Thành xã ỷ vi gian, thần nhân oán mãn phúc (Tăng thử).

(4) Nhân nhũ ẩm thoái thử(...), Vụ tiếu hoàng tước canh,
Trở đăng giá cô xí, Vạn tiên vô hạ trợ (Cảm hứng).

(5) Kỷ : một giống ngựa tốt.

(6) Bạo đắc tùy bạo thất (Cảm thời cố ý).

(7) Kỷ thất thiên hạ tâm(...), Ô diên khiết nhi nhục (Tăng thử)

(8) Nhân nghĩa như đan thương giám tiên (Chỉ thi).

(9) Mãn mục can qua khổ vị hưu (Tự thuật).

(10) Nguyên dã tác chiến trường,
Tinh ấp biến tặc lũy (Cảm hứng)

(11) Lạc lạc can qua mãn mục tiền, Nhân dân bôn toán dục cầu tuyền, Điên liên huề bão ta vô địa ... (Cảm hứng thi)

(12) Cư ốc chiết vi tân, Canh ngưu đồ nhi thực, Nhược đoạt phi kỷ hóa (Thương loạn).

(13) Nhất chu đông nhi nảm
Điền hòa thất giá sắc

https://tieulun.hopto.org

Chiến tranh hỗ tương tầm

Họa loạn chi thử cực (**Thương loạn**).

(14) *Cổ lai nhân giả tư vô địch,*

Hà tất khu khu sự chiến tranh (**Cảm hứng**)

(15) *Bần tiện trùng phùng thử loạn ly*

Khu khu ưu quốc mấn thành ty (**Trung tân quán ngụ hứng**)

(16) *Cổ lai quốc dĩ dân vi bản, Đắc quốc ưng tri tại đắc dân*

(**Cảm hứng**)

(17) *Cố úy dân vô khích khả đầu* (**Quá Quy Hóa trú doanh**).

(18) *Tá vấn ngô dân hà dĩ lạc? Lạc phùng lập chính bố ưu ưu.*

(**Thu xã**)

(19) *Hựu dân quyên hữu đức, Dĩ nhân phạt bất nhân* (**Thương loạn**).

(20) *Bất tử giả nhân tâm, Bất dẫn giả thiên lý.*

Nhân đoan thị sở suy, Chí trị thị sở chỉ (**Cảm hứng tam bách cú**)

(21) *Bất thí điểu phần sào, Đãi đồng phường trinh vĩ* (**Cảm hứng**)

(22) *Liên niên chinh phạt vương sư lão*

Lũy thế chinh thâu quốc dụng dàn (**Cảm hứng thi**)

(23) *Lao bần nông phu thán, Cơ tích điền dã khốc ...*(**Tăng thử**).

(24) *Thử tuế hựu tao cơ cận ách*

Lưu ly hà địa khả dung thân ? (**Cảm hứng thi**)

(25) *Lưu ly khí đồng trì*

Lung lão chuyển câu hác

Ngã biểu chúc lư lý

Bất xí điểu phần sào (**Cảm hứng tam bách cú**).

(26) *Hà thời tái đổ Đường Ngu trị*

Y cựu kiền khôn nhất thái hòa (**Cảm hứng**).

(27) *Thậm mẫn tiểu dân ly đống nỗi*

Thùy dương đại nghĩa thủ hung tàn ? (**Cảm hứng thi**)

(28) *Bất sát thùy năng úy hễ tô ?* (**Cảm hứng thi**)

(29) *Dân giai thức mục quan tân chính*

https://tieulun.hopto.org

*Thùy vị quân vương trí thái bình ? (**Trung tân quán ngụ hứng**)*

(30) Di dân cửu dĩ ly điêu tụy

Nguyện bổ khoan dân úy hễ tô.

*(31) Tối thị đế vương nhân nghĩa cử (**Liệt Khê trí doanh**).*

*(32) Nguy thì hoằng tế quý phi tài (**Trung Tân quán ngụ hứng**)*

*(33) Thử thời tư vi cực (**Cảm hứng tam bách cú**).*

*(34) Sinh dân thậm tiều tụy (**Cảm hứng tam bách cú**)*

*(35) Tiều tụy tư vi thậm (**Thương loạn**).*

(36) Dân mệnh vi chí trọng

*Tàn hại hà thậm khốc ? (**Tăng thử**).*

(37) Lão lai vị ngật tiền ưu chỉ

*Bất tăng cùng thông khởi ngã ưu (**Tự thuật**).*

*(38) Tùy ý cao lâu lộng tịch dương (**Ngẫu hứng thi**)*

*(39) Khiết thân chỉ khủng thanh danh đại (**Ngụ hứng**)*

*(40) Tân quán thâu nhàn ngã độc thanh (**Ngụ hứng**)*

*(*) Tham luận tại Hội thảo khoa học **Kỷ niệm 500 năm năm sinh Nguyễn Bỉnh Khiêm** (1491-1991) do Trung tâm Hán - Nôm tổ chức.*

https://tieulun.hopto.org

SỰ HÒA NHẬP ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG ĐẠO LÝ DÂN GIAN VIỆT NAM

Con người ở mọi nơi đều giống nhau về khát vọng và niềm tin. Tất cả các tôn giáo - theo ý nghĩa đích thực của từ ngữ - đều mong giúp con người vươn tới một lẽ sống cao đẹp. Thế nhưng trên thực tế mỗi tôn giáo lại có thể tạo ra những hiệu quả khác nhau đối với từng cộng đồng, từng dân tộc. Ở Việt Nam, theo tôi, Phật giáo đã tạo được những hiệu quả, mà rõ nét nhất là trong lãnh vực đạo đức xã hội.

Hẳn rằng không phải ngẫu nhiên khi Viện nghiên cứu Phật học đặt vấn đề hội thảo về đạo đức Phật giáo, mà lý do có lẽ đã được gói gọn trong lời Hòa thượng Thích Minh Châu: "Đất nước Việt Nam chúng ta cũng đang phải đối phó với những tệ nạn xã hội... đang làm đau đầu các bậc lãnh đạo đất nước và các nhà giáo dục sư phạm".

Trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay nhằm xây dựng một lẽ sống nhân bản và công bằng ngang tầm trí tuệ thời đại,

https://tieulun.hopto.org

việc phát huy những tinh hoa đạo đức Phật giáo từng hòa nhập trong đạo lý dân gian Việt Nam 2000 năm qua có những ý nghĩa thực tiễn nhất định, góp phần ngăn chặn tệ nạn xã hội và suy thoái đạo đức. Từ nhận thức như trên, tôi xin phát biểu vài suy nghĩ xung quanh vấn đề đạo đức Phật giáo và đạo lý Việt Nam.

ĐẠO ĐỨC VÀ HẠNH PHÚC

Trải qua nhiều thế hệ, người Việt Nam ý thức rằng: đạo đức vừa là nội dung vừa là thước đo danh dự và nhân phẩm, cũng chính là điều kiện cơ bản của hạnh phúc con người. Hoặc như một triết gia đã nói: đạo đức là đặc trưng của bản tính con người (khác với con vật). Cũng với ý nghĩa đó, khi nói về "tính người", đạo lý Việt Nam trước hết nhấn mạnh ý thức về *nhân phẩm* (Đói cho sạch, rách cho thơm; Chết trong hơn sống dục...), nhấn mạnh ý thức về lòng *vị tha* (Thương người như thể thương thân...).

Hạnh phúc chân chính - theo đạo lý Việt Nam - không phải chỉ nhằm đạt những ham muốn cụ thể. Trái lại, hạnh phúc đích thực, hạnh phúc lâu bền của cuộc sống con người chính là đạo đức. Điều này thật gần gũi với giáo lý nhà Phật: "Một đời sống có đạo đức là một đời sống hạnh phúc", hoặc: "đạo đức và hạnh phúc hòa với nhau như nước với sữa".

Không ít nhà lý luận cho rằng: nội dung cốt yếu của bất cứ tôn giáo nào là lòng tin ở một đấng siêu nhân, ở cuộc sống sau khi chết; và nói chung tôn giáo không đề cao cuộc sống trần

https://tieulun.hopto.org

gian của con người. Thế nhưng, đạo đức Phật giáo, theo cách lý giải của Hòa thượng Thích Minh Châu, lại "nhằm xây dựng một nếp sống đề cao con người", khẳng định con người hoàn toàn có khả năng vươn tới hạnh phúc ngay trong cuộc đời trần thế này. Một nhận thức như vậy, theo tôi, không xa lạ với đạo lý dân gian Việt Nam (Đời xưa quả báo còn chầy, Đời nay quả báo một giây nhỡn tiền).

QUAN HỆ CHA MẸ CON CÁI : TIÊU CHUẨN TRỌNG YẾU CỦA "TÍNH NGƯỜI"

Bài thuyết giảng của Hòa thượng Thích Minh Châu có câu: "Trong một xã hội tốt đẹp, quan hệ giữa người với người cũng phải tốt đẹp, giàu tính người". Hòa thượng dẫn lời đức Phật trong một bộ kinh, nhấn mạnh các mối quan hệ xã hội cần phải có, trong đó quan hệ giữa cha mẹ-con cái được đặt lên hàng đầu. Điều này cũng dễ hiểu, hay như một triết gia phương Tây cũng đã từng viết; "Từ thời cổ đại, người ta đã biết dạy nhau phải tôn kính cha mẹ, vì nhờ cha mẹ mà ta được hưởng diễm phúc cao nhất, đó là sự sống".

Theo kinh Phật, cha mẹ có 5 bổn phận đối với con cái, mà hệ trọng nhất là phải dạy con *làm điều thiện*. Đạo lý Việt Nam cũng đề cao trách nhiệm những người làm cha mẹ (Đẻ con chẳng dạy chẳng răn, Thà rằng nuôi lợn mà ăn lấy lòng), đặc biệt là trách nhiệm của người mẹ (Con dại cái mang). Và thật bất hạnh

https://tieulun.hopto.org

cho những đứa con chưa đủ lớn mà người mẹ đã phải "đi bước nữa" (Trời mưa bong bóng phập phồng, Mẹ đi lấy chồng con ở với ai). Càng bất hạnh hơn đối với những đứa trẻ mồ côi (Mất cha con sống u ơ, Mất mẹ con sống bơ vơ một mình). Mồ côi cha đã khổ (Con không cha như nòng nọc đứt đuôi), mồ côi mẹ càng khổ hơn (Mồ côi cha ăn cơm với cá, Mồ côi mẹ liếm lá đầu chợ).

Ngược lại-vẫn theo kinh Phật - con cái có 5 bổn phận đối với cha mẹ, mà quan trọng hơn cả là lòng biết ơn và trách nhiệm nuôi dưỡng khi cha mẹ về già. Hẳn rằng khi đạo Phật chưa du nhập vào Việt Nam - từ thời các vua Hùng- người Việt Nam đã căn dặn nhau: "Lên non mới biết non cao, Nuôi con mới biết công lao mẹ hiền" và diễn đạt tấm lòng con thật mộc mạc (Ngó lên nuộc lạt trên nhà, Đếm bao nhiêu nuộc thương cha mẹ già bấy nhiêu). Phải nhận rằng ý thức về "công cha nghĩa mẹ" đã hòa thành máu thịt ở con người Việt Nam từ thuở sơ khai.

Khi đạo đức Phật giáo hòa nhập vào dân gian, người ta cầu mong đức Phật cứu hộ cha mẹ (Lâm râm khấn vái Phật trời, Cầu cho cha mẹ sống đời với con). Đạo đức nhà Phật nhiều khi hấp dẫn, thuyết phục người ta muốn xuất gia tu hành, nhưng cũng trong rất nhiều trường hợp động lực níu kéo họ lại vẫn là ý thức đáp đền công ơn cha mẹ (Lên chùa thấy Phật muốn tu, Về nhà thấy mẹ công phu chưa đền), và tự an ủi: "Tu đâu cho bằng tu nhà, Thờ cha kính mẹ cũng là đi tu".

Trách nhiệm phụng dưỡng cha mẹ già, nhất là mẹ già, thể hiện thật trong sáng trong đạo lý dân gian Việt Nam (Tôm càng

https://tieulun.hopto.org

lột vỏ bỏ đuôi, Giã gạo cho trắng mà nuôi mẹ già). Mẹ già "như chuối chín cây", đầu bạc răng long, cho nên "đói lòng ăn hột chà là, để cơm nuôi mẹ mẹ già yếu răng"

LẼ CÔNG BẰNG

Bàn về một xã hội tốt đẹp, Hòa thượng Thích Minh Châu nêu lên 5 điểm: nhân bản, luật pháp, công bằng, văn hóa, không còn tệ nạn. Trong ngần ấy yếu tố, tôi nghĩ rằng *công bằng xã hội* là rất quan trọng, thậm chí quyết định, vì nó vừa là mục tiêu, vừa là cơ sở để tạo lập các yếu tố khác.

Nhiều triết gia- phương Đông cũng như phương Tây- đều ghi nhận sự công bằng là hình thức lịch sử đầu tiên và sơ đẳng của đạo đức con người. Hơn thế, toàn bộ đạo đức con người xét cho cùng là những mức độ khác nhau về sự phát triển đa dạng của lẽ công bằng. "Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng", câu nói này không chỉ bó hẹp trong việc phân phối phúc lợi xã hội mà trước hết là một yêu cầu nghiêm khắc về đạo đức.

Kho tàng tục ngữ, ca dao Việt Nam chứa đựng những triết lý phong phú về lẽ công bằng, thể hiện mong ước xóa bỏ mọi bất công, xóa bỏ thực trạng "thẳng còng làm thẳng ngay ăn". Cũng có lúc người ta cảm thấy bất lực (Cây khô xuống nước cũng khô, Phận nghèo đi đến nơi mô cũng nghèo), dù có chạy đằng trời cũng không thoát khỏi bất công (Gánh cực mà đổ lên non, Còng lưng mà chạy cực còn theo sau). Nhưng nói chung, tiếng nói của đạo lý là một sự phê phán (Hơn nhau tấm áo manh quần,

https://tieulun.hopto.org

Thả ra bóc trần ai cũng như ai), thậm chí phê phán rất táo bạo, rất dân gian (Miệng kẻ sang có gang có thép...) Và khi sự phẫn nộ đến mức dám đem cả đấng "vô thượng" thay trời trị dân ra mà cảnh cáo: "Con vua thì lại làm vua (...), Bao giờ dân nổi can qua (...)" thì thái độ đối với bất công xã hội không còn chỉ giới hạn ở ý nghĩ và lời nói.

CON NGƯỜI LÀ CHỦ NHÂN CỦA CHÍNH MÌNH

Một thu nhận lý thú của tôi về đạo đức Phật giáo là: con người có khả năng sống một nếp sống đạo đức dựa trên *sức mạnh của chính mình*, không nhờ một thần lực nào. Hơn thế, con người hoàn toàn chịu trách nhiệm về bản thân mình, không quy trách nhiệm cho bất cứ một lực lượng siêu nhiên nào. Cũng từ nguyên lý đó, khái niệm "nghiệp" trong đạo đức Phật giáo rất xa lạ với cái gọi là "định mệnh", vì con người là *chủ của nghiệp* chứ không phải là nô lệ của nghiệp.

Để có thể làm chủ bản thân mình, thuyết "nghiệp quả" của nhà Phật rút ra 4 bài học (nhẫn nại, tự tín, dựa vào sức mình và tự chế). Tự tín, theo giáo lý Phật, trước hết là tin ở cái thiện trong bản thân mình, luôn nói thiện, làm thiện, sống hết mình vì đất nước, xã hội. Đã bao đời nay, người Việt Nam vẫn khẳng định "thiện căn ở tại lòng ta"(*Kiều*), khuyên nhau "ở hiền gặp lành", đừng có "gieo gió (mà) gặt bão". Sống ở đời chỉ nên "xui nhau làm phước", đừng nên "giục nhau đi kiện".

Bàn về "thiện", đạo đức Phật giáo đặc biệt nhấn mạnh tác

https://tieulun.hopto.org

dụng của *lời nói*. Trong "10 pháp thiện" đức Phật dạy một du sĩ ngoại đạo, đã có 4 "pháp" liên quan đến lời nói (không nói láo, nói hai lưỡi, nói phù phiếm, nói độc ác). Cùng một quan niệm đó, đạo lý dân gian Việt Nam luôn nhắc nhở người ta ở đời không bao giờ được khinh suất trong lời nói (Sa chân với lại, Sa miệng với không lại). Đạo lý nghiêm khắc phê phán những kẻ "ba voi không dược bát nước xáo", gọi đó là loại "nói thánh nói tướng, dở người dở ma", thậm chí "chưa ráo máu đầu miệng đã nói láo, chẳng phường trốn chúa cũng quân lộn chồng". Theo đạo lý Việt Nam, "lời nói gói bạc", cực kỳ hệ trọng: "lời nói đọi máu". Cẩn trọng trong lời nói là một tiêu chuẩn của người khôn (Kim vàng ai nỡ uốn câu, Người khôn ai nỡ nói nhau nặng lời).

Đạo đức Phật giáo không quan niệm *nhẫn nại* là tiêu cực hay thụ động mà là sáng suốt, bình thản, hay như cách nói của dân gian Việt Nam: "Chữ nhẫn là chữ tượng vàng, ai mà nhẫn được thì càng sống lâu". Bài học *tự chế* của đạo Phật được gói gọn trong 4 chữ "tự tịnh kỳ ý" (tự làm cho tâm ý mình trong sạch). Dân gian Việt Nam thể hiện nó trong hành động và lời nói (Ăn có nhai, nói có nghĩ), nhất là trong mọi quan hệ ứng xử (Mất của dễ tìm, mất lòng khó kiếm). Phải biết nhẫn nhịn (Một sự nhịn chín sự lành), phải biết sẵn sàng nhường nhịn (Ai nhất thì tôi thứ nhì, Ai mà hơn nữa tôi thì thứ ba).

Theo giáo lý Phật, *lòng tham* là điều khó tự chế nhất trong "3 bất thiện" (tham, sân, si). Đạo lý muôn thuở của Việt Nam cũng khuyên người đời "tham thì thâm", "tham thực cực thân". Điều thật lý thú ở đây là giáo lý nhà Phật chỉ rõ: lòng tham là

https://tieulun.hopto.org

một trong những nguyên do làm nảy sinh "con người giả" chung sống bên cạnh "con người thật" trong mọi con người. Con người thật luôn vươn tới cái thiện, đúng với bản chất con người. Trái lại, con người giả thì lấy quyền lực và tiền tài làm lẽ sống, đến khi sắp chết mới thấm thía sự vô nghĩa thì đã muộn. Cũng một triết lý đó, dân gian Việt Nam nói theo cách của mình: "Giàu có đến chết mới hay", hoặc diễn đạt dí dỏm: "Của trời trời lại lấy đi, Giương hai con mắt làm chi được trời", có khi đem cả vua ra làm bằng chứng: "Vua Ngô 36 tàn vàng, Chết xuống âm phủ chẳng mang được gì".

❖
❖ ❖

Tìm hiểu sự hòa nhập của đạo đức Phật giáo trong lịch sử dân tộc, tôi càng thấm thía công lao của tổ tiên ta đã gây dựng cho con cháu hôm nay một nền đạo lý Việt Nam, một nền đạo lý hết sức khoáng đạt đối với các tôn giáo, tuyệt đối không chấp nhận thái độ kỳ thị tôn giáo. Có lẽ cũng xuất phát từ một tâm lý Việt Nam như vậy mà Ban Hoằng pháp (của Giáo hội Phật giáo Việt Nam) đề ra phương châm "nhập thân đồng hành trong cộng đồng dân tộc", cũng có nghĩa là bồi đắp và phát huy sự hòa đồng của giáo lý Phật trên cơ sở đạo lý dân tộc. Vả chăng, lịch sử mấy ngàn năm của dân tộc Việt Nam chứng nghiệm rằng: bất cứ giáo lý nào, học thuyết nào nếu không ăn nhập với đạo lý dân tộc thì cũng bị đạo lý Việt Nam đánh bật ra như một dị vật trong cơ thể.

https://tieulun.hopto.org

Riêng về Phật giáo ở Việt Nam, không ai trong chúng ta có thể nói khác rằng: đạo đức Phật giáo đã để lại những dấu ấn đậm nét trong tâm lý và tính cách con người Việt Nam. Hai ngàn năm qua, Phật giáo Việt Nam đã nếm trải những bước thăng trầm, thế nhưng tinh hoa cốt lõi của đạo đức Phật giáo từng bám chắc vào đạo lý dân tộc vẫn còn nồng hậu trong các thế hệ Việt Nam, và dù muốn dù không đã trở thành một bộ phận xứng đáng trong di sản đạo đức, văn hóa của dân tộc Việt Nam ta.

Vì sao vậy ? Phải chăng đạo đức Phật giáo một khi đi vào xã hội Việt Nam *đã biết bám rễ thực sự vào nền đạo lý dân tộc* được vun đắp bền vững từ nhiều thế kỷ trước, tạo nên lý thuyết đạo đức Phật giáo mang sắc thái Việt Nam với đỉnh cao ở thời Trần, hòa nhập vào những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và góp phần phát huy truyền thống đó. Và phải chăng đó là *bí quyết* thành công của Phật giáo ở Việt Nam?(1)

(1) Tham luận tại Hội thảo ***Đạo đức Phật giáo trong thời hiện đại*** *do Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam tổ chức (đầu năm 1993) tại Thành phố Hồ Chí Minh.*

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

CÁC DÂN TỘC MIỀN NÚI PHÍA BẮC TRONG CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ BIÊN CƯƠNG CỦA TỔ QUỐC THẾ KỶ XVII - XVIII

Miền núi rừng rộng lớn phía Bắc của đất nước cho đến biên giới Việt- Trung là một địa bàn chiến lược trọng yếu trong cuộc đấu tranh lâu dài của dân tộc ta chống các thế lực xâm lăng từ phương Bắc. Cư dân ở đây bao gồm nhiều dân tộc anh em sống xen kẽ nhau, thuộc các nhóm ngôn ngữ :

-Tày-Thái: như người Tày, Thái, Nùng, Giấy, Cao Lan...

-Môn-Khơme: người Mảng, Kháng, Xinh Mun...

-Mèo-Dao: như người Mèo (Hmông), Dao, Pa Thẻn...

-Tạng-Miến: như người Lô Lô, Hà Nhì, Si La...

-Hán: như người Hoa, Sán Dìu...

Một số người Kinh ở miền xuôi, hoặc do yêu cầu làm ăn sinh sống, hoặc do hoàn cảnh riêng phải lánh nạn, cũng lên đây sinh sống với các dân tộc thiểu số.

https://tieulun.hopto.org

Các dân tộc trên, có dân tộc bản địa lâu đời, có dân tộc mới di cư đến trong những thời kỳ lịch sử sớm muộn khác nhau, nhưng tất cả đều gắn bó trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước chung, trong vận mạng của cả cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Vai trò đó nổi bật lên trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm. Đấy là lúc các dân tộc trên tuyến đầu của Tổ quốc đã bao phen đứng dậy cùng với cả nước chiến đấu một mất một còn với quân xâm lược và đã lập nên những chiến công xuất sắc. Sử sách còn ghi lại tên tuổi và sự tích của biết bao nhiêu anh hùng người dân tộc vùng này như Tôn Đản, Thân Cảnh Phúc, Hoàng Kim Mãn, Vi Thủ Ấn... trong kháng chiến chống Tống thời Lý, như Nguyễn Lộc, Nguyễn Lĩnh, Hà Bổng, Hà Đặc, Hà Chương... trong kháng chiến chống Mông - Nguyên đời Trần, như Xa Khả Tham, Lý Đại Huề, Bế Khắc Thiệu, Ma Luân... trong khởi nghĩa Lam Sơn đầu thế kỷ XV, như Ma Doãn Dảo, Bế Nguyễn Trù... trong kháng chiến chống Thanh đời Tây Sơn.

Nhưng trước và sau các cuộc kháng chiến, các dân tộc miền núi phía Bắc, nhất là vùng giáp biên giới, còn phải đối phó gần như thường xuyên với nhiều âm mưu, thủ đoạn lấn đất, cướp của, can thiệp, chia rẽ...của các triều đại quân chủ phương Bắc. Cuộc đấu tranh bảo vệ vùng biên cương của Tổ quốc diễn ra dưới nhiều hình thức phức tạp và nhiều lúc không kém phần gay go, quyết liệt...

Vào thời kỳ chế độ quân chủ đang phát triển như thời Lý, Trần, Lê sơ, thì cuộc đấu tranh đó được sự hỗ trợ đắc lực của quân đội và được sự tổ chức, chỉ đạo chặt chẽ của triều đình.

https://tieulun.hopto.org

Vua Lý Anh Tông đã từng đi tuần vùng biên giới, hải đảo, sai lập *Nam- Bắc phiên địa đồ*.

Sau ba lần chống Nguyên-Mông thắng lợi, Vua Trần Nhân Tông nhận thấy: "Trong nước vô sự, nhưng ở phía Bắc vẫn có nước láng giềng mạnh chưa được an tâm" nên dựng chùa ở núi Yên Tử "là núi cao nhất, phía đông nhìn về Yên Quảng, phía bắc liếc sang hai tỉnh Lạng" vừa để đi tu vừa để xem động tĩnh, cốt để ngừa cái mối lo nước ngoài xâm phạm"(1).

Vua Lê Thái Tổ (Lê Lợi) sai tạc đá khắc vào núi bài thơ, trong đó có câu:

"Biên phòng hảo trị trù phương lược
Xã tắc ưng tu kế cửu an"
(Biên phòng cần có phương lược tốt,
Đất nước nên lo kế lâu dài)

Vua Lê Thánh Tông cũng đã từng ra lệnh: "Một thước núi, một tấc đất của ta lẽ nào lại tự tiện vứt bỏ đi được. Kẻ nào dám đem một thước núi, một tấc đất của vua Thái Tổ để lại làm mồi cho giặc thì kẻ đó phải bị trừng phạt nặng".

Nhưng sang thời kỳ suy yếu của chế độ quân chủ, các vương triều ngày càng tỏ ra thiếu kiên quyết và bất lực trong nhiệm vụ bảo vệ lãnh thổ, chủ quyền quốc gia. Vùng biên cương phía Bắc của Tổ quốc có lúc gần như buông lỏng trước sự lấn cướp của nước ngoài. Trong hoàn cảnh đó, cuộc đấu tranh của các dân tộc miền núi gặp nhiều khó khăn, nhưng càng giữ vai trò quan trọng. Cuộc đấu tranh này không được sử sách ghi chép bao nhiêu hoặc ghi chép chung chung, nhưng còn được phản ánh trong một số

https://tieulun.hopto.org

gia phả của các dòng họ thổ tù, phiên thần biên trấn và còn được lưu truyền trong ký ức của nhân dân gắn liền với một số di tích, truyền thuyết.

Nghiên cứu cuộc đấu tranh bảo vệ vùng biên cương phía Bắc thế kỷ XVII-XVIII là chúng tôi muốn chọn một giai đoạn phức tạp và gay gắt của cuộc đấu tranh đó trong thời kỳ suy vong của chế độ quân chủ. Chúng tôi sử dụng tổng hợp những tư liệu có liên quan trong thư tịch cổ của ta và của Trung Quốc, kết hợp với những tư liệu mới sưu tầm được ở địa phương, chủ yếu là gia phả của các dòng họ (2).

Đầu thế kỷ XVI, chế độ quân chủ Việt Nam chuyển từ thời kỳ phát triển sang thời kỳ suy yếu. Các thế lực thống trị lao vào con đường tranh giành quyền bính, dẫn đất nước đến hậu quả vô cùng tai hại: phân liệt và hỗn chiến. Các vương triều càng ngày càng đối lập với nhân dân và đi ngược lại lợi ích dân tộc. Trước mối đe dọa của phong kiến Trung Hoa, các vương triều đó đối phó một cách yếu ớt, rồi hoặc nhượng bộ thỏa hiệp, hoặc đầu hàng câu kết với kẻ xâm lược.

Đầu thế kỷ XVI, Mạc Đăng Dung và triều Mạc cắt đất 5 động Tê Lẫm, Kim Lặc, Cổ Sâm, Liễu Cát, La Phù của châu Vĩnh An cho nhà Minh sáp nhập vào châu Khâm thuộc Quảng Tây của Trung Hoa.

Cuối thế kỷ XVIII, Lê Chiêu Thống mở đường tiếp tay cho

https://tieulun.hopto.org

29 vạn quân xâm lược Thanh tràn vào chiếm đóng kinh thành Thăng Long và Bắc Hà.

Trong hai thế kỷ XVII, XVIII, chính quyền Lê-Trịnh không bảo vệ nổi biên thùy phía Bắc, để cho nhà Minh và nhà Thanh xâm lấn nhiều đất đai của Tổ quốc...

Có thể nói những mưu mô và hoạt động của nhà Minh, nhà Thanh gây nên những mối đe dọa thường xuyên và nguy hiểm ở vùng biên cương, có quan hệ đến chủ quyền và lãnh thổ quốc gia. Nhưng chính quyền Lê-Trịnh không nhìn thấy hết và không có kế sách đối phó kiên quyết, kịp thời.

Chỉ riêng đối với họ Mạc ở Cao Bằng, do tính chất thù địch giữa hai tập đoàn thống trị, triều đình Lê-Trịnh có chủ trương phải dùng vũ lực để tiêu trừ. Còn đối với những hành động lấn chiếm, cướp phá của phong kiến Trung Hoa thì triều đình trước sau chỉ gửi thư phân trần, cử sứ giả biện bạch, nghĩa là chỉ đấu tranh yếu ớt về mặt ngoại giao.

Năm 1688, chúa Trịnh gửi thư sang nhà Thanh "đòi lại đất các động thuộc ba châu Vị Xuyên, Bảo Lạc và Thủy Vỹ" ở Tuyên Quang, nhưng rốt cuộc nhà Thanh vẫn không chịu rút lui và trả lại" *(Lịch triều tạp kỷ)*. Năm 1697, chính quyền Lê-Trịnh đòi đất 3 động Ngưu Dương, Hồ Điệp và Phổ Viên, nhà Thanh "sai đưa công văn trách vua Lê", lấy cớ 3 động này đã nội phụ từ đầu đời Minh... đã do huyện Mông Tự thu thuế, nay không trả lại được" *(Đại Nam nhất thống chí)*. Mấy lần chúa Trịnh "mang quốc thư sang tranh biện" nhưng "thư không đạt lên được", hoặc "người Thanh không chịu nhận thư... việc bàn cãi

https://tieulun.hopto.org

dành ngừng lại" *(Lịch triều tạp kỷ)*. Năm 1701, quan nhà Thanh "đem binh lính sang xâm chiếm ruộng dân Lộc Bình [Lạng Sơn]". Trước thái độ ngang ngược của bọn xâm lấn, chúa Trịnh không dám phản đối, chỉ ra lệnh cho quan và dân ta ở biên giới "phải phòng thủ nghiêm ngặt hơn, đừng để cho người ngoài vượt biên gặt tranh lúa, chứ không nên vọng động ở biên giới" *(Lịch triều tạp kỷ)*. Năm 1726, thôn Nà Oa (cũng thuộc thôn Lộc Bình) "đất rộng, dân đông, đem lại lợi ích lớn" bị nhà Thanh chiếm đứt, bỏ mốc giới cũ, đào hào dựng ba mốc giả v.v.

Trên thực tế, chính quyền Lê-Trịnh không còn đủ khả năng quản lý chặt chẽ các vùng đất biên giới phía Bắc, nhất là những vùng có mỏ quý. Thậm chí có vùng đất đã bị phong kiến Trung Hoa chiếm mất ngót một thế kỷ mà triều đình vẫn không nắm được, như trường hợp hai xã Đông Mông, Vô Cửu thuộc tổng Gia Tường ở châu Vị Xuyên. Hai xã này "sản xuất đồng tía rất tốt" và "người phương Bắc đã dựng xưởng đồng ở đây rất thịnh vượng", mà sổ Hộ phiên của chính quyền Lê-Trịnh vẫn ghi rằng: "Mỏ đồng ở xã Đông Mông bỏ hoang rậm lâu ngày, không có thuế". Lại có khi các quan trấn giữ biên giới cho thổ mục người Trung Hoa sang ở hẳn trong nước ta, cha truyền con nối quản lĩnh vùng có nhiều lâm sản quý và mỏ bạc, mỏ diêm tiêu, như trường hợp đối với họ Sầm ở các sách Hương Sơn và Sơn A thuộc huyện Văn Chấn (Hưng Hóa). Điển hình nhất là các cuộc "tranh biện" kéo dài giữa chính quyền Lê-Trịnh và nhà Thanh về đất 10 châu ở phủ An Tây (Hưng Hóa) và về khu mỏ Tụ Long ở Tuyên Quang.

https://tieulun.hopto.org

Công bằng mà nói, những viên quan của chính quyền Lê-Trịnh được cử đi "tranh biện" xuất phát từ ý thức bảo vệ quốc gia, đã nhiều lần dám vạch trần âm mưu của nhà Minh, nhà Thanh. Bài văn do Nguyễn Thế Lịch soạn thảo về vấn đề biên giới ở An Tây phần nào phản ánh điều đó, khi tác giả dám vạch ra rằng: "Mười châu thuộc phủ An Tây... nhân dân nội địa Trung Hoa phần nhiều vượt biên sang bá chiếm để ở", hoặc : "những châu ấy vẫn thuộc địa phận bản quốc, từ việc lính đóng đồn thú đến việc dân nộp lúa mùa đều có ghi rõ ở sổ sách, bản đồ và địa chí. Nó hoàn toàn không dính líu đến huyện Kiến Thủy [Trung Hoa]... Đến khoảng giữa chừng, dân chúng nội địa mới vượt lấn sang ở ngày càng đông nhiều, nhân đó mới nặn ra tên gọi như vậy... Việc này có quan hệ đến bờ cõi, há nên im lặng ngồi nhìn" *(Lịch triều tạp kỷ)*.

Tuy không "im lặng ngồi nhìn", nhưng đối với phong kiến phương Bắc luôn có ý đồ lấn chiếm mà hy vọng "trình bày sự việc, phân tích biện bạch", hy vọng được "phúc đáp một cách rõ ràng, rành mạch", thậm chí mong "được xét rõ sự lý, thấy hết tình hình, lựa lấy một số viên quan công bằng ngay thẳng phái đến biên giới... hội khám định rõ mốc giới, giao trả đất đai các châu cho bản quốc" v.v... thì chỉ là ảo tưởng.

Thái độ và phương thức đấu tranh của chính quyền Lê-Trịnh không thể mang lại kết quả mong muốn, và cuối cùng những giải đất vùng biên giới Tổ quốc liên tiếp bị phong kiến phương Bắc lấn chiếm.

Nhưng trong bối cảnh lịch sử đầy khó khăn phức tạp đó, các

https://tieulun.hopto.org

dân tộc miền núi phía Bắc, con cháu của những người đã từng góp phần phá Tống, bình Nguyên, đuổi Minh không thể cam tâm bó tay cho ngoại bang giày xéo bản mường và xâm phạm chủ quyền lãnh thổ quốc gia. Các dân tộc, qua các thổ mục, phiên thần đã liên kết lại, tự tổ chức cuộc đấu tranh để bảo vệ cuộc sống, bảo vệ vùng đất biên cương. Có thể phân biệt ba trường hợp như sau :

I. ỦNG HỘ CHÍNH QUYỀN LÊ-TRỊNH TRONG CUỘC ĐẤU TRANH DIỆT MẠC.

Cuộc đấu tranh giữa Lê-Trịnh (Nam triều) và Mạc (Bắc triều) từ 1545 đến năm 1592 là cuộc tranh chấp giữa hai thế lực thống trị. Nhưng sau khi triều Mạc bị lật đổ và tàn quân Mạc dựa vào sự che chở của "thiên triều" Minh, Thanh để cát cứ ở Cao Bằng, thì những cuộc đánh dẹp của chính quyền Lê-Trịnh nhằm diệt trừ tàn quân Mạc và thu hồi đất Cao Bằng lại mang tính chất và ý nghĩa mới. Nó nằm trong cuộc đấu tranh chống một âm mưu lợi dụng và can thiệp của nước ngoài. Cuộc đấu tranh đó được đông đảo các dân tộc miền núi phía Bắc, từ Cao Bằng, Lạng Sơn đến Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hưng Hóa hết lòng ủng hộ.

Sử sách cũng như gia phả của các họ "phiên thần" còn ghi lại nhiều chi tiết sinh động về cuộc chiến đấu kiên trì của nhân dân các dân tộc miền núi phía Bắc nhằm tiêu diệt họ Mạc, trong đó nổi lên tên tuổi của nhiều nhân vật có công diệt Mạc với nhiều di tích, đền miếu rải rác ở các tỉnh biên giới.

Năm 1594, Liêm quận công (không rõ tên) ở Thái Nguyên

https://tieulun.hopto.org

bắt được tướng Mạc là Hoàng Mỹ Công "đóng cũi giải về kinh sư, sai đem chém ở bến Thảo Tân". Cũng năm đó, Liêm quận công dẫn đường cho các tướng của chúa Trịnh "đánh dẹp xứ Thái Nguyên, phá dinh của ngụy Vĩnh quận công", buộc tướng Mạc phải đem dư đảng chạy về huyện Vũ Nhai (3).

Khoảng cuối năm 1598, một thổ quan ở Cao Bằng tên là Hà Ích phối hợp với lực lượng của Lê-Trịnh tiến đánh quân Mạc ở châu Định Hóa, "chém được Trung Quốc công ngụy và đồ đảng 35 đầu, cắt tai, bắt được 30 con ngựa giải về kinh nộp" (4).

Đồng thời, một thổ quan khác ở huyện Đường Đạo tên là Tống Thời Chiếu "đem quân đánh phá ngụy Mạc, chém được Phú Thắng hầu ngụy và đồ đảng... bắt được một con ngựa và khí giới rất nhiều"(5)

Năm 1654, ở xã Phục Hòa, châu Thạch Lâm (Cao Bằng) có người tên là Nông Quý Hồ "cậm tức họ Mạc làm bậy, bèn tự xưng là Thiên Hòa vương, đem quân hai tổng Thượng Pha và Phục Hòa tiến đánh họ Mạc". Mạc Kính Vũ sai tướng đánh lại, Thiên Hòa không địch nổi, thua trận, "đập đầu vào núi chết"(6).

Ở xã Vu Thủy, huyện Thạch Lâm (Cao Bằng) có đền Giang Châu thờ hai anh em Phù Thắng, Phù Thiết, là hai thổ tù ở huyện Hạ Lang không chịu nhận quan tước của họ Mạc, ngầm tập hợp nhân dân, luyện tập binh mã, nuôi chí diệt Mạc. Tác giả *Cao Bằng thực lục* cung cấp nhiều chi tiết về hai nhân vật này: "Phù Thắng, Phù Thiết đời đời làm tù trưởng trong châu. Khi họ Mạc chiếm cứ Cao Bằng, nghe tiếng anh em Phù Thắng, muốn dùng làm tướng nhưng anh em đều từ chối, họ Mạc dọa giết cả nhà.

https://tieulun.hopto.org

Phù Thiết bất đắc dĩ phải theo ra làm chức tiết chế của Mạc nhưng vẫn nuôi lòng căm giận... Sau hai năm, Phù Thiết thu hợp dân chúng, giữ nơi hiểm trở, không theo họ Mạc nữa, lòng bền như sắt đá...". Về sau, ông bị họ Mạc bắt được, giải về thành Cao Bằng. Ông đánh lừa tên lính canh, lẻn ra bờ sông Bằng, nhảy xuống bờ vực Mây tự tử, không chịu khuất phục họ Mạc. Vua Lê sắc phong cho ông làm Giang Châu tiết chế đại vương (7).

Cũng thời gian này (1666-1667), một "phiên tướng ở Thái Nguyên là Hà Sĩ Trí đem quân bản bộ đến đánh Mạc Kính Vũ ở Cao Bằng, không may ông bị quân Mạc bắt được". Khi quan quân Lê-Trịnh kéo lên viện trợ, "Kính Vũ bèn giết Hà Sĩ Trí rồi bỏ sào huyệt trốn vào rừng núi"(8).

Đến năm 1683, ở châu Thạch Lâm (Cao Bằng) có người họ Trần (*Đại Nam nhất thống chí* chép là Trần Quyết) quê ở xã Miên Dã đem lực lượng của mình phối hợp với quân của Lê-Trịnh, nhận làm tiên phong đánh đuổi quân họ Mạc đến tận biên giới và hy sinh tại trận. Tác giả *Cao Bằng thực lục* cho biết thêm: "Ông vốn người khẳng khái, có mưu lược... Họ Mạc chiếm Cao Bằng, ông đi ẩn, không chịu ra làm quan. Khi quận nhà vua kéo lên đánh Mạc, ông đem dân chúng vài trăm người, tự mình tiến lên trước hàng quân, không ai địch nổi. Ông đuổi theo họ Mạc đến cửa ải, bắt được đồ dảng của giặc, lại đuổi theo tên đầu sỏ; thế cùng nó quay đánh trở lại, ông bị chết trong trận". Về sau, nhân dân lập đền thờ ông ở xã Xuân Linh, huyện Thạch An (nay là các xã Bế Triều, Vĩnh Quang, huyện Hòa An, Cao Bằng).

Trên địa bàn Lạng Sơn, nhân dân các dân tộc tập hợp xung

https://tieulun.hopto.org

quanh một số "phiên thần" họ Nguyễn Khắc chống đánh họ Mạc suốt mấy chục năm (9).

Trên địa bàn Vĩnh Phú, nhân dân các dân tộc cùng quân binh hai phủ Lâm Thao, Đoan Hùng tập hợp xung quanh Nguyễn Địch Hiền, kiên trì cuộc đấu tranh chống tàn dư họ Mạc trên một vùng rộng lớn bao gồm các tỉnh Tây-Bắc và một phần Việt -Bắc ngày nay.

Theo gia phả họ Nguyễn ở xã Vụ Cầu (10), Nguyễn Địch Hiền cùng cha phối hợp với lực lượng của Vũ Công Kỷ ở Tuyên Quang, dấy quân nghĩa chống nhà Mạc từ giữa thế kỷ XVI, đã từng giữ chức trấn thủ Hưng Hóa,"chiêu tập dân binh mười châu ở phủ An Tây đốc vận lương thực", nhiều lần phá tan quân Mạc xâm phạm vùng Hưng Hóa, Tuyên Quang. Những năm cuối thế kỷ XVI, Nguyễn Địch Hiền mấy lần đánh bại tàn dư họ Mạc xâm lấn vùng Hạ Hòa, Thanh Ba và đối phó với sự phản bội của Vũ Đức Cung ở Đại Đồng.

Kế tục sự nghiệp chống Mạc của cha, các con ông là Nguyễn Địch Trương, Nguyễn Trụng, Nguyễn Hữu Hải, Nguyễn Gia Uy ra sức tập hợp lực lượng dân binh vùng Hạ Hòa, Thanh Ba, Hoa Khê... đánh thắng họ Mạc nhiều trận, giữ vững đất đai vùng Tây-Bắc.

Gia phả còn ghi lại dậm nét sự tích của Nguyễn Bàn. Thời gian đấu tranh ngoại giao gay go với nhà Thanh về vấn đề biên giới ở phủ An Tây khoảng những năm 70 của thế kỷ XVIII, chính quyền Lê-Trịnh đã nghĩ đến việc bổ nhiệm Nguyễn Bàn "làm lưu thủ xứ Hưng Hóa, lo liệu công việc phục hồi các châu ở An

https://tieulun.hopto.org

Tây". Tiếc rằng trên đường lên biên giới nhận nhiệm vụ mới, ông bị ốm nặng, sau đó thì mất. Gia phả chép: "Năm 1781 khi ấy 17 châu ở phủ An Tây xứ Hưng Hóa lâu ngày bị Trung Hoa chiếm giữ, ta thường sai các quan lưu thủ dùng cách chiêu phủ dân, nhưng chưa được tiện nghi. Vua bèn với ông Nguyễn Bàn dừng lại... làm lưu thủ xứ Hưng Hóa, lo liệu công việc phục hồi các châu ở An Tây. Ông vâng mệnh đem quân bản trấn đi An Tây làm việc chiêu phủ, không ngờ người sinh có hạn, việc tươi héo do trời, mới đi được nửa đường bị khí lam chướng xâm hại phải rút về trấn sở, được hơn một tháng thì mất"(11).

Trở lại địa bàn Thái Nguyên, các tài liệu chính sử như *Đại Việt thông sử, Đại Việt sử ký toàn thư* ghi lại nhiều chi tiết về một "thổ quan" tên là Phú Lương hầu lập mưu bắt được Mạc Kính Dụng ở Thái Nguyên năm 1598, nhưng không chép rõ lai lịch của ông(12).

Thực ra, Phú Lương hầu chính là Nguyễn Tông Thái, ông tổ trực tiếp của họ Bế Nguyễn ở Cao Bằng. Gia phả Bế Nguyễn chép rõ như sau: "Nguyễn Tông Thái là con thứ của Trùng quốc công Nguyễn Văn Lưu... sinh Gia Miêu ngoại trang (Tống Sơn, Thanh Hóa)... làm tướng trải hai triều Lê Chiêu Tông (1516-1522) và Cung Hoàng (1522-1527). Niên hiệu Quang Thiệu (Chiêu Tông), ông làm Điện tiền đô tổng binh, tước Uy Xuân hầu, đến Lê trung hưng là Phú Lương hầu... Bấy giờ quyền thần Mạc Đăng Dung lập bè đảng âm mưu thoán nghịch. Anh em ông cùng mưu việc chống Mạc phò Lê..., ông lên Lạng Sơn trấn ải Quỷ Môn, bình dẹp loạn ở Lạng Sơn, Thái Nguyên để xây

https://tieulun.hopto.org

dựng cơ sở mới" (bấy giờ châu Thái Nguyên bao gồm cả Cao Bằng, trừ châu Bảo Lạc)(13).

Sau khi nhà Lê trung hưng, Nguyễn Tông Thái được giao nhiệm vụ cai quản các trấn Lạng Sơn, Thái Nguyên, "hưởng lộc thuế ở châu Phú Lương, phủ Định Hóa", từ đó có tên gọi Phú Lương hầu (14).

Tiếp đến việc Trịnh Kiểm sát hại Nguyễn Uông, Nguyễn Tông Thái bám chắc cơ sở Lạng Sơn, Thái Nguyên, đoàn kết nhân dân các dân tộc, liệu cách chống các thế lực đối lập Mạc và Trịnh. Ông lấy người vợ thứ là Bế Thị Khương (dân tộc Tày), quê ở xã Bác Khê, châu Thạch Lâm (Cao Bằng). Người con của vợ cả là Nguyễn Tú Lâm cũng lấy vợ họ Bế (đều thuộc dòng họ Bế Khắc Thiệu).

Nguyễn Tông Thái và con cháu khôn khéo ẩn giấu tông tích, đổi họ đổi tên, dựa vào nhân dân các dân tộc và hào trưởng miền núi chống cự với họ Mạc hơn 40 năm. Năm 1598, Nguyễn Tông Thái (đổi tên là Bế Công Bộ) lập mưu bắt sống Mạc Kính Dụng và sai gia thuộc đóng cũi giải về kinh sư nộp vua Lê. Từ năm 1600, hai cha con Nguyễn Tông Thái "trở lên Bác Khê, mai danh ẩn tích nơi rừng sâu núi hiểm giữa khu đệm giáp ranh Lạng Sơn, Thái Nguyên với khu vực ngụy Mạc cát cứ... ngầm xây dựng lực lượng chờ đợi thời cơ"(15).

Sau khi cha mất, Nguyễn Tú Lâm (tức Bế Công Mậu) cùng các thổ tù và nhân dân các dân tộc ở Thái Nguyên, Cao Bằng tiếp tục cuộc đấu tranh chống tàn dư họ Mạc trong mấy chục năm. Tú Lâm khéo dựa vào các tù trưởng có thế lực, khéo hòa

https://tieulun.hopto.org

hợp đoàn kết các dân tộc nên đã xây dựng được nhiều căn cứ vững chắc ở miền núi Thái Nguyên, Cao Bằng và Lạng Sơn. Được nhân dân ủng hộ và sự giúp đỡ của người tù trưởng họ Bế, Tú Lâm "sắp đặt thôn làng, rèn luyện dân binh, chiêu tập hảo kiệt, đợi thời giúp nước"(16).

Đến năm 1624, quân họ Mạc ở các đồn Thượng Pha, Hạ Pha, đều thuộc huyện Thạch An (Cao Bằng),kéo đến trang ấp Áng Mò ở Bác Khê đánh phá. Tú Lâm bấy giờ đã cao tuổi vẫn đôn đốc dân binh đánh đuổi quân Mạc; không may ông bị thương nặng ở đùi rồi mất" (17).

Người con của Tú Lâm là Bế Công Lượng cũng có công lớn trong việc phối hợp với quan quân Lê-Trịnh tấn công tàn dư họ Mạc. Bế Công Lương đã khéo tổ chức lực lượng các dân tộc đánh bật quân họ Mạc ra khỏi biên giới, thu hồi toàn bộ đất Cao Bằng, chấm dứt nạn cát cứ hơn 80 năm của họ Mạc, đồng thời phá tan âm mưu nhà Thanh lợi dụng họ Mạc hòng xâm chiếm 4 châu của Cao Bằng.

Khoảng niên hiệu Thịnh Đức (1653-1657), sau khi về Thăng Long triều kiến và được giao nhiệm vụ "do thám nội tình, quân cơ của ngụy Mạc", Bế Công Lương trở về Cao Bình (17) tìm cách nhập vào hàng ngũ của họ Mạc nắm tình hình mật báo về kinh đô. Một lần, ông cùng người con trưởng (Bế Công Quỳnh) tổ chức ám sát Mạc Kính Khoan (hay Mạc Kính Vũ) nhưng việc bị lộ. Ông trốn thoát chạy về Bác Khê rồi cùng các con "mang theo 500 dân binh xuống xã Bình Quân, châu Thất Tuyền,(nay là huyện Tràng Định) hợp lực với hào trưởng Bế

https://tieulun.hopto.org

Quốc Tế, cùng nhau kéo xuống Lạng Sơn gặp phiên thần Nguyễn Đình Kế bàn kế hoạch chống Mạc"(18).

Sau khi về Thăng Long lần thứ hai, năm 1666 Bế Công Lượng được cử làm tướng tiên phong , cùng quan quân các trấn Cao Bằng, Lạng Sơn đánh Mạc Kính Vũ, nhưng thế của đối phương còn mạnh, quân Lê- Trịnh thất trận. Năm sau (1667), Công Lượng lại phụ trách một cánh quân tiên phong, phối hợp với các cánh quân khác từ Thái Nguyên và Lạng Sơn lên Cao Bằng vây đánh họ Mạc. Bị tấn công từ nhiều phía, Mạc Kính Vũ bỏ chạy sang huyện Trấn Yên (Quảng Tây, Trung Hoa) cầu cứu nhà Thanh và dâng nộp 21 động ở biên giới Cao Bằng.

Năm 1669, vua Thanh sai sứ mang chỉ dụ sang bức vua Lê phải để cho Mạc Kính Vũ trở lại chiếm giữ 4 châu của Cao Bằng (19). Chính quyền Lê-Trịnh nhu nhược, đành phải ra lệnh cho Bế Công Lượng "rút quân bản bộ ra đóng ngoài vùng giáp ranh các châu Bảo Lạc (Tuyên Quang), Thất Tuyền (Lạng Sơn), Bắc Cạn (Thái Nguyên). Thái độ nhượng bộ nhà Thanh của Lê-Trịnh buộc nhân dân các dân tộc Cao Bằng phải tốn thêm xương máu chống trả những cuộc đánh lấn của quân Mạc được sự hỗ trợ của nhà Thanh. Mãi đến năm 1677, khi đại quân Lê- Trịnh kéo lên phối hợp với quân dân các dân tộc do Bế Công Lượng chỉ huy, quân họ Mạc mới hoàn toàn bị tiêu diệt, 4 châu của Cao Bằng lại được thu hồi, Mạc Kính Vũ lại trốn thoát sang nhà Thanh (20).

Thời gian lẩn trốn ở Trung Hoa, tàn dư họ Mạc dựa vào thế của quan lại nhà Thanh, nhiều lần kéo về cướp lấn vùng biên

https://tieulun.hopto.org

giới nhưng đều bị dân binh các dân tộc Cao, Lạng đánh tan... Năm 1692, trấn thủ Cao Bằng Ngô Sách Tuân sai phiên thần Bế Công Quỳnh (con trưởng của Bế Công Lượng) sang thuyết phục viên quan Long Châu (Trung Hoa), bắt được Mạc Trí Kính (chúa Mạc cuối cùng) và đồ đảng đóng cũi giải về kinh giết chết (21).

Những tư liệu trên đây giúp chúng ta nhận rõ vai trò của các thổ mục, phiên thần, phiên tướng ở vùng núi phía Bắc trong thế kỷ XVII, XVIII. Được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân các dân tộc, họ đã có cống hiến quan trọng giúp chính quyền Lê-Trịnh diệt trừ được tàn quân Mạc ở Cao Bằng, đồng thời làm thất bại một mưu đồ thâm độc của nhà Minh, nhà Thanh.

II. TỰ TỔ CHỨC CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG LẤN CHIẾM VÀ CƯỚP PHÁ CỦA PHONG KIẾN TRUNG HOA.

Những cuộc đấu tranh chống lấn chiếm và cướp phá của phong kiến Trung Hoa do nhân dân các dân tộc tự tổ chức diễn ra khá phổ biến nhưng hầu như không được phản ánh rõ nét trong chính sử các triều đại, mà chỉ được ghi nhận trong một số gia phả hoặc trong ký ức nhân dân.

Nói đến tâm trạng nhân dân Cao Bằng thời Lê-Trịnh trước hiểm họa ngoại xâm, tác giả *Cao Bằng thực lục* viết : " Xứ Cao Bằng là một xứ nhỏ, bao năm gặp loạn lạc..., nhân dân mặt đầy vẻ buồn rầu, cỏ rậm lấp cả cửa ngõ... phía ngoài thì như con rắn

https://tieulun.hopto.org

con trăn dòm ngó ở bên cạnh". Chính quyền Lê-Trịnh cũng như các triều đại sau đó đã ý thức được vị trí xung yếu và vai trò "phên giậu" của các trấn biên giới. Xứ Tuyên Quang "mặt ngoài khống chế tỉnh Vân Nam", xứ Cao Bằng "ba mặt đông, bắc và tây giáp với đất nước Thanh", xứ Lạng sơn "bên ngoài khống chế tỉnh Quảng Tây, giữ miền thượng du về mặt bắc, chẹn đường xung yếu về phía nam, chiếm giữ nơi biên tái" v.v...(22). Đường biên giới giữa nước ta với phong kiến Trung Hoa lại rất đa dạng. Có những đoạn biên giới "là núi rừng, lấy sông núi làm mốc giới", lại có những đoạn "lấy núi đất bờ tre hoặc đóng rào gỗ đắp tường đất", thậm chí lấy đường đất làm mốc giới"(23).

Nhưng các trấn thủ được cử lên cai trị vùng biên giới, hoặc bất tài bạc nhược, hoặc không yên tâm với nhiệm vụ. Thêm nữa, những lực lượng đồn trú yếu ớt do chính quyền Lê-Trịnh cử lên không đủ sức đối phó với hành động lấn chiếm, cướp bóc hầu như lúc nào cũng có thể xảy ra của chính quyền thống trị ở bên kia biên giới. Nhiều đồn ải hoàn toàn dựa vào sự bảo vệ của dân binh địa phương.

Năm 1721, chính quyền Lê-Trịnh còn ra lệnh bãi bỏ chế độ lính đi đồn trú ở Cao Bằng, lấy cớ "thái bình đã lâu, biên cảnh vô sự"(!) chỉ cần dân binh thổ dũng cũng đủ chống giữ. Nhưng đến năm 1724, triều đình phải thu hồi lệnh này theo đề nghị của đốc trấn Cao Bằng, vì "những kẻ ngấp nghé mưu đồ ở cõi ngoài thường hay lợi dụng những chỗ thay đổi sắp xếp của ta, biết đâu không nẩy lòng tham lam, ta không thể không sẵn sàng phòng bị trước" (24).

https://tieulun.hopto.org

Trong tình hình như vậy, nhân dân các dân tộc miền núi phía Bắc thường phải tự vũ trang chiến đấu bảo vệ quê hương, có khi ngấm ngầm đấu tranh ngay trong vùng quân địch đã lấn chiếm bằng nhiều hình thức linh hoạt, phong phú.

Sau khi nhà Minh chiếm 5 động của châu Vị Xuyên (Tuyên Quang), nhân dân vùng này vẫn giữ mối liên hệ với triều đình Lê-Trịnh. Năm 1689, tù trưởng động Hồ Điệp là Nùng Đức Tước dâng biểu xin trở về với triều đình. Nhân dân ở động Ngưu Dương cũng tự động tìm cách trở về nước. Tiếc rằng chính quyền Lê-Trịnh không có biện pháp hiệu quả để hỗ trợ cuộc đấu tranh của nhân dân và giải quyết nguyện vọng tha thiết của họ.

Đầu thế kỷ XVIII, nhà Thanh chiếm khu mỏ Tụ Long, nhưng nhân dân các dân tộc ở đây do thổ tù Hoàng Văn Phác (hay Mô?) cầm đầu vẫn kiên quyết đấu tranh chống lại. Hoàng Văn Phác giữ vững cửa ải và tuyên bố với quân Thanh rằng: "dầu có mạnh như hùm beo mà xông vào cửa quan thì bọn Phác này quyết hết sức cố giữ, không để cho hoành hành được"(25). Tổng đốc Vân Nam là Ngạc Nhĩ Thái lo sợ, phải xin triều Thanh điều động binh mã áp sát ba tỉnh biên giới, sẵn sàng đối phó. Cuộc đấu tranh của Hoàng Văn Phác và các dân tộc vùng mỏ Tụ Long đã làm hậu thuẫn cho chính quyền Lê-Trịnh điều đình, và năm 1728 nhà Thanh buộc phải bỏ lại cho ta khu mỏ này.

Trong những lần đấu tranh của nhân dân các dân tộc ở Cao Bằng chống âm mưu lấn cướp của nhà Thanh nổi lên vai trò và thành tích của một số phiên thần họ Bế - Nguyễn, như Bế Công Phụ, Bế Nguyễn Luân, Bế Nguyễn Hoàn v.v...

https://tieulun.hopto.org

Khoảng cuối thế kỷ XVII, tàn quân Mạc lẩn trốn ở bên kia biên giới được quân Thanh giúp sức kéo về đánh chiếm thành Phục Hòa (do Bế Công Tuấn trấn giữ). Được tin cấp báo, Bế Công Phụ (em ruột Công Tuấn) đem quân bản bộ theo đường thủy đi cứu ứng. Sáng ngày 21 tháng Chạp (năm ?) 400 nghĩa dũng dưới sự chỉ huy của Công Phụ tiến lên công phá thành. Quân địch có hỏa pháo chống lại quyết liệt. Lợi dụng tiết trời đông sương mù, Công Phụ cùng 60 quân cảm tử bắc thang tre, vượt hào lũy và tường cao, xông vào thành chiến đấu quyết liệt với địch. Tướng nhà Thanh là Lưu Nhị Đầu bị sát thương. Quân ta chiếm lại được thành Phục Hòa và đuổi địch đến tận Pắc Nậm (tức Thủy Khẩu).

Năm 1737, hơn 1000 quân Thanh từ phía Trịnh Tây (Quảng Tây, Trung Hoa) theo hai đường Sóc Giang, Trà Lĩnh tiến vào, mưu chiếm trấn thành Cao Bằng. Tướng nhà Thanh là Hoàng Lão Tả đánh chiếm các đồn ải và đóng trại dọc theo các xã bên bờ sông Hiến và sông Bằng. Quân địch "chiếm ruộng đồng, chia quân đi cướp bóc, đốt giết hung tàn, dân địa phương phải ly tán, cùng khổ khôn xiết", rồi kéo xuống bao vây trấn thành Mục Mã (tức thành Cao Bằng). Bấy giờ quân ở trấn quá ít, chỉ bố trí quanh trấn để cố thủ. Các quan trấn "đã tâu xin viện binh, nhưng quân triều chưa đến, các quan đành hoặc giữ hoặc tránh, không có kế sách gì để đánh dẹp"(26).

Một thanh niên địa phương tên là Bế Nguyễn Luân được các bậc trưởng lão giúp đỡ, đã "về quê quán chiêu mộ nghĩa dũng, chỉnh bị súng ống gươm giáo tinh nhuệ, thề đoàn kết một

https://tieulun.hopto.org

lòng dánh tan lũ giặc"(27).

Trước thế giặc mạnh, Bế Nguyễn Luân chia lực lượng thành nhiều nhóm nhỏ "ngày đêm quấy rối quân giặc", mặc khác chọn mấy chục dũng sĩ cầm đoản đao vượt sông đột kích trại giặc tiêu diệt vài trăm tên; số còn lại rút chạy lên Vũ Tuyền, đóng trại dọc đồi Đống Lân, Làng Thánh (nay thuộc các xã Hưng Đạo và Bế Triều). Chi tiết về trận thắng này được kể lại như sau: "Bấy giờ mùa đông lạnh rét, sương tuyết đóng giá. Nhân đêm tối, 80 nghĩa dũng do Bế Nguyễn Luân dẫn đầu lẻn vào trong dinh tên Lão Tả dò thám, nghe chúng đã ngủ say tức thời phát hiệu lệnh đánh úp, đâm giết loạn đả, giặc bị giết nằm ngổn ngang. Đồng thời, 40 nghĩa dũng được bố trí sẵn ở phía ngoài đồng loạt hò hét, bắn súng đốt cháy trại giặc. Trong đêm tối, bọn giặc không rõ quân đến đánh úp nhiều hay ít, kinh sợ bỏ chạy lui xa hơn 10 dặm. Ta thu binh trở về, bắt được ngựa, vũ khí, lương thảo của giặc rất nhiều"(28).

Hoàng Lão Tả thua đau, mấy ngày sau gửi thư thách đánh, lời lẽ rất ngạo mạn: "Quân nhà trời đến đất man di này, tới đâu bình đấy, không chỉ dân Man mà thần của người man thảy đều quy phục. Quân nhà trời đông, vũ khí sắc bén, chiến mã oai hùng, từ khi đến chiếm giữ không ai dám chống cự. Đêm nọ do sơ suất mà thua trận nhỏ. Nay ta lại khởi binh mã tới áp thành, bên man biết sợ oai trời thì đầu hàng, được sống, nếu không thì hẹn ngày giờ quyết chiến"(29).

Bế Nguyễn Luân xem thư, tự liệu lực lượng của mình vẫn còn ít mà viện binh triều đình lại chưa tới, khó bày thế trận quyết

https://tieulun.hopto.org

chiến được. Ông bèn lập mưu dụ địch "lấy tướng đấu tướng" và dùng phục binh hạ sát tướng giặc, Chuẩn bị xong, ông viết thư trả lời Hoàng Lão Tả: " Gửi cho ngươi Lão Tả ! Ta là dân nước Đại Việt, phải đâu man rợ thảo khấu như lũ chúng mày. Phương Nam phương Bắc từ khi chia bờ cõi, núi sông đã định ranh giới. Mày ở biên cõi chỉ là một kẻ thảo phu, xâm lấn như con lang và lẩn trốn như con chuột, cướp bóc xóm làng, đốt giết một vùng, thần dân oán giận, trời đất không dung. Một trận đêm trước doanh trại đã tan vỡ, ấy là trời muốn diệt chúng mày, đã không biết hối hận rút lui lại còn muốn đánh nhau nữa... Ta sẽ cùng mày đánh nhau bằng tướng chứ không thèm đánh nhau bằng quân. Hai bên đều phải rút lui đứng xa, tự mình thân đến chiến trường, y hẹn đối địch mới tỏ rõ tài năng. Mày dám nhận hay không, trả lời sớm cho ta biết".

Hoàng Lão Tả trúng kế, nhận lời và đã bị Bế Nguyễn Luân giết chết, cắt thủ cấp về nộp quan trấn. Lũ giặc Thanh tan vỡ, lại bị truy kích từ nhiều phía, hoảng hốt rút chạy theo đường Nước Hai (thị trấn Hà Quảng) rồi theo cửa ải Bình Mãng trốn về Trung Hoa (30).

Hành động của Bế Nguyễn Luân cũng như bức thư ông gửi tên tướng giặc nhà Thanh càng chứng tỏ cuộc đấu tranh của các dân tộc vùng biên giới phía Bắc không phải chỉ nhằm bảo vệ vùng đất quê hương mình, mà thể hiện tinh thần yêu nước và ý thức dân tộc sâu sắc.

Có thể kể thêm những hoạt động của một nhân vật khác thuộc họ Bế-Nguyễn là Bế Nguyễn Hoàn. Ông đã cùng nhân

https://tieulun.hopto.org

dân các vùng Tuyên Quang, Hưng Hóa nhiều lần đánh thắng bọn thổ phỉ ở biên giới, "giữ yên bờ cõi". Suốt 38 năm (1705-1743) xông pha chiến trận, khi đánh phá đồn giặc ở Đại Miện, Tiểu Miện, Tùng Bá (nay thuộc Hà Tuyên), khi tiễu trừ thổ phỉ Cam Đường, Thao Bô, Đại Bộc, Tiểu Bộc (vùng Lao Cai, Yên Bái), khi quét sạch giặc cướp ở vùng 10 châu tiếp giáp Hưng Hóa..., Bế Nguyễn Hoàn đã góp phần xuất sắc cùng các dân tộc miền núi phía Bắc trong sự nghiệp "phòng thủ biên cương..., giữ cho biên cương được thanh bình"(31)

III.VÙNG LÊN KHỞI NGHĨA, VỪA CHỐNG CÁC THẾ LỰC PHẢN ĐỘNG TRONG NƯỚC, VỪA CHỐNG PHONG KIẾN XÂM LƯỢC PHƯƠNG BẮC

Nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa ở miền núi trước hết là do chính sách của Lê-Trịnh bóc lột nặng nề các dân tộc và chèn ép quyền lợi thổ tù, thổ mục. Đời sống cơ cực của dân chúng dẫn đến tình trạng lưu vong phiêu tán phổ biến ở các trấn miền núi(32).

Một nguyên nhân khác không kém phần quan trọng là sự cai trị hà khắc và nạn tham nhũng của quan lại được bổ nhiệm lên các trấn biên giới. Thực ra quan lại miền xuôi thường có tâm lý sợ lên nhận chức ở miền núi, họ không dám đến nhiệm sở làm việc, chỉ "ở xa mà cầm quyền thống trị", buộc chúa Trịnh phải "hạ lệnh truyền cho các quan trấn thủ ở ngoại trấn đều phải đến làm việc tại chỗ lị sở"(33). Nhưng một khi bắt buộc phải đến

https://tieulun.hopto.org

"trấn nhậm tại chỗ" thì các quan trấn lại tìm mọi cách dục khoét, nhũng lạm gây bao đau khổ cho nhân dân miền núi(34).

Các dân tộc miền núi phía Bắc đã vùng lên đấu tranh ngày càng mạnh mẽ, lớn nhất là các cuộc khởi nghĩa của nhân dân vùng Hưng Hóa do các thủ lĩnh Thoan, Thiều , Thái, Đèo Mỹ Lâm cầm đầu và cuộc khởi nghĩa của Toàn Cơ ở Lạng Sơn.

Năm 1721, Đèo Mỹ Lâm tập hợp lực lượng nổi dậy ở châu Chiêu Tấn, chiếm cứ Lai Châu, tràn sang địa phận châu Quỳnh Nhai(35).

Năm 1740, một "phiên tù" ở Lạng Sơn là Toàn Cơ nổi dậy vây đánh phủ thành. Viên đốc phủ Lạng Sơn là Ngô Đình Thạc bị nghĩa quân giết chết. Hơn ba năm sau (1743), nghĩa quân lại nổi dậy chiếm thành Lạng Sơn, ngăn lấp đường vận lương của quân triều, giết chết viên đốc trấn Vũ Tá Vịnh và viên đốc đồng Trần Công Hân. Theo tác giả *Hậu Lê thời sự kỷ lược*, "bấy giờ Vũ Tá Vịnh cáo cấp về triều. Chúa sai thự phủ sứ Trần Đình Miên đem quân đi cứu. Miên lấy cớ bận đánh giặc biển, nhiều lần có chỉ giục tiến quân. Miên vẫn nhênh nhang ở giang bắc rồi không dám tiến quân đi"(36).

Trong quá trình phát triển, cuộc đấu tranh của các dân tộc miền núi đã liên kết với phong trào nông dân miền đồng bằng. Nghĩa quân của Toàn Cơ có lần phối hợp với nghĩa quân của Nguyễn Cừ. Khởi nghĩa Hoàng Công Chất khi di chuyển lên vùng Hưng Hóa được đông đảo các dân tộc Tây-Bắc hết lòng ủng hộ.

Điều đáng lưu ý là: tuy căm ghét họ Trịnh và bọn quan lại

https://tieulun.hopto.org

tham nhũng, lại nổi dậy hoạt động ở sát vùng biên giới, nhưng những cuộc khởi nghĩa của các dân tộc miền núi phía Bắc không tìm sự viện trợ ở quan lại Trung Hoa khi bị chính quyền Lê-Trịnh đàn áp khốc liệt, cũng không để cho phong kiến Trung Hoa lợi dụng nhằm thực hiện âm mưu lấn chiếm và can thiệp.

Trái lại, mỗi khi giặc ngoài xâm phạm bờ cõi thì các dân tộc miền núi đã kịp thời kết hợp cuộc đấu tranh chống thế lực phản động trong nước với cuộc đấu tranh chống ngoại xâm. Đây là xu thế chung của phong trào nông dân thế kỷ XVIII, cũng là một đặc điểm nổi bật của phong trào. Đặc điểm này thể hiện rõ nét trong khởi nghĩa Hoàng Công Chất giai đoạn hoạt động ở Tây- Bắc và đạt đỉnh cao với phong trào Tây Sơn cuối thế kỷ XVIII.

Dòng họ phiên thần Nguyễn Công ở Thái Nguyên còn giữ được 19 sắc phong cho 10 người trong họ hồi thế kỷ XVIII đã có công bảo vệ vùng biên thùy của Tổ quốc. Đáng chú ý là trong số 19 sắc phong đó chỉ có 1 sắc phong năm Cảnh Hưng đời Lê, còn 18 sắc phong đều mang niên hiệu Tây Sơn, gồm 3 sắc đời Thái Đức, 12 sắc đời Quang Trung và 3 sắc đời Cảnh Thịnh(37).

Nhân vật tiêu biểu của họ Nguyễn Công là Nguyễn Công Án, quê quán ở xã Yên Ninh, châu Định Hóa, phủ Phú Bình (Thái Nguyên). Ông được vua Quang Trung cử giữ chức tham đốc, lại thăng chức phó quản lĩnh đề đốc, cai quản thổ binh của 16 xã. Công lao của ông trong việc giúp triều Tây Sơn đoàn kết các dân tộc, bảo vệ vùng biên giới được phản ánh trong nhiều đạo sắc phong: "Ngươi như bức bình phong cửa hổ, như hàng rào

https://tieulun.hopto.org

ngăn ải nhạn..., gắng sức gìn giữ biên cương, nay một lần mặc nhung y mà đại định được thiên hạ"(38), hoặc: "Ngươi là tướng hào hùng ở chốn sơn động, che chở cho bờ cõi biên thùy... hòa hợp được phong tục các dân tộc mường mán" (39).

Một số nhân vật khác thuộc dòng họ này, như Nguyễn Công Vinh, Nguyễn Công Thực, Nguyễn Công Bằng, Nguyễn Công Nghi v.v... cũng đều được sắc phong của triều Tây Sơn, vì đã "giốc lòng vào việc phên giậu" (Sắc phong cho Nguyễn Công Vinh năm Quang Trung thứ 3), là "người có tài lạ ở cõi xa, có uy tín lớn ở biên cõi, từng theo hàng trận có công lao" (Sắc phong cho Nguyễn Công Thực năm Quang Trung thứ 2)v.v...

Cũng ở châu Định Hóa (Thái Nguyên) có một phiên thần tên là Lâm Duy Quân cũng được triều Quang Trung phong thưởng. Đạo sắc phong của Quang Trung năm 1790 có đoạn: "Ngươi là thổ hào chốn núi rừng, là tay cứng nơi biên cõi... Gần đây thấy triều Lê thất ngự (ý nói: hết khả năng trị nước) bèn dâm vó gửi ở chốn rừng xanh, xa trông nước thịnh rồng bay (ý nói triều Tây Sơn), nhà ngươi đã biết hướng về tông xã, đáng gia phong chức phòng ngự thiêm sự, quản lĩnh thổ binh các tổng xã thuộc châu Định Hóa và xã Vô Muộn thuộc huyện Cảm Hóa... Nhà ngươi hãy gắng sức trọn vẹn trước sau, không quên trách nhiệm phên giậu"(40).

Trước năm 1789, khi Tây Sơn kéo ra Bắc tiêu diệt chúa Trịnh, nhất là khi Lê Chiêu Thống phản bội dân tộc chạy sang Trung Hoa cầu viện nhà Thanh, nhân dân các dân tộc vùng biên giới và các thổ mục, phiên thần đã nhiệt liệt hưởng ứng quân

https://tieulun.hopto.org

Tây Sơn.

Năm 1787, phiên mục ở Hưng Hóa là Đinh Công Trịnh sai người vào Thanh Hóa ước hẹn xin hàng Tây Sơn (41). Năm 1788, khi Trịnh Bồng chạy lên Lạng Sơn, nhân dân khắp 7 châu trong xứ dã nổi dậy đánh đuổi. Trịnh Bồng không tìm được chỗ nương thân trong địa bàn Lạng Sơn, buộc phải "chạy về châu Hữu Lũng trấn Kinh Bắc, từ đấy Bồng trốn ẩn trong núi rừng, không biết đi đâu mất" (42).

Khi quân Tây Sơn bắt đầu kéo lên các vùng biên giới phía Bắc, có một số thổ tù, phiên thần bị các lực lượng phản động lôi kéo chống lại Tây Sơn. Đáng chú ý hơn cả là một số phiên thần ở Cao Bằng đi theo Lê Duy Chi và bảo vệ cho mẹ con Lê Chiêu Thống trốn sang Trung Hoa.

Nhưng hành động "rước voi dày mồ" của Lê Chiêu Thống làm cho nhiều phiên thần ở các trấn miền núi phản ứng mạnh mẽ. Một sự phân hóa sâu sắc đã diễn ra trong hàng ngũ các phiên thần, thậm chí trong từng họ phiên thần, mà trường hợp họ Bế-Nguyễn là một ví dụ tiêu biểu: một phái phò Lê Chiêu Thống cầu ngoại viện đánh lại Tây Sơn, một phái khác - lại là phái trưởng tộc - chủ trương ủng hộ Tây Sơn. Bế Nguyễn Tiến, với danh nghĩa trưởng tộc, đã xướng xuất chủ trương này.

Một trong những người tích cực ủng hộ chủ trương của Bế Nguyễn Tiến là Bế Nguyễn Trù. Ông đã cùng cháu ruột là Bế Nguyễn Triều "theo về Tây Sơn, phò vua Quang Trung, đều được phong làm tướng cầm quân đánh giặc Thanh"(43). Có thể kể thêm ba anh em Bế Nguyễn Kiện, Bế Nguyễn Sỹ (44) và Bế

https://tieulun.hopto.org

Nguyễn Phấn. Ba người đã "đứng về phái chống Chiêu Thống, đánh quân nhà Thanh..., được nhiều con cháu trong họ và dân địa phương đi theo, chống nhau với quân Thanh ở Lạng Sơn, Cao Bằng" (45).

Sự phân hóa sâu sắc thành hai phái có chủ trương đối lập nhau trong họ Bế-Nguyễn và sự thắng thế của phái trưởng tộc ủng hộ Tây Sơn phản ánh tinh thần yêu nước và ý chí bảo vệ độc lập của các dân tộc miền núi phía Bắc trước nguy cơ xâm lược của nhà Thanh, nhất là khi Lê Chiêu Thống cam tâm phản bội dân tộc. Thực tế này cũng được phản ánh trong câu trả lời Tôn Sĩ Nghị của đốc đồng Cao Bằng Nguyễn Huy Túc, khi Túc được cử đưa thư của Lê Chiêu Thống sang nhà Thanh cầu viện. Theo *Hậu Lê thời sự kỷ lược*, "tháng 9-1788 vua Thanh sắc dụ Lưỡng Quảng tổng đốc Tôn Sĩ Nghị hỏi lũ Nguyễn Huy Túc về tình hình An Nam. Lũ Huy Túc nói : "Bản quốc Diễn Châu, Hoan Châu và Sơn Nam , Sơn Tây, Hải Dương ... đều không chịu hàng giặc Tây Sơn. Những nơi hàng giặc chỉ có Mục Mã (Cao Bằng) và các quận ở Thái Nguyên, Lạng Sơn".

Quân Thanh tưởng rằng phiên thần, thổ mục và nhân dân các dân tộc vùng biên giới đang sẵn sàng đón đợi chúng, nhưng thực tế đã hoàn toàn trái ngược. Khi Chiêu Thống sai Vũ Trinh và Viết Xuyên hầu (?) đi đón quân Thanh thì "viên Tả Giang binh bị đạo là Dương Hùng Nghiệp (hay Thang Hùng Nghiệp) vặn hỏi tự hoàng : tại sao quan quân vượt bờ cõi mà nghĩa binh và các hào mục không thấy đến trước cửa quân để trổ sức lập công ?" *(Lê quý kỷ sự)*

https://tieulun.hopto.org

Qua cuộc đấu tranh của các dân tộc miền núi bảo vệ vùng biên cương phía Bắc trong thế kỷ XVII-XVIII, chúng tôi muốn rút ra vài kết luận sơ bộ như sau :

1. Âm mưu của các thế lực phong kiến phương Bắc đối với nước ta không chỉ thể hiện tập trung trong các cuộc chiến tranh xâm lược, mà còn thể hiện gần như thường xuyên bằng hàng loạt hoạt động xâm phạm lãnh thổ, chủ quyền nước ta dọc vùng biên giới. Lịch sử đấu tranh của dân tộc Việt Nam chống ngoại xâm từ phương Bắc phải bao gồm cả cuộc đấu tranh chống lại những hoạt động này của phong kiến phương Bắc.

2. Trong thế kỷ XVII-XVIII, do sự nhu nhược và bất lực của chính quyền Lê- Trịnh, nhà Minh rồi nhà Thanh đã xâm lấn một dải đất vùng biên cương lớn rộng của nước ta. Trách nhiệm đó thuộc về nhà nước quân chủ Lê-Trịnh, mà trước hết là chúa Trịnh, kẻ thực sự cầm quyền ở nước ta lúc bấy giờ.

3. Trong lúc đó, các dân tộc miền núi phía Bắc, bằng nhiều phương thức và biện pháp khác nhau, đã đấu tranh kiên quyết và bền bỉ chống lại mọi âm mưu và hoạt động của quân địch. Đặt trong bối cảnh bất lực của chính quyền Lê-Trịnh, cuộc đấu tranh này giữ vai trò hết sức quan trọng, có khi là quyết định, ngăn chặn bàn tay lấn cướp, can thiệp của ngoại bang, bảo vệ vùng biên cương Tổ Quốc.

4. Cuộc đấu tranh đó có sự tham gia của nhiều dân tộc và của các phiên thần, thổ mục. Một điều đáng chú ý là trong cuộc đấu tranh này có vai trò tổ chức, liên kết rất quan trọng của một số dòng họ người Kinh đã chung sống lâu đời với các dân tộc

https://tieulun.hopto.org

miền núi, có những người gần như hoàn toàn hòa hợp với các dân tộc địa phương. Đó là các họ Nguyễn-Khắc ở Lạng Sơn, Bế-Nguyễn ở Cao Bằng, Nguyễn-Công ở Thái Nguyên, Nguyễn-Địch ở Sơn Tây, Hưng Hóa...

Với ý thức dân tộc sâu sắc và khả năng vận động, tổ chức cao, nhiều thủ lĩnh của những dòng họ này đã phát huy được chức năng liên kết các dân tộc, tập hợp lực lượng và tổ chức cuộc đấu tranh. Ở các thế kỷ XVII-XVIII, thế lực của những dòng họ này bao trùm cả vùng biên thùy rộng lớn từ Hưng Hóa đến Lạng Sơn mà trong nhiều trường hợp chính quyền Lê-Trịnh cũng phải dựa vào. (46).

---

(1) Ngô Thời Nhậm - *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* - NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội. 1978. tr.101-102.

(2) Nhân đây, chúng tôi xin chân thành cám ơn Chính quyền và Đảng bộ địa phương, bà con các dân tộc, nhất là các đồng chí Bế Du và Nguyễn Địch Cương đã giúp đỡ chúng tôi rất nhiều trong việc nghiên cứu gia phả và các tư liệu khác của dòng họ.

(3)(4)(5) *Đại Việt sử ký toàn thư* - NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1968, t.IV, tr.204,222,223.

(6) Nguyễn Đức Cung - *Cao Bằng thực lục* (Soạn năm 1810) - Bản dịch của Viện Sử học.

(7) Nguyễn Đức Cung - Sách đã dẫn.

(8) *Đại Việt sử ký toàn thư* - Sách đã dẫn. t.IV, tr.207.

(9) Theo *Đại Nam nhất thống chí*, họ Nguyễn-Khắc ở Lạng Sơn "nguyên quán ở huyện Thiên Lộc, tỉnh Nghệ An, thủy tổ là Nguyễn

https://tieulun.hopto.org

Công Các làm đại tư mã đời Lê, có công giúp Thái Tổ đánh quân Minh, được bổ làm quan tại Lạng Sơn, ở xã Cấm Sơn, huyện Thất Khê, nối đời quản lãnh binh dân". Nhiều người trong họ Nguyễn-Khắc "có công đánh giặc họ Mạc, được ban ấn tín công thần và được thế tập... Nguyễn Khắc Trương được tập phong tham đốc, kiêm quản binh dân trong 7 châu, Khắc Tùng làm Đô tổng binh sứ, Khắc Điện làm Phòng ngự sứ" v.v... (NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, t.IV, tr.378).

(10)(11) *Gia phả họ Nguyễn ở Vụ Cầu* do Nguyễn Địch Cương cung cấp. Xã Vụ Cầu trước thuộc huyện Hạ Hòa, nay thuộc huyện Sông Lô tỉnh Vĩnh Phú, cách ga Vũ Ển ngót 1km.

(12) Theo *Đại Việt thông sử*, năm 1958 "Mạc Kính Dụng bị thua ở Thái Nguyên, chạy về An Bắc ở phía đông. Y lập mưu dụ dỗ giết thổ quan là Phú Lương hầu để cướp lấy đất, nhưng Phú Lương hầu biết ý bèn sai vợ ra đón, xin hàng, lấy lời ngon ngọt khuyên Kính Dụng để đồ đảng ở ngoài cửa, chỉ đem vài chục người đi theo vào trong thôn, Kính Dụng mừng làm theo. Phú Lương hầu ra đón, khuyên Kính Dụng vào trong hang núi để nuôi dưỡng nhuệ khí và đợi thời, để bọn tay chân ở ngoài thôn cho tiện cung cấp. Kính Dụng cũng tin theo, đem 5,6 thủ hạ vào trong hang núi. Phú lương hầu bí mật giết hơn 40 người tay chân thân tín của Kính Dụng và ngầm sai người chạy về Kinh đô tố cáo ..." (*Lê Qúy Đôn toàn tập* - Tp III. tr.374).

(13) *Gia phả Bế-Nguyễn* do Bế Dụ cung cấp.

(14) Nguyễn Tông Thái hưởng lộc thuế ở Phú Lương nên nhân dân vùng Thái Nguyên quen gọi là "Phú Lương hầu", hoặc nhân dân vùng Cao Bằng lại gọi là "Phú Lương quân".

(15)(16) *Gia phả Bế-Nguyễn*, đã dẫn. Về Nguyễn Tú Lâm, trong dân gian vùng Cao Bằng còn lưu truyền câu chuyện "Trâu trắng và Thiên táng" với nhiều chi tiết hư cấu, ghi lại sự tích đánh Mạc và hy sinh anh dũng của Nguyễn Tú Lâm.

(17) *Cao Bình* là kinh sư của họ Mạc, ở địa phận xã Vu Tuyền (hay Vu Thủy) nay là thôn Hồng Quang, xã Hưng Đạo, huyện Hòa An, Cao Bằng.

https://tieulun.hopto.org

(18) Nguyễn Đình Kế bấy giờ làm đốc trấn Lạng Sơn, "lấy công khố giúp cho [Công Lượng] tiền bạc, khí giới, lương thực, cùng nhau chiêu mộ hào kiệt, huấn luyện quân binh, củng cố các xã Bình Quân (châu Thất Tuyền) Bác Khê, Tĩnh Đà, Phó Bác, Nội Chiếm, Lâm Xuyên, Thượng Pha, Hạ Pha (châu Thạch Lâm), chờ phối hợp với đội quân của triều đình tiêu diệt họ Mạc" (*Gia phả Bế-Nguyễn*).

(19) Bốn châu của Cao Bằng là Thạch Lâm, Quảng Uyên, Thượng Lang, Hạ Lang.

(20) Trong số những phiên thần thuộc họ Bế-Nguyễn có công đánh dẹp họ Mạc còn có thể kể thêm vài nhân vật khác như Bế Công Quỳnh, Bế Nguyễn Thành, Bế Công Phụ v.v...Điểm nổi bật trong công lao của họ là "đã uy phục được người xa..., liệu giặc mà đặt kỳ mưu" (Sắc phong của vua Lê cho Bế Công Quỳnh năm 1692), "đã thống suất quân dân bản bộ ... đánh dẹp những địa phương thuộc bản hạt, trải qua 50 trận, đánh đâu được đấy, bảo toàn lãnh thổ Cao Bằng, thu hồi cõi đất cũ... phá tan sào huyệt giặc" (Sắc phong của vua Lê cho Bế Nguyễn Thành năm 1746)v.v...

(21) Ngô Cao Lãng - *Lịch triều tạp kỷ* - NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1975, t.I, tr.130.

(22)(23) *Đại Nam nhất thống chí* - Sách đã dẫn,t.IV

(24) *Lịch triều tạp kỷ* - Sách đã dẫn, t.II, tr 17 v 74.

(25) Lê Qúy Đôn - *Toàn tập* - Sách đã dẫn, t.II, tr.344.

(26)(27) *Gia phả Bế-Nguyễn*, đã dẫn.

(28)(29)(30) *Gia phả Bế-Nguyễn*, đã dẫn.

(31) Trích dẫn *Tờ truyền* của chúa Trịnh năm 1742 và *Sắc phong* của vua Lê năm 1793 (Tư liệu của Bế Du).

(32) Năm 1691, chúa Trịnh phải "ra lệnh cho thú thần các xứ Tuyên Quang, Hưng Hóa chiêu tập dân xiêu giạt ở hai châu Văn Bàn, Thủy Vỹ" (*Lịch triều tạp kỷ*, Sách đã dẫn, t.1, tr.129).

Năm 1726, chính quyền Trịnh ra lệnh "giảm nhẹ phú dịch cho xứ Cao Bằng", vì "Cao Bằng là nơi biên giới phải gánh vác phú dịch phiền nhiễu, nặng nề; các phiên thần những khi vào kinh lại đem

https://tieulun.hopto.org

những nỗi đau khổ của dân mà kể lể..." (*Sách đã dẫn*, t.II, tr.125).

(33) *Lịch triều tạp kỷ* - Sách đã dẫn, t.I, tr.201.

(34) Hiện tượng này được nhắc đến nhiều lần trong các tài liệu thư tịch. Ví như năm 1715, đốc trấn Cao Bằng là Lê Khắc Thuần bị triệu về kinh vì "khu xử sai trái đường lối" khiến người trong châu tên là Uyên Hiệp "khua động người Man âm mưu nổi loạn", hoặc năm 1725, lưu thủ Tuyên Quang là Trịnh Kính "khi tại chức tham ô và tà dâm, bị dân tố cáo" (*Lịch triều tạp kỷ* - Sách đã dẫn, t.I, tr.225 v t.II, tr.96). Năm 1734, trấn thủ Cao Bằng là Lê Vỹ "chính sự khắc bạc, dao động dân tình", hoặc năm 1768 đốc trấn Cao Bằng là Nguyễn Trọng Hoành "bóc xén của dân, dân các châu đến kinh tố cáo..." (*Hậu Lê thời sự kỷ lược*, Q.I, Tài liệu đã dẫn)

(35) *Lịch triều tạp kỷ* - Sách đã dẫn, t.I. tr.209.

(36) *Hậu Lê thời sự kỷ lược* - Q.I, đã dẫn.

(37) Tổ tiên họ Nguyễn-Công vốn ở thôn Hoàn Hậu, xã Thanh Viên, tổng Gia Miêu, huyện Tống Sơn (Thanh Hóa). Bản sao các sắc phong do cụ Nguyễn Công Khách, nguyên Chủ tịch Mặt trận Liên Việt huyện Phú Lương (Thái Nguyên) cung cấp.

(38)(39) Sắc phong năm Thái Đức thứ 10(1788) và năm Quang Trung thứ 2 (1789).

(40) Bản sao các sắc phong, đã dẫn.

(41) *Lê quý kỷ sự*. Sách đã dẫn, tr.79.

(42) *Hậu Lê thời sự kỷ lược*, Q.III, đã dẫn.

(43)(44) *Gia phả Bế-Nguyễn*, đã dẫn.

(45) Bế Nguyễn Kiện là cha đẻ của Nguyễn Hữu Khôi, tức Lê Văn Khôi, người khởi xướng cuộc nổi dậy ở Gia Định năm 1833. Xin tham khảo : Nguyễn Phan Quang - *Cuộc khởi binh Lê Văn Khôi ở Gia Định 1833-1835* - NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1991. Bế Nguyễn Sỹ về sau là một yếu nhân trong khởi nghĩa Nông Văn Vân ở Việt Bắc.

(46) Viết chung với Phan Huy Lê. *Tạp chí Dân tộc học*, số 4-1979 và số 1-1980 (Trích Phần II).

https://tieulun.hopto.org

"CỞI TRÓI" VÀ "MỞ CỬA" NHỮNG NHU CẦU BỨC XÚC CỦA XÃ HỘI VIỆT NAM TỪ THỜI ĐẠI QUANG TRUNG

Tôi không có ý định "hiện đại hóa" lịch sử, càng không định sử dụng những từ ngữ hôm nay để gán ghép một cách khiên cưỡng, tùy tiện vào xã hội Việt Nam thời Tây Sơn. Nhưng tôi vẫn cứ nghĩ rằng: muộn nhất là từ 200 năm trước đây, vấn đề "cởi trói" và "mở cửa" đã từng là những nhu cầu vừa bức xúc vừa tất yếu nhằm giải quyết hiện thực nghèo nàn lạc hậu của đất nước.

Cho đến thế kỷ XV, cấu trúc chính trị của Việt Nam là một Nhà nước quân chủ tập quyền kiểu phương Đông, với nền tảng của nó là quyền sở hữu tối cao của nhà vua về ruộng đất trong cả nước. Cấu trúc đó phát triển đến đỉnh cao ở thời Lê Thánh Tông với chế độ "quân điền" hoàn chỉnh, qua đó nhà nước quản lý chặt chẽ đông đảo nông dân, trói buộc họ vào mảnh ruộng khẩu phần để bảo đảm mọi nhu cầu tô thuế, lao dịch, binh dịch ... cho Nhà nước quân chủ.

https://tieulun.hopto.org

Nhưng cũng từ thế kỷ XV, nhu cầu giao lưu trao đổi trong xã hội ngày càng phát triển mạnh, và đây là một nhu cầu khách quan có tính quy luật, là sự vận động "tự thân" của xã hội, phản ánh xu thế phát triển tất yếu của lịch sử. Xu thế đó tác động vào người nông dân đang bị xiết chặt trong cơ chế "sở hữu ruộng đất lớn". Họ bắt đầu có nhu cầu "bung ra" để trở thành người sản xuất hàng hóa, để tham gia vào luồng giao lưu, trao đổi bằng những sản phẩm của họ. Nhưng điều này lại trở thành nguy cơ đối với nhà nước đang cố sức duy trì nền thống trị trên cơ chế cũ.

Nếu như trong buổi đầu, các triều đại đề ra quốc sách "trọng nông" chủ yếu để xác lập nghĩa vụ của người "nông dân nộp tô" đối với vua, thì từ cuối thế kỷ XV trở đi, để đối phó với yêu cầu "bung ra" của nông dân, chính sách "trọng nông" ngày càng nổi rõ dụng ý của Nhà nước quân chủ muốn buộc chặt người nông dân vào ruộng đất làng xã, không muốn họ vượt ra khỏi tầm quản lý của mình, không muốn họ tham gia vào luồng kinh tế hàng hóa đầy sinh lực, đầy hấp dẫn đang mời gọi họ. Chính sách "ức thương" lần đầu tiên xuất hiện như một quốc sách ở thời Lê Thánh Tông là xuất phát từ thực tế đó (1).

Dù bị nhà nước mỉa mai, thậm chí lên án, thì xu thế phát triển kinh tế hàng hóa vẫn không thể đảo ngược, nó như mạch nước tuôn trào, càng ngăn chặn thì càng bức bối. Sự suy thoái của cơ chế quân chủ tập quyền Việt Nam ở các thế kỷ XVI, XVII và gần trọn thế kỷ XVIII tuy cần được giải thích bằng nhiều nguyên nhân, nhưng điều cốt lõi, theo tôi, là sự phản ánh cuộc

https://tieulun.hopto.org

giằng co ngày một quyết liệt giữa một bên là những tập đoàn thống trị (Mạc, Trịnh, Nguyễn), tuy đối địch nhau và tiêu diệt nhau nhưng lại giống nhau ở một điểm là đều muốn cột chặt người nông dân vào chính sách "quân điền" đã lỗi thời, và một bên là quần chúng nông dân không chấp nhận kiểu "quân điền" chết đói. Họ muốn lột xác, họ muốn trút bỏ thân phận người "nông nô" kiểu phương Đông đang sống dở chết dở trên từng mảnh ruộng khẩu phần manh mún và xương xẩu để trở thành người nông dân sản xuất hàng hóa.

Xu thế thời đại mới đồng thời cũng thay đổi tâm lý của họ. Nhà nước quân chủ trải qua nhiều thế kỷ ra sức áp đặt vào tim óc người nông dân thứ đạo lý "sống ở làng, chết ở làng" và răn dạy họ rằng: điều bất hạnh nhất đối với con người ta là lìa bỏ quê hương bản quán đi làm ăn rồi chết bỏ xác nơi "đất khách quê người". Theo "đạo lý" đó, dù cho "của cải chật nhà" như mấy tay lái buôn thì thân phận họ cũng là thân phận kẻ "ngụ cư". Và cái chết của kẻ "ngụ cư" ở đất người (nghĩa là không phải ở làng mình) là một nỗi nhục lớn mà con cháu họ phải tiếp tục gánh chịu. Nhưng từ thế kỷ XVI, XVII xuất hiện một tâm lý mới: sống ở đời đâu phải là chết dí sau lũy tre xanh. Sống là phải làm giàu, mình có giàu thì xã hội mới giàu. Mà muốn giàu thì phải làm ra nhiều sản phẩm tham gia vào luồng giao lưu hàng hóa, nghĩa là phải đi buôn, phải xuôi ngược, ra Bắc vào Nam. Hơn thế còn phải vươn ra thế giới bên ngoài mà làm ăn chứ không phải "bế quan tỏa cảng". Phải "làm trai cho đáng nên trai, Phú Xuân đã trải, Đồng Nai đã từng", và hơn thế, còn phải thông thương

https://tieulun.hopto.org

với láng giềng, với vạn quốc.

Rõ ràng "cởi trói" và "mở cửa" đã trở thành những yêu cầu bức xúc của xã hội Việt Nam từ cuối thế kỷ XVI, càng bức xúc khi chủ nghĩa tư bản thực dân phương Tây liên tục gõ cửa, giành nhau ưu thế thị trường trên bán đảo Đông Dương để chuẩn bị cho những mưu tính lâu dài của họ.

QUANG TRUNG NGUYỄN HUỆ, sản phẩm chân chính của thời đại, tinh hoa trí tuệ của các thế hệ Việt Nam hồi cuối thế kỷ XVIII đã ý thức được những yêu cầu bức xúc đó của lịch sử. Sau khi lãnh đạo cả dân tộc đại phá ngót 30 vạn quân xâm lược nhà Thanh, Quang Trung bắt tay ngay vào công việc tái thiết đất nước theo những phương hướng mới.

Trước hết, Quang Trung hiểu rõ: phải nỗ lực tranh thủ thời gian sau chiến thắng để tập hợp lực lượng và trí tuệ của toàn dân vào công cuộc kiến quốc. Những đoạn sau đây trong tờ "Chiếu cầu hiền" phản ánh sắc nét nỗi lo toan trăn trở của Quang Trung: "Nay cuộc đại định mới ở bước đầu, mọi việc còn dương mới mẽ, ràng mối nhà vua có nhiều thiếu sót, việc biên cương cũng ở chỗ dùng đằng chưa ổn định, đức hóa nhà vua chưa được thấm khắp. Trẫm chăm chăm chú chú ngày này qua ngày khác, hàng vạn công việc phải quan tâm. Trẫm nghĩ rằng: một cây không chống

https://tieulun.hopto.org

nổi tòa nhà to, mưu lược một kẻ sĩ không thể làm nên cuộc thái bình..."

Ý thức được nỗi đau của dân tộc mình thông minh quật cường là thế, mà phải sống tủi nhục trong cảnh đói nghèo, Quang Trung quyết không trở lại vết xe cũ khi ông hoạch định đường lối dựng nước.

Đối với nông dân và ruộng đất, cho đến nay những người nghiên cứu đều nhận thấy một sự thực là: trong ngót 4 năm ở ngôi (1789-1792), khi hàng loạt chính sách cải cách lần lượt được ban hành, thì về vấn đề ruộng đất hình như Quang Trung không chủ trương quay trở lại chế độ "quân điền" đã quá lỗi thời của các triều đại trước kia. Sau khi lên ngôi, Quang Trung chỉ mới xuống "Chiếu khuyến nông" nhằm khắc phục nhanh chóng nạn lưu vong và tình trạng ruộng đất bỏ hoang sau hàng thế kỷ loạn lạc kéo dài. Và nội dung "Chiếu khuyến nông" như chính tên gọi của tờ chiếu, chưa bao hàm một chính sách "phân định điền sản" với đúng nghĩa của nó.

Vậy thì phải chăng Quang Trung không có ý định trói buộc người nông dân một lần nữa vào cơ chế ruộng đất làng xã kiểu cũ? Và phải chăng do những hạn chế khách quan và chủ quan chưa thể khắc phục ngay một lúc, Quang Trung cũng không thể táo bạo đến liều lĩnh đề ra chính sách ruộng đất mới một khi chưa hội đủ những điều kiện hiện thực bảo đảm hiệu quả ? Chúng ta có cơ sở để suy đoán như vậy, vì thông thường một triều đại vừa mới thiết lập, thì việc trước hết là ban hành quy chế phân chia ruộng đất cho các loại thần dân. Quang Trung có ngót

https://tieulun.hopto.org

4 năm ở ngôi, nghĩa là có đủ thời gian để thực hiện "quân điền" nếu Quang Trung muốn... Nhưng các nguồn tư liệu hiện có không cho thấy Quang Trung "đã ban hành chính sách quân điền" như một vài người viết sử ghi bừa như vậy.

Nếu như những biện pháp "cởi trói" cụ thể hơn của Quang Trung đối với nông dân chưa được lịch sử ghi lại (hoặc chưa phát hiện được tư liệu mới?), thì những biện pháp nhằm đẩy mạnh giao lưu, phát triển kinh tế hàng hóa, "mở cửa" đất nước... lại đã được phản ánh đậm nét trong nhiều nguồn tư liệu, thể hiện rõ chủ trương xóa bỏ hẳn chính sách "ức thương" và "bế quan tỏa cảng". Nhờ vậy, chỉ trong vòng vài ba năm sau chiến thắng ngoại xâm, hoạt động công thương nghiệp trong nước đã khởi sắc, nhất là ở Thăng Long. Về mặt ngoại thương, Quang Trung chủ động tái lập quan hệ thông thương với Trung Hoa, trước mắt là tạo điều kiện cho nhân dân hai nước vùng biên giới được qua lại buôn bán bình thường.

Tuy rằng sau thất bại của Tôn Sĩ Nghị, vua nhà Thanh càng ngăn cấm nghiêm ngặt việc buôn bán ở biên giới, nhưng Quang Trung đã yêu cầu nhà Thanh "mở cửa ải, thông chợ búa, khiến cho hàng hóa không ngưng động, để làm lợi cho sự tiêu dùng của dân". Cuối cùng nhà Thanh buộc phải đồng ý cho nhân dân hai nước được qua lại buôn bán ở một số cửa ải dọc biên giới. Chủ động hơn nữa, năm 1790 Quang Trung lại đề nghị nhà Thanh cho lập một cửa hàng của ta ở Nam Ninh (Quảng Tây) làm cơ quan giới thiệu, trao đổi hàng hóa giữa hai nước.

Như cách nói ngày nay, rõ ràng "tư duy kinh tế" của thế hệ

https://tieulun.hopto.org

Quang Trung đã được đổi mới mạnh mẽ và đã làm chuyển biến sâu sắc những trí thức vốn được nhào nặn bằng học thuyết Tống Nho.

Chọn đúng hướng đi phù hợp với thời đại và hoài bảo của dân tộc, những trí thức này bắt đầu tự giác "kiểm tra lại" những nhận thức giáo điều, xơ cứng về các vấn đề kinh tế-xã hội và về vai trò của công thương nghiệp nói riêng.

Ta hãy nghe Ngô Thời Nhiệm phát biểu quan điểm "đổi mới" của mình. Trong một bài phú nhan đề "Làm hay đi", Ngô Thời Nhiệm viết: "Vậy thì ta nên làm gì?... Mưa thuận thời, ruộng đồng dào dạt, chỉ một cái cày là xong nghìn khoảnh ruộng;

Gió hòa thổi, sóng biển êm đềm, chỉ một cánh buồm là hàng chở đầy thuyền;

Gỗ lạt đã sẵn, gọi thợ đến, rìu búa giơ lên thành xà thành cột;

Việc nên làm, đó là việc nông công thương, há nhà nho ta không nghĩ đến hay sao?"

Để đáp ứng "tư duy kinh tế mới", việc đào tạo kịp thời một thế hệ mới vượt ra khỏi lối học từ chương khuôn sáo, nhạy bén với thời cuộc và có năng lực thực sự là điều không thể thiếu được. Nhiều trí thức, kể cả cụ già Nguyễn Thiếp ngót 70 tuổi đã tỏ ra rất tâm đắc với đường lối giáo dục của ông vua trẻ Quang Trung mới 36 tuổi đời. Trong một bài tấu gởi Quang Trung năm 1791, Nguyễn Thiếp viết: "Nước Việt ta từ khi lập quốc đến bây giờ, chính học lâu ngày đã mất đi. Người ta chỉ tranh nhau đua tập

https://tieulun.hopto.org

việc học từ chương cầu lợi... Chúa tầm thường, tôi nịnh hót, quốc phá gia vong, những tệ kia đều ở đó mà ra". Theo Nguyễn Thiếp, phương pháp học tập là "phải tuần tự mà tiến, đọc cho kỹ mà ngẫm nghĩ cho tinh..., học cho rộng rồi ước lược cho gọn, theo điều học biết mà làm, họa may nhân tài mới có thể thành tựu, nước nhà nhờ đó mà vững yên".

Vậy là trong xu thế "đổi mới tư duy" của thời đại Quang Trung có sự đóng góp của nhiều lứa tuổi khác nhau, nhiều nguồn gốc xã hội khác nhau, trong đó có những trí thức quan lại thời Lê, Trịnh, Nguyễn.

Tại sao có tình hình thú vị đó ? Phải chăng khi đến với Quang Trung, những người như Nguyễn Thiếp, Ngô Thời Nhiệm, Phan Huy Ích...hiểu rất rõ rằng Quang Trung là một ông vua thật lòng muốn đất nước đổi thay, thực sự trăn trở trước số phận dân tộc, chứ không phải tùy tiện nhân danh đất nước, nhân danh dân tộc để thu vén ngai vàng của mình. Cho nên khi hòa nhập vào thế hệ Quang Trung, họ chỉ mang theo mình mỗi một hành trang: đó là tấm lòng yêu nước trong sáng, sự đồng cảm với nhân dân sống tủi nhục trong đói nghèo và niềm tin vững chắc ở tiềm năng của dân tộc. Nơi gương Quang Trung, họ khiêm tốn khi nghĩ về cống hiến của họ và chung thủy với lẽ sống họ đã lựa chọn. Đòn thù mà Ngô Thời Nhiệm phải trả giá ở Văn Miếu cũng như thái độ trọn vẹn của Nguyễn Thiếp đối với Quang Trung đều nói lên điều đó.

Tiếc rằng do những hoàn cảnh trớ trêu hồi cuối thế kỷ XVIII, các thế hệ Việt Nam thời đại Quang Trung chưa hoàn tất

https://tieulun.hopto.org

được sứ mạng của mình trước những nhu cầu bức xúc của lịch sử. Tuy nhiên, những cố gắng của các thế hệ thời Quang Trung không phải là vô ích. Ít nhất là với những chính sách mạnh bạo, phù hợp xu thế lịch sử, Quang Trung đã hé mở lối thoát cho xã hội. Nhưng từ chỗ "hé mở" đến "mở hẳn" rồi "mở toang" thì không phải là công việc của một đời vua. Cống hiến của thế hệ Quang Trung chủ yếu là *tạo thế bản lề cho lịch sử sang trang.*

Cái chết đột ngột của Quang Trung khi chưa tròn 40 tuổi, đúng vào thời điểm lịch sử bức xúc ấy dương nhiên là một tổn thất to lớn không gì bù đắp được. Nhưng giả thiết rằng Quang Trung còn sống thêm mười, mười lăm năm nữa, thì điều mà hậu thế có thể hy vọng là: cánh cửa tạo lối thoát cho đất nước vừa được hé mở có nhiều khả năng không thể bị đóng sập trở lại. Và chỉ bấy nhiêu thôi thì tổ tiên ta thời Quang Trung cũng đã vĩ đại lắm rồi.

Vì rằng: chỉ cần đạt được như vậy thì cục diện xã hội sẽ thông thoáng, và các thế hệ kế tiếp sẽ mở rộng thêm cánh cửa cho tiềm lực dân tộc được bồi đắp, cho những khả năng thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu dần dần trở thành hiện thực, và đó cũng chính là những điều kiện cơ bản để ứng phó với nguy cơ ngoại xâm mới(2).

(1) Để biện minh cho chính sách "ức thương", nhà nước thời Lê Thánh Tông đã khoác cho anh lái buôn một hình thù thật tồi tệ. Trong ***Thập giới cô***

https://tieulun.hopto.org

bản quốc ngữ viết, vua Lê Thánh Tông mở lời khuyên nhủ một tù nguời tham lam, hám lợi, dâng lên lường tâm:

"Của cải đem về để chật nhà
Lòng mẹ lo toan thương vật vã
Lưỡi lắm khéo lèo thuyết vật lanh.
Chữ phi nghĩa kíp mau khấp mặt
Lòng bất nhân truyền để làm em.
Lửa hiểm họ xem như cỏ rác
Người ta lại làm thân người in..."

Vì khi sống đã gian tham làm thì tệ như vậy, nên khi chết xuống âm phủ, Diêm vương lại cũng lo phải đi tu mới:

"Sống lợi chẳng ăn bỏ đâu đi
Thác cho phải xin đi xin uống!"

(2) Tham luận tại Hội thảo khoa học Kỷ niệm 300 năm Trấn thủ dinh Trấn Biên Đồng Nai (1689-1989) do Ban Khoa học Xã hội Thành ủy TP. Hồ Chí Minh chủ trì.

https://tieulun.hopto.org

TRIỀU NGUYỄN VÀ XÃ HỘI VIỆT NAM THẾ KỶ XIX.

I. CUỘC TRANH LUẬN HƠN THẾ KỶ

Hơn một thế kỷ nay (nếu chỉ tính từ khi vua Tự Đức qua đời) ở trong nước cũng như ở nước ngoài, người ta đã viết nhiều, tranh luận nhiều và có những cách nhìn khác nhau về chân dung đích thực của triều Nguyễn và xã hội Việt Nam thế kỷ XIX. Nói chung có 3 loại ý kiến:

- Loại thứ nhất đánh giá cao công lao khôi phục lãnh thổ thống nhất của triều Nguyễn, công lao xây dựng đất nước trên mọi lãnh vực kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao, văn hóa...

Việt Nam thời Nguyễn là một xã hội ổn định và phát triển, cương giới lãnh thổ được giữ vững, an ninh chính trị được bảo đảm.

- Loại thứ hai phê phán các vua Nguyễn thực hiện những chính sách cai trị lỗi thời, cố chấp, cạn hẹp, làm cho xã hội trì trệ, tiềm lực dân tộc hao mòn.

https://tieulun.hopto.org

- Loại thứ ba băn khoăn khi đối chiếu hai mặt ổn định và rối loạn của xã hội thời Nguyễn, lưỡng lự khi đánh giá những cố gắng của các vua Nguyễn và hiệu quả thực tế đối với đất nước, tóm lại là chưa xác định được rõ nét triều Nguyễn đã thúc đẩy sự phát triển xã hội hay đã kìm hãm nó trước xu thế thời đại.

Chúng tôi xin phép thử lướt qua các loại ý kiến nói trên, hy vọng rút ra điều gì bổ ích để tiếp cận hơn với chân dung đích thực của Việt Nam thế kỷ XIX (1).

1. Về các vua Nguyễn:

Nhiều ý kiến cho rằng vua Gia Long (và Nguyễn Ánh trước đó) là một con người tài ba, kiên trì, rất biết dùng người.

Phải ghi nhận công lao của các vua Gia Long, Minh Mạng trong sự nghiệp dựng nước, mở rộng cương vực.

"Không một người Việt Nam nào thành thật yêu nước mà lại không coi Gia Long như một Henri IV đối với người Pháp hay một Jefferson đối với người Mỹ"(2). Gia Long "là một con người không biết mệt mỏi chán nản, rất điềm tĩnh và mẫu mực"(3), "là một nhà cai trị lỗi lạc"(4).

Vua Minh Mạng là ông vua hết sức thông minh, có lý luận, chỉ hơi nặng tư tưởng bành trướng, là một nhà tổ chức chính quyền xuất sắc, "một con người hoạt bát, đầy uy quyền và độc đoán"(5), "lên cầm quyền mới có 28 tuổi rưỡi, sức khoẻ không dồi dào, nét mặt lạnh lùng, nhưng nhà vua thông minh, cương quyết và rất tận tâm với nước với dân"(6).

Còn vua Tự Đức là một vị hoàng đế lỗi lạc. Với cặp mắt

https://tieulun.hopto.org

sâu thẳm và phong cách đặc sắc, "Tự Đức làm cho chúng ta liên tưởng đến một mẫu người Ai Cập cổ đại"(7). Đặc biệt Tự Đức có cống hiến to lớn vào nền văn hóa dân tộc, "tạo nên quốc hồn quốc túy Việt Nam thế kỷ XIX", góp công đầu hình thành nền "văn hóa Phú Xuân" mà dấu ấn của nó còn đậm nét trong văn hóa Nam Bộ ngày nay. Rất nhiều di tích lịch sử, đền chùa đã được trùng tu, tôn tạo dưới các triều vua Nguyễn và triều Tự Đức nói riêng.

Ngược lại, có những ý kiến cho rằng triều Gia Long "không phải là một triều đại của sự ổn định, thái bình và cần lao..., thực ra Gia Long đã bị ngập trong những biến cố"(8). Còn như dưới triều Minh Mạng, "nhà vua với bàn tay sắt, đã biết dập tan mọi sự chống đối, dập tắt mọi sự bất phục, và hình như dân An Nam đang sống trong thái bình, nhưng là một kiểu thái bình nơm nớp lo sợ những cuộc đàn áp của vị hoàng đế tàn bạo hơn là sự yên tĩnh thực sự"(9).

2. Về chính sách cai trị :

Đánh giá cao nền thống trị của triều Nguyễn, có những tác giả cho rằng : dưới triều Gia Long, Việt Nam trở thành một nước cường đại, từ xưa tới nay chưa bao giờ từng thấy (10). Nhìn chung, suốt một thời kỳ dài (1802-1884), triều Nguyễn đã có công lao to lớn đối với lịch sử dân tộc.

Nhiều người nghiên cứu đặc biệt nhấn mạnh chính sách khẩn hoang của các vua Nguyễn, khẳng định ý nghĩa to lớn cũng như hiệu quả xuất sắc của nó. Đặc biệt bộ luật Gia Long là một

https://tieulun.hopto.org

bộ luật tiến bộ, có tính độc lập cao, thể hiện nhưng nỗ lực của triều Nguyễn nhằm giải quyết những vấn đề của nội bộ xã hội Việt Nam dương thời. Luật Gia Long phản ánh những nhân tố tư bản chủ nghĩa; nếu bộ luật có tác động hiệu quả hơn đối với xã hội thì những nhân tố này sẽ phát triển rất mạnh mẽ.

Có nhận xét khái quát hơn : "Ở giữa thế kỷ XIX, xã hội Việt Nam đã tiến đến một thế quân bình.... đạt đến một nền dân chủ tối đa trong một chế độ chuyên chế tuyệt đối", và "bộ máy quan lại xuất thân khoa cử của triều Nguyễn là một mẫu chính quyền mà biết bao triết gia phương Tây của thế kỷ XVIII, XIX hằng mơ ước"(11).

Nhưng lại có những ý kiến coi bộ luật Gia Long hầu như chỉ là một bản sao chép bộ luật nhà Thanh, và xét về tính chất thì "chưa có bộ luật nào phản dân chủ như bộ luật Gia Long, nó không mang lại chút vinh dự nào cho nền pháp chế Việt Nam mà chỉ là dụng cụ cho một chính sách chuyên chế"(12).

Riêng về mặt văn hóa, nhiều ý kiến khẳng định: triều Nguyễn đã để lại cho lịch sử một di sản văn hóa khổng lồ. Riêng số lượng sách được viết ra trong 2/3 thế kỷ XIX nhiều hơn sách của 300 trăm năm trước cộng lại.

Gần đây, có nhà sử học Pháp - Philippe Langlet - lại cho rằng các vua Nguyễn đã " xây dựng nền văn hóa chính thống trên cơ sở ý thức hệ Khổng giáo rập khuôn Trung Hoa, thiếu hẳn bản sắc dân tộc". Cho nên,"văn hóa chính thống của triều Nguyễn chưa ăn nhập bao nhiêu với tính kế thừa lịch sử dân tộc"(13).

https://tieulun.hopto.org

Như vậy thì phải chăng nên có sự phân biệt *về tính chất* giữa văn hóa chính thống với văn hóa dân gian và với di sản văn hóa dân tộc nói chung ?

3. Về cục diện xã hội thời Nguyễn :

Theo nhiều ý kiến, với triều Nguyễn "lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, chế độ quân chủ chuyên chế phát triển đến độ cực thịnh về toàn diện", "an ninh trật tự đã được văn hồi trên khắp lãnh thổ", "đại đa số dân chúng đã công nhận nhà Nguyễn..., một thế hệ mới đang lên với lý tưởng hào hùng của kẻ làm trai đã gắn liền sự nghiệp của mình với vinh quang của triều Nguyễn"(14). Và "nước ta từ thời Minh Mạng qua Thiệu Trị đến mấy năm đầu triều Tự Đức là giai đoạn tương đối yên trị nhất..., với một nền nông nghiệp tự túc cổ truyền, một nền cai trị tương đối lương hảo, xã hội Việt Nam giữ được thế quân bình trong sự sinh hoạt"(15).

Chỉ tiếc rằng nông dân và những lực lượng chống đối cứ hay nổi dậy "buộc triều đình phải đem quân đi đàn áp, làm cho làng xóm bị tàn phá, hoa màu bị thiêu hủy, ruộng đồng bỏ hoang, đê điều không tu sửa được, do đó bị lụt đói". Mặt khác, triều đình phải tốn kém vào các cuộc đàn áp, làm hao cạn công quỹ, càng khuyến khích quân xâm lược đánh chiếm nước ta. Vua Tự Đức buộc phải ký hòa ước nhận những điều khoản do Pháp đưa ra cũng chỉ vì "để rảnh tay dẹp loạn"(16).

Ngược lại, nhiều người nghiên cứu khẳng định : chưa ở thời nào các cuộc nổi dậy và chống đối của các tầng lớp dân chúng

https://tieulun.hopto.org

lại nhiều, rộng lớn và liên tục như ở thời Nguyễn. Cục diện này hẳn đã phản ánh nỗi căm oán của các tầng lớp xã hội. Có ý kiến còn khẳng định hơn : vua Gia Long chỉ thành công trong việc tiêu diệt Tây Sơn, nhưng "hoàn toàn thất bại trong việc thu phục nhân tâm toàn quốc"(17). Lại có những sử gia nước ngoài lưu ý rằng : tìm hiểu xã hội Việt Nam thời Nguyễn mà không tìm hiểu cục diện dấu tranh xã hội và phản ứng của các tầng lớp dân chúng, thì chưa thể hiểu được thực chất xã hội Việt Nam thời đó. Ví như, theo David Marr : " Mặt tốt của các tác giả phương Tây là làm cho người ta thấy rõ việc người Pháp đã thâm nhập như thế nào vào Việt Nam, nhưng mặt hạn chế là nó không mô tả được đầy đủ phản ứng của người Việt Nam, mà xét về mặt lịch sử thì phản ứng này lại là cái vế có ý nghĩa hơn của phương trình"(18).

4. Về nguyên nhân mất nước :

Không ít ý kiến khẳng định : Việt Nam mất vào tay thực dân Pháp là một tất yếu lịch sử, hoặc ít ra cũng là do trình độ dân trí của Việt Nam quá thấp kém so với kẻ xâm lược : "Nhà Nguyễn mất nước với Tây Phương chỉ là vì văn minh nông nghiệp của Á đông quá ư lạc hậu, yếu hèn, mà văn minh khoa học cùng cơ giới của Tây phương lại quá mạnh mà thôi"(19).

Đã vậy thì không thể đổ trách nhiệm mất nước cho các vua Nguyễn, mà đó là lỗi của cả dân tộc, lỗi của thời đại. Hậu thế phải biết ơn vua Gia Long đã chủ động làm cho Đông-Tây nhích lại gần nhau. Chỉ tiếc rằng con người Việt nam lúc bấy giờ chưa

https://tieulun.hopto.org

đủ độ chín để tiếp thu tầm nhìn vượt trước thời đại của Nguyễn Ánh -Gia Long; chẳng khác nào "con nhộng còn nằm trong vỏ kén, nó muốn chui ra khỏi kén nhưng chưa đủ năng lực để chọc thủng lưới bao"(20).

Nhưng cũng không hiếm ý kiến cho rằng Nguyễn Ánh đã "cõng rắn cắn gà nhà" để rút cuộc Tự Đức bán rẻ đất nước cho thực dân. Vậy thì triều Nguyễn "phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về tội ác trời không dung, đất không tha, để cho tên tuổi của đất nước một lần nữa, sau hàng ngàn năm độc lập, bị quân cướp nước xóa khỏi bản đồ thế giới"(21).

✱

Có lẽ những thế hệ hiện diện hôm nay đã có điều kiện để bình tĩnh hơn khi nhìn nhận vấn đề. Người ta cảm thấy dễ chấp nhận hơn khi cho rằng triều Nguyễn phải chịu trách nhiệm " để mất nước", và hậu thế không thể không phê phán Nguyễn Ánh trong việc ký hiệp ước Versailles cũng như việc đưa quân Xiêm về Rạch Gầm-Xoài Mút. Mất nước không phải là tất yếu. Nhưng tại sao lại để mất ? Nguyên nhân chính là vì bấy giờ không có người lãnh đạo. Cách đây ngót thế kỷ cũng đã có một sử gia Pháp - Gosselin - suy nghĩ như vậy : "Những vị hoàng đế An Nam phải chịu hết trách nhiệm về sự đổ vỡ và xuống dốc của đất nước họ. Dân xứ này, quan lại, binh lính xứng đáng có quyền được những người cầm đầu có giá trị hơn thế. Chính quyền họ đã mù quáng vì không dự liệu, không chuẩn bị gì hết". Thực ra , không nên chỉ quy trách nhiệm cho các vua Nguyễn mà phải

https://tieulun.hopto.org

quy cho cả đám quần thần. Nói cụ thể hơn, triều Nguyễn thua Pháp vì lúng túng về đường lối chính trị dẫn đến lúng túng về quân sự; tuy quân lực không yếu mà phải chịu thua. Sự lúng túng còn thể hiện trong nỗi lo sợ trước luồng tư tưởng mới đang tràn vào. Lo sợ, nhưng không có giải pháp hữu hiệu, dành thu mình, đóng kín.

Càng lúng túng hơn khi triều Nguyễn đồng thời phải đối phó với những mâu thuẫn nội tại rất nghiêm trọng. Mà những mâu thuẫn này lại bị sự chi phối rất mạnh của các áp lực bên ngoài. Riêng đối với Gia tô giáo thì triều Nguyễn đã từ lúng túng đi đến bế tắc, không đủ sức chuyển đổi tư duy để có biện pháp thích hợp.

II. CHÍNH SÁCH TRIỀU NGUYỄN : "MỞ CỬA" HAY "ĐÓNG CỬA"?

Có một điểm hầu như được giới sử học nhất trí là: bước sang thế kỷ XIX, xu thế phát triển của xã hội Việt Nam có những chuyển biến mới. Từ năm 1802, triều Nguyễn thống trị một quốc gia thống nhất, rộng lớn. Những yêu cầu lịch sử đặt ra lúc này là bảo vệ quốc gia thống nhất, giữ vững an ninh chính trị, phát triển kinh tế văn hóa, "mở cửa" cho đất nước vươn ra thế giới bên ngoài, kích thích sản xuất hàng hóa và giao lưu trong nước.

Nếu như một số tư liệu của những người nước ngoài có mặt ở nước ta thời Nguyễn đáng được tham khảo, thì hình như tình

https://tieulun.hopto.org

hình kinh tế và công thương nghiệp nói riêng, đặc biệt hoạt động ngoại thương Việt Nam hồi nửa đầu thế kỷ XIX không phản ánh những yêu cầu và xu thế thời đại. Có thể dẫn ra đây vài đoạn ghi chép của một người Mỹ đến nước ta hồi cuối đời Gia Long tên là John White trong cuốn *Một chuyến hành trình đến xứ Cochinchina* (A voyage to Cochinchina - Boston, 1823).

J.White viết về tình hình buôn bán dọc ven biển phía Nam như sau: "Việc buôn bán ven biển xứ này có vẻ hoạt động nhưng chỉ là giả tạo thôi, vì hàng hóa trên các thuyền bản địa không đáng bao nhiêu. Thuyền buôn không bao giờ đủ hàng để trao đổi, vì nhà vua buộc mỗi thuyền phải chở cho triều đình một số hàng, thường là gạo và thực phẩm cho quân lính, gỗ và vật liệu xây dựng, quân nhu cho các đạo binh". Riêng về ngoại thương, tác giả viết: "Nền thương mại của xứ Cochinchina hiện nay chẳng còn gì so với hoạt động trước kia (...) Tất cả số đường sản xuất năm 1819 từ Đồng Nai đến Nha Trang chỉ được hơn 2000 piculs (1 picul = 62kg500) và hai chiếc tàu của chúng tôi đã mua hết. Việc buôn bán với Macao hoàn toàn bị cắt đứt. Thời gian tôi ở Sài Gòn, có hai tàu Pháp đến Đà Nẵng và Huế. Bỏ neo 5 tháng, họ chỉ mua được nửa số đường và một ít tơ sống, và đó cũng là sản phẩm chủ yếu hàng năm của các tỉnh phía Nam". Về hoạt động ở Hội An, Đà Nẵng, J. White cho biết: "Trên đường tới Đà Nẵng, chúng tôi qua cảng và thành phố Hội An. Trước đây, Hội An là thị trường của các tỉnh phía Bắc... Người Bồ (ở Macao) và người Nhật đã từng có hoạt động thương mại rất nhộn nhịp ở cảng này. Nhưng bây giờ Hội An nghèo nàn,

https://tieulun.hopto.org

hoang phế, rất ít khi hoặc chẳng bao giờ được tàu bè đến thăm, ngoài các thuyền địa phương và vài thuyền nhỏ từ ngoài Bắc vào". Còn Đà Nẵng "vốn là một trong những vịnh biển đẹp nhất thế giới (...), trước đây là một thành phố cảng đông đúc, nay chỉ còn là một thành phố tồi tàn, bẩn thỉu".

Giải thích tình trạng ngoại thương sa sút, tác giả viết: "Tính cách tham tàn, thất tín, chuyên chế và ức hiếp buôn bán của nhà cầm quyền đã biến xứ Cochinchina thành một nơi không được người ta ưa thích nữa. Vì vậy mà người Nhật từ bỏ buôn bán, người Bồ cũng chuyển hoạt động của họ sang hướng khác... Những ai vị tha, và cả thế giới văn minh nói chung chỉ có thể nhận thấy ở đất nước có thiên nhiên tươi đẹp này không gì khác hơn là một nỗi ân hận và thương hại sâu sắc".

Trên thực tế, ở nửa đầu thế kỷ XIX vẫn thỉnh thoảng có tàu buôn phương Tây (Pháp, Anh, Tây Ban Nha, Mỹ) đến đặt quan hệ thông thương. Nhưng triều đình thì từ chối, quan lại các cấp thì ăn hối lộ trắng trợn. J.White viết: "Người ta có thể liệt kê một bản danh mục vô tận về các chức quan cấp dưới, mà bất cứ ai muốn thương lượng một công việc buôn bán ở xứ này đều phải đút lót cho họ".

Nếu những tư liệu trên đây phần nào tin cậy được, thì các vua triều Nguyễn - từ Gia Long đến Minh Mạng - không có chủ trương "mở cửa" đất nước. Chỉ sau hai lần đến Việt Nam, J.White đã có nhận xét về chính sách của triều Nguyễn: "Một ông vua có hiểu biết và theo đuổi các quyền lợi thực sự của đất nước sẽ chưa xây dựng những kinh thành như Huế mà tìm nguồn lợi

https://tieulun.hopto.org

phong phú ở biển cả, dưới sự bảo vệ của thủy quân mạnh (...) Ông vua đó sẽ bãi bỏ những hạn chế phiền hà kìm hãm nền thương mãi và mời các láng giềng cùng người nước khác tham gia vào việc phát triển xứ sở một cách tự do. Đó cũng là cách làm giàu cho đất nước ông, vừa du nhập được công nghệ văn minh, tiên tiến hơn. Nhưng e rằng điều này sẽ không sớm được thực hiện, vì thái tử kế vị ngai vàng xứ Onam (ý nói Minh Mạng) là một người keo kiệt, hẹp hòi..."

*** TẠI SAO KHÔNG "MỞ CỬA"?**

Theo những tư liệu hiện có, hình như các vua Nguyễn đã không lựa chọn đường lối "mở cửa đất nước" mà chỉ tập trung vào những biện pháp bảo vệ thống nhất lãnh thổ và an ninh chính trị.

Vấn đề đặt ra cho chúng ta hôm nay là vì sao các vua Nguyễn không chọn "quốc sách mở cửa"? Có ý kiến cho rằng: hậu sinh chúng ta không thể đòi hỏi các vua Nguyễn "mở cửa", vì một lẽ đơn giản rằng "bản chất của phong kiến là "đóng" chứ không phải " mở", "mở" là nguy ngay ! Và trên thực tế, xã hội Việt Nam cho đến năm 1900 chưa có yêu cầu "mở cửa".

Nhiều ý kiến khác trái lại, cho rằng Việt Nam ở thế kỷ XIX cần phải "mở cửa" mới phù hợp xu thế và yêu cầu thời đại, thậm chí đó là yêu cầu cấp bách, sống còn của dân tộc; nhưng phải tìm hiểu vấn đề trong bối cảnh lịch sử cụ thể của nó. Không nên trách các vua Gia Long, Minh Mạng một cách quá đơn giản, vì

https://tieulun.hopto.org

bấy giờ "mở cửa" hay không còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khách quan, trong đó có âm mưu và thách thức của tư bản Pháp.

Các vua Nguyễn không phải không ý thức được vấn đề "mở cửa", nhưng không dám thực hiện vì "sợ mất độc lập, trong lúc một biện pháp thích hợp hơn thì lại chưa tìm thấy". Vậy thì phải chăng ở đây lại có vấn đề "bản lĩnh" của người Việt Nam trước thách đố của thời đại ? Về điểm này, có lẽ người Nhật có lợi thế hơn người Việt Nam chăng ?

Có ý kiến thận trọng hơn: vấn đề quả là phức tạp, vì triều Nguyễn bị nhiều chi phối, ràng buộc. Lựa chọn quốc sách "mở cửa" chưa chắc tình hình đã diễn biến như Nhật Bản, nếu như "quốc sách" đó chưa thuyết phục được quần thần, sĩ phu và nhiều tầng lớp khác.

Những nguồn tư liệu khác nhau gợi cho chúng ta một thực tế như sau: ngay khi còn dựa vào các thừa sai Thiên Chúa giáo và người Pháp, trong thâm tâm Nguyễn Ánh đã bắt đầu nghi ngờ, gờm sợ người Pháp và các thừa sai. Vì vậy, sau khi lên ngôi, Gia Long muốn xa lánh họ, hơn thế, muốn cự tuyệt họ. Phương hướng giải quyết của Gia Long trong ngót 20 năm ở ngôi là cố sức giữ gìn mối quan hệ êm thấm với người Pháp và các thừa sai, vì thấy rằng ở hoàn cảnh của mình thì chưa thể "trở mặt" với họ được. Gia Long muốn kéo dài tình trạng nhùng nhằng đó cho đến hết đời mình và chuyển giao nhiệm vụ giải quyết vấn đề cho kẻ nối ngôi. Có thể nói Gia Long đã tiến hành khá êm đẹp *chủ trương hai mặt* này, êm đẹp đến mức nhiều người đương thời và cả sau

https://tieulun.hopto.org

đó nghĩ rằng đường lối ngoại giao của Gia Long là thân Pháp và rộng rãi với các thừa sai.

Nhưng dẫu Gia Long có thực hiện chủ trương hai mặt một cách khôn khéo và kiên trì đến mấy thì ý đồ thầm kín cũng không thể nào giấu mãi. Gia Long phải quyết định chọn người nối ngôi, và ông đã chọn Minh Mạng, trong khi về quy tắc là phải truyền ngôi cho người con của hoàng tử Cảnh. Nhiều đại thần như Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt thắc mắc thì Gia Long giải thích: "Khi người ta chết mà còn để lại những món nợ trên đời thì chủ nợ thường tìm đến con mình chứ không phải cháu mình [phụ trái tử hoàn]. Vì vậy Trẫm không thấy sai trái khi chọn một đứa con mà không chọn một đứa cháu".

Thực ra, vấn đề không phải là "chọn con hơn chọn cháu" mà là phải chuẩn bị người kế vị có thể giải quyết dứt điểm "món nợ" mà vua cha đã "trót vay" của người Pháp và các thừa sai.

Một số tác giả trước đây trách Gia Long "thiếu sáng suốt". Ví như tác giả Louvet cho rằng: "Ông vua kế vị quyết định cự tuyệt người phương Tây... Chưa bao giờ vua Gia Long lại *thiếu linh cảm* bằng cái ngày ông quyết định một sự lựa chọn như vậy" (*La Cochinchine religieuse* - Paris, 1885). Về điểm này, tác giả Buttinger đã tinh tế hơn khi nhận thấy chính sách của Minh Mạng "về thực chất chỉ là sự thực hiện đường lối chính trị cơ bản của Gia Long mà thôi" (*The smaller dragon* - New York, 1958).

Nhưng có lẽ vì tình thế bức bách, vừa lên ngôi Minh Mạng đã tỏ ra hơi vội vã, thậm chí cứng rắn, không theo đúng lời căn dặn của cha mình là phải *hết sức thận trọng* trong việc xa lánh,

https://tieulun.hopto.org

tuyệt giao với người Pháp và các thừa sai. Lãnh sự Pháp không được thừa nhận, đặc sứ Pháp không được tiếp kiến, thuyền trưởng Pháp không được lên bờ... và các chỉ dụ cấm đạo Thiên Chúa liên tiếp được ban hành. Tác giả Etiennne Denis cũng ghi nhận thực tế này như sau:"Trong khi các nước láng giềng, kể cả Trung Hoa -hoặc tự nguyện, hoặc bị cưỡng ép - đã mở cửa cho tàu thuyền và ảnh hưởng phương Tây, thì chính sách của Minh Mạng là cự tuyệt thẳng thừng mọi tiếp xúc với "bạch quỷ" phương Tây" (*Bordeaux et la Cochinchine* - Paris, 1965).

Thế nhưng việc các vua Nguyễn né tránh "mở cửa" và lựa chọn con đường "đóng kín", đất nước, trên thực tế vẫn không ngăn chặn nổi thách thức và âm mưu xâm lược của thực dân Pháp. Mặt khác cũng vì "đóng cửa" "cô lập" với thế giới bên ngoài cho nên từng chính sách cụ thể của triều Nguyễn tuy có những kết quả mang tính chất bộ phận, nhưng về cơ bản không có tác dụng khai thông con đường phát triển đầy bức xúc của nông nghiệp, nhất là công thương nghiệp, theo hướng đẩy mạnh giao lưu, mở rộng kinh tế thị trường trong và ngoài nước, tạo điều kiện cho đông đảo nông dân và nhiều tầng lớp khác bứt ra khỏi sự ràng buộc của cơ chế cũ.

* MINH MẠNG MUỐN "MỞ CỬA" NHƯNG ĐÃ MUỘN !

Cho đến những năm cuối đời mình, Minh Mạng đã được "đánh thức" do những biến động lớn ở Trung Quốc, cụ thể là

https://tieulun.hopto.org

cuộc chiến tranh thuốc phiện (1840-1842). Hình như nhà vua bắt đầu nhận ra rằng những điều các nước phương Tây thực hiện ở Trung Quốc thì họ cũng có thể thực hiện ở Việt Nam. Và Minh Mạng bắt đầu "hé cửa" thăm dò.

Theo một bức thư của giáo sĩ Régéreau ngày 25-4-1840 thì trước đó ngót hai tháng, Minh Mạng đã cử hai chiếc tàu đi Calcutta và đi Batavia để thăm dò "động tĩnh" của người Anh và người Hà Lan ở hai nơi đó.

Đồng thời, mạnh bạo hơn, Minh Mạng lại cử một tàu đi thẳng sang Paris và London nhằm tìm hiểu quân lực, tài lực các nước Pháp, Anh và thăm dò khả năng ký kết những hiệp ước thương mại với Pháp. Phái bộ gồm 4 người (Trần Viết Xương, Tôn Thất Tường và hai thông ngôn) đến Pháp tháng 11-1840. Nhưng phái bộ không được tiếp kiến vua Louis Philippe, vì vua Pháp "coi Minh Mạng là kẻ thù của Thiên Chúa giáo, mặc dầu những diễn từ của Trần Viết Xương nhấn mạnh rằng triều đình Việt Nam sẵn sàng thương thuyết về những điều kiện bang giao giữa hai nước" (L'Ambassade de Minh Mạng auprès de Louis Philippe - *BAVH*, 1928). Bị thất bại ở Pháp, phái bộ sang London nhưng cũng không thu được kết quả gì, đành quay lại Pháp, rời cảng Bordeaux trở về Huế, nhưng về đến nơi thì Minh Mạng vừa mất ngày 20-1-1841.

Thiệu Trị rồi Tự Đức kế tiếp nhau trị vì một đất nước "đóng kín". Vả chăng những biến chuyển mới không còn thuận lợi cho khả năng "mở cửa", vì rằng ý đồ xúc tiến cuộc can thiệp vũ trang

https://tieulun.hopto.org

của thực dân Pháp đã được xác định. Vua Tự Đức càng xoay xở càng lúng túng, không còn cách nào khác là dấn sâu thêm vào con đường mà vua Gia Long đã "lựa chọn" và vua Minh Mạng đã "triển khai".

Tóm lại, phải nhận rằng các vua Nguyễn - từ Gia Long, Minh Mạng cho đến Tự Đức - đã "làm hết sức mình" nhằm xây dựng và bảo vệ quốc gia. Nhưng do cách lựa chọn đường lối cơ bản không phù hợp những yêu cầu của xã hội Việt Nam hồi nửa đầu thế kỷ XIX, rút cục nền thống nhất quốc gia và an ninh chính trị vẫn không được bảo đảm, khối đoàn kết dân tộc không được củng cố, trí tuệ của dân chúng không được tập hợp, tiềm lực dân tộc không được bồi dưỡng..., và đất nước - dù muốn dù không - đã trở thành miếng mồi ngon cho thực dân Pháp trước khi họ thực sự nổ súng xâm lược. Quyền thống trị tuyệt đối của dòng họ Nguyễn do vậy cũng không thực hiện được.

(1) Tham luận tại *Hội thảo khoa học về Triều Nguyễn* lần thứ nhất và lần thứ hai do Viện KHXH tại TP.H Ch Minh và Bảo tàng lịch sử TP. Hồ Chí Minh tổ chức, 1989 và 1992.

(2) Nguyễn Hựu - Bài viết trong *France-Asie*, 1951.

(3) Schreiner - *Abrégé de l' histoire d' Annam* - Sàigon, 1906.

(4) J.Buttinger - *The smaller dragon* - New York, 1962.

(5) Louvet - *Histoire générale de la Société des Missions Étrangères*, T.II - Paris, 1894.

https://tieulun.hopto.org

(6)(12)(16)(17)(19) Phạm Văn Sơn - *Việt sử tân biên* - Sài Gòn, 19..

(7) Aubaret - *Histoire et description de la Basse-Cochinchine* - Paris, 1863.

(8) M.Gaultier - *Gia Long* - Saigon, 1933.

(9) J.Silvestre - L' Insurrection de Gia Định, la révolte de Khôi - *Revue Indochinoise,* 1915.

(10) Trần Trọng Kim - *Việt Nam sử lược* - Sài Gòn, 1971 (tái bản)

(11) Lê Thành Khôi - *Le Vietnam, histoire et civilisation* - Paris, 1955.

(13) Ph.Langlet - *L' Ancienne historiographie d'Etat au Vietnam*- T.I, Paris, 1990.

(14) *Các bộ sách giáo khoa Trung học* của Phạm Cao Dương, Nguyễn Khắc Ngữ, Bằng Phong, Tăng Xuân An...

(15) Phan Khoang - Bài viết trên Tạp chí *Bách Khoa*, số 67(1959).

(18) D.G.Marr - *Vietnamese anticolonialism 1885-1925* - 1971

(20) Nguyễn Triều Vân - *Luận văn Cao học* - ĐH Văn khoa Sài Gòn, 1969.

(21) UBKHXHVN - *Lịch sử Việt Nam*. T.I - Hà Nội, 1971.

(22) Gosselin - *L'Empire d' Annam* - Paris, 1904.

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

TƯỞNG NHỚ NHÀ YÊU NƯỚC NGUYỄN AN NINH (1900-1943)

50 năm đã qua, kể từ ngày NGUYỄN AN NINH qua đời. Đã có nhiều cách đánh giá khác nhau về Nguyễn An Ninh. Có người dè dặt, có người tránh né, có người ca ngợi chân thành, có kẻ ca ngợi để xuyên tạc. Và trong chúng ta hôm nay không ít người vẫn băn khoăn khi xác định Nguyễn An Ninh là nhà yêu nước hay là nhà cách mạng, là nhà mác-xít hay chưa phải như thế v.v...

Trong một dịp Hội thảo cuối năm 1988 tại Bảo tàng Cách mạng Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi đã đánh bạo phát biểu rằng: đánh giá một nhân vật lịch sử, điều trọng yếu là phát hiện cái cốt lõi mang tính bản chất của nhân vật, chứ không phải là gán ghép nhân vật theo tiêu chuẩn mình đặt ra. Vả chăng, xưa nay lịch sử đã dạy chúng ta rằng cái gọi là "tiêu chuẩn hóa" nhân

https://tieulun.hopto.org

vật lịch sử không phải là phương pháp khoa học, không giúp chúng ta tiếp cận chân dung đích thực của nhân vật lịch sử.

Thực ra, người Việt Nam trong cả nước từ trước đến nay vẫn coi Nguyễn An Ninh là một trong những sản phẩm chân chính và độc đáo của lịch sử cách mạng Việt Nam những năm 20, thuộc thế hệ NGUYỄN ÁI QUỐC, là một trong những đứa con đích thực của dân tộc Việt Nam có mặt kịp thời trước những thách đố bức xúc của vận mệnh đất nước.

Ở đây, chúng tôi xin được nói thêm về Nguyễn An Ninh thời thanh niên. Nguyễn An Ninh cử nhân luật đại học Sorbonne (Pháp), Nguyễn An Ninh xuất bản báo *Chuông Rè* (La Cloche Fêlée), tác giả cuốn sách *Nước Pháp ở Đông Dương* (La France en Indochine), một Nguyễn An Ninh tràn đầy tâm huyết, nhức nhối trước nỗi nhục nô lệ của dân tộc, một Nguyễn An Ninh hùng biện, sáng chói trên vũ đài chính trị ngay khi vừa xuất hiện và thực dân Pháp phải gờm sợ ngay từ buổi diễn thuyết đầu tiên...

NGUYỄN AN NINH VỚI TÁC PHẨM "NƯỚC PHÁP Ở ĐÔNG DƯƠNG"

Nội dung tác phẩm này thể hiện tư tưởng chống chủ nghĩa thực dân Pháp khá quyết liệt, khơi gợi truyền thống quật cường, ý chí đấu tranh giành độc lập tự do, bảo vệ khối thống nhất của dân tộc Việt Nam.

https://tieulun.hopto.org

Vạch trần cái gọi là "sứ mạng khai hóa" thuộc địa của đế quốc Pháp. Nguyễn An Ninh viết : "Chỉ có "thực dân" với nghĩa ngu xuẩn nhất của nó mới tin ở "sứ mạng khai hóa" của người Âu đang đô hộ Đông Dương". Dựa trên những thực tế không thể chối cãi, tác giả lên án thực dân Pháp bóp nghẹt mọi quyền tự do của nhân dân ta : " Cho đến những năm gần đây, người Việt Nam không được đi lại tự do ngay cả trong nước mình. Từ ngày Pháp đô hộ, nước Việt Nam bị chia tùy tiện làm 3 khúc, đặt tên là Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ. Người Việt Nam phải có giấy thông hành mới được đi lại giữa ba vùng trong nước!"

Nói về quyền tự do ngôn luận, bằng thực tế của bản thân, Nguyễn An Ninh kể rằng : "Hội Khuyến học Nam Kỳ mời tôi đến diễn thuyết tại hội quán. Tôi đã nhận lời, và các quan chức tham dự buổi diễn thuyết hôm đó đã bị khiển trách(1). Tôi bị Thống đốc Nam Kỳ (ông Cognacq) gọi lên. Khi tranh luận tại văn phòng của ông, vị thống đốc cắt ngang lời tôi : "Không cần đến trí thức ở xứ này!".

Nói về quyền tự do báo chí, Nguyễn An Ninh khẳng định : "Ở Đông Dương không có quyền tự do báo chí. Tại Nam Kỳ, nơi nghề làm báo khá phát triển, có hai loại báo chí Việt Nam : một loại viết bằng tiếng Pháp, một loại viết bằng tiếng Việt... Luật lệ đối với báo chí Pháp không áp dụng cho người Việt Nam. Tuy nhiên, người Việt Nam có thể nhờ một người Pháp hoặc một người vào làng Tây dứng tên làm các thủ tục cần thiết xin ra một tờ báo bằng tiếng Pháp. Do vậy, trên thực tế người Việt Nam có

https://tieulun.hopto.org

thể lợi dụng một chút co giãn ngoài dự kiến của luật pháp để viết báo tự do, đương nhiên là nếu họ dũng cảm. Vì ở Đông Dương, tự do ngôn luận phải trả giá khá đắt, và những ai có tư tưởng độc lập đều bị nhà cầm quyền gán cho là phần tử chống Pháp, cách mệnh, cộng sản, vô chính phủ, bôn-sê-vích..."

Nguyễn An Ninh cho biết thêm : " Tôi được coi là cộng sản và bị các nhà báo người Pháp đe dọa hành hung, bị tờ báo *L' Impartial* của nghị sĩ Outrey tố cáo rằng tôi là người chủ xướng vụ ám sát toàn quyền Merlin ở Quảng Châu... Còn những tờ báo bằng tiếng Việt thì... không có chút tự do nào. Tất cả các báo quốc ngữ đều là những tờ báo thân chính phủ..."

Vào những năm 20 của thế kỷ này, thực dân Pháp ở Đông Dương ra sức đề cao và bảo vệ cái mà họ gọi là "uy thế châu Âu". Nguyễn An Ninh phân tích thực chất của thứ "uy thế" đó : " Uy thế châu Âu không dựa trên sự ưu việt về đạo lý cũng chẳng dựa trên sự ưu việt về tri thức đối với châu Á, mà chỉ dựa trên sự khác nhau về màu da. Ở Đông Dương, uy thế này lại được gia tăng bằng "uy thế kẻ xâm lược", được nhà cầm quyền thực dân ra sức bồi đắp vì đó là sức mạnh "đạo lý" duy nhất để bảo vệ chính quyền. Chính là cái "uy thế châu Âu" đã cho phép một người Âu dù ngu dốt đến mấy cũng có thể làm ông chủ một người Việt Nam, còn ngược lại là điều không thể dung thứ. "Uy thế châu Âu" thủ tiêu công lý trước tòa án. "Công lý" không cho phép áp dụng cùng một hình phạt đối với một người Âu và một người Việt Nam phạm tội như nhau. "Công lý" chỉ kết án những người Pháp giết chết người bản xứ bằng những hình phạt rất nhẹ,

https://tieulun.hopto.org

có khi chỉ là án treo". Và Nguyễn An Ninh so sánh : " Tương phản với những ưu đãi đối với kẻ xâm lược là "quy chế dân bản xứ" với những lệ luật chỉ áp dụng riêng đối với dân bản xứ. Với "quy chế " này, toàn quyền, thống đốc, thống sứ, kể cả công sứ, chủ tỉnh đều có quyền bắt giam người bản xứ mà không cần xét xử trong một thời hạn do luật quy định".

Vậy thì, theo Nguyễn An Ninh, hy vọng "dễ huề" với thực dân Pháp chỉ là ảo tưởng. Ông khơi gợi truyền thống quật cường của dân tộc Việt Nam : " Than thở hoài về vận mệnh của dân tộc Việt Nam và trông chờ ở chính quyền thuộc địa cùng những nội các nối tiếp nhau bên chính quốc là biểu hiện sự bất lực, không dám đương đầu với thực tế... Thanh niên Việt học hiện nay muốn đấu tranh ôn hòa, muốn cố gắng dung hòa quyền lợi thực dân với nguyện vọng của dân Việt Nam. Nhưng trong hai ba năm nữa, nếu họ nhận thấy những cố gắng đó là vô ích thì họ dành im lặng nhường bước cho những người khác có ích hơn cho nòi giống Việt Nam".

Nguyễn An Ninh khẳng định sự phá sản thảm hại của thực dân Pháp trên xứ sở này : "Thế lực đàn áp điên cuồng vì vô hiệu càng lồng lộn trên miếng mồi đang giẫy giụa, mặc dầu đã xuất hiện dấu hiệu của những biến cố tương lai. Chừng đó, sẽ là mối tai họa chung, và nước Pháp sẽ mất hết cả danh dự và quyền lợi, "sứ mạng khai hóa" của châu Âu sẽ lộ nguyên hình, và nước Việt Nam sẽ vượt ra để quyết định vận mệnh của mình sau nhiều gian lao thống khổ".

https://tieulun.hopto.org

Thực dân Pháp mưu đồ tách hẳn Nam Kỳ ra khỏi cơ thể Việt Nam, muốn biến Nam Kỳ thành "đất Pháp"; và đã có mấy người Việt vội vàng phụ họa với quan thầy: "Một vài người Việt Nam ở Nam Kỳ đề xướng việc cho đồng bào được "đồng loạt nhập quốc tịch Pháp". Nguyễn An Ninh đã chỉ cho cả thầy lẫn tớ lũ thực dân hiểu rằng: "Dân chúng Việt Nam, nông dân cũng như trí thức, thật xa lạ với vấn đề này. Không một ai trong nông dân hay trí thức lại không cảm thấy một sự tổn thương nào đó về tinh thần khi nhận làm "công dân Pháp". Vả chăng, người Việt Nam ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ cũng chia sẻ với họ tâm trạng đó".

Làm thế nào khuất phục được dân tộc Việt Nam bằng "sứ mạng khai hóa" và "uy thế châu Âu", nói gì đến việc biến người Việt Nam ở Nam Bộ thành "công dân Pháp". Vì, theo Nguyễn An Ninh, dân tộc Việt Nam là "một dân tộc tự do, đã từng có một nền văn hóa vào cái thời mà ở Pháp người ta còn đang sống tụ tập quanh những đầm nước". Và Nguyễn An Ninh cảnh cáo thực dân : " Hàng loạt cuộc nổi dậy kéo dài kể từ khi Pháp đặt ách đô hộ ở Đông Dương chứng tỏ dân chúng không phải đã hoàn toàn tê liệt. Trái bom ở Quảng Châu - theo như báo chí Trung Hoa- được ném từ tay một người Việt Nam cho thấy quần chúng phẫn nộ đã tìm được chỗ đứng để hoạt động ở ngoài biên giới Đông Dương".

Gói ghém những ý tưởng cơ bản nhất trong cuốn sách của mình, Nguyễn An Ninh nhấn mạnh rằng dân tộc Việt Nam không chờ đợi sự ban ơn của lũ cướp nước đang biến mình thành nô lệ: " Khi một nòi giống bị dồn đến chỗ không còn sự lựa chọn nào

https://tieulun.hopto.org

khác giữa cái chết và kiếp nô lệ, thì phải dương đầu với cái chết mới là thể hiện sức sống mạnh mẽ của mình... Nếu quần chúng thà chết còn hơn chịu cảnh bất công, và nếu những kẻ đi chiếm thuộc địa không muốn từ bỏ chính sách đàn áp và bóc lột tàn tệ thì những người Việt Nam biết hy sinh dũng cảm có bổn phận phải tính đến những phương thức đấu tranh thích hợp với hiện tại, phải tính đến việc tổ chức một cuộc chống trả có khả năng đánh bại sự áp bức... Mặc dầu đất nước này bị tùy tiện chia làm ba khúc, người Việt Nam vẫn ý thức sâu sắc về *khối thống nhất* của mình..."

NGUYỄN AN NINH VỚI TRUYỀN THỐNG, VĂN HÓA DÂN TỘC.

NGUYỄN AN NINH là một trong những nhà yêu nước hiếm có hồi những năm 20 đã vận dụng một tư duy thật mới mẻ, thậm chí táo bạo khi giải thích với dân chúng -nhất là với thanh niên- thế nào là truyền thống dân tộc, thế nào là văn hóa dân tộc, cần hiểu như thế nào về công lao của tiền nhân, và thế hệ thanh niên đang được lịch sử giao phó sứ mạng cao cả như thế nào?

Trong một bài báo nhan đề *Ước mơ của chúng ta*, Nguyễn An Ninh cho rằng : "Nói đến sự trường tồn của một giống nòi, trước hết là nói đến văn hóa, nói đến sức sống của dân tộc, của giống nòi đó, nghĩa là tất cả những tiềm năng mà dân tộc đó đã để lại dấu ấn sâu đậm và tỏa sáng chói lọi trên tiến trình

https://tieulun.hopto.org

lịch sử của mình. Và người Việt Nam đã từng có một sức sống tạo nên một nền văn hóa như vậy".(1)

Nguyễn An Ninh kêu gọi người Việt Nam hãy quyết tâm bảo vệ và phát huy nền văn hóa của mình, nhất là trong hoàn cảnh nô lệ mất nước, điều mà các thế hệ Việt Nam suốt hơn 1000 năm bị Bắc thuộc ngày xưa đã từng làm và đã thành công. Nguyễn An Ninh viết : "Tôi cứ muốn được nói hoài về sự cần thiết phải xây dựng một nền văn hóa của riêng mình. Dân tộc nào để cho văn hóa ngoại lai ngự trị thì không thể có độc lập thực sự, vì văn hóa là linh hồn của một dân tộc".

Theo cách nghĩ của Nguyễn An Ninh, trải hàng ngàn năm, *độc lập* đã trở thành đạo lý của người Việt Nam : "Lịch sử đã chứng minh đầy đủ ý chí độc lập của dân tộc Việt Nam. Nước Trung Hoa biết rất rõ điều này. Họ đã không thắng nổi dân tộc Việt Nam, dù họ đã có những cố gắng dôi khi rất quyết liệt. Và người lính (thực dân) Pháp khi sang xâm lược Việt Nam hẳn là cũng đã được nếm trải thế nào là ý chí độc lập dũng mãnh đó".

Tinh thần yêu nước thiêng liêng của người Việt Nam chính là xuất phát từ đạo lý nói trên. Nguyễn An Ninh trình bày quan điểm của mình về tinh thần ái quốc Việt Nam như sau : "Các bạn nói nhiều về Tổ quốc. Nhưng liệu các bạn đã hiểu sâu sắc lịch sử Tổ quốc mình chưa? Bạn bảo rằng bạn yêu Tổ quốc, rằng bạn là một người yêu nước. Nhưng bạn yêu nước như thế nào ? Bạn có hiểu rằng yêu nước, ca ngợi quá khứ chính là để củng cố niềm tin vào tương lai của Tổ Quốc, để từ những kinh nghiệm

https://tieulun.hopto.org

trong quá khứ mà tăng thêm sức mạnh thực hiện những sứ mạng mới. Như vậy, thực chất yêu nước là hướng về tương lai. Người yêu nước không chỉ tự hào quá khứ vẻ vang mà phải nuôi hoài bão và chuẩn bị thắng lợi trong tương lai.

Vẫn theo Nguyễn An Ninh, muốn tạo sức mạnh cho dân tộc thoát ách nô lệ thì điều quan trọng là phải tìm hiểu thấu đáo công lao dựng nước, đặc biệt là công lao giữ nước của tổ tiên. Và đây cũng chính là nền tảng đạo lý của dân tộc, của tinh thần yêu nước Việt Nam. Từ đó mà thấm thía công ơn để rồi kế tục xứng đáng sự nghiệp của tiền nhân.

Nguyễn An Ninh dành những dòng tâm huyết nhất khi đề cập vấn đề này. Trong bài *A nos frères pour le Tết*, Nguyễn An Ninh viết : " Nhân dịp tết, thắp nén hương trên mảnh đất quê hương, mảnh đất từng nuôi dưỡng chè chở giống nòi, mảnh đất thấm đượm tâm hồn tổ tiên ta... Mỗi ngọn cây, mỗi cảnh quan cũng chứa đựng một tâm hồn, như muốn gửi gắm với chúng ta một điều gì đó về tổ tiên xưa... Rồi sang năm mới, chúng ta lại dũng cảm phấn đấu cứu giống nòi ra khỏi dòng xoáy khủng khiếp đang nhấn chìm những dân tộc nô lệ..."

Nguyễn An Ninh đặt câu hỏi: "Số phận giống nòi ta sẽ ra sao? Mỗi dịp năm mới liệu có đánh dấu một tiến bộ mới trên con đường thực hiện ước mơ của chúng ta hay không ? Có lẽ nào nhựa sống của dân tộc đã vơi cạn? Có lẽ nào lịch sử nòi giống Việt Nam đã chấm dứt ? Mỗi lần Tết đến, món nợ của chúng ta đối với tổ tiên, đối với quê hương lại càng thêm nặng..."

https://tieulun.hopto.org

Nguyễn An Ninh có cách giải thích thật lý thú khi nói về tục thờ phụng tổ tiên của người Việt Nam: "Ở Việt Nam, việc thờ phụng tổ tiên có vai trò như Cơ đốc giáo ở Pháp... Trong mỗi gia đình Việt Nam, thờ phụng tổ tiên là điều quan tâm lớn nhất, có tác dụng hàng đầu trong việc giáo dục mỗi thành viên từ tuổi ấu thơ cũng như trong việc hình thành nhân cách khi đã trưởng thành".

Thấm thía công lao của tiền nhân- cũng là đạo lý giành giữ độc lập của dân tộc- người Việt Nam thờ phụng tổ tiên trước hết là từ ý nghĩa đó. Và Nguyễn An Ninh giải thích điều này theo cách của mình: "Nhân loại không thể chỉ sống bằng hiện tại. Nhân loại bao gồm người đang sống và người đã chết, và người đã chết thì nhiều gấp bội người đang sống. Mọi hành động của người đã chết đều được lịch sử phán xét, ghi nhận; và hình bóng của không ít người đã chết còn để lại dấu ấn đậm nét cho mai hậu, thậm chí còn sống động hơn cả người đang sống. Trong trường hợp này, "bất tử" không phải là một từ ngữ suông. Bóng dáng vĩ đại của họ dường như vượt ra khỏi đáy sâu của dĩ vãng để chỉ lối cho con cháu, giúp con cháu tránh té ngã khi chuẩn bị hành trang cho tương lai".

Nguyễn An Ninh giải thích tiếp: "Nếu như những vĩ nhân đã chết vẫn đang dìu dắt số phận một dân tộc, thì cũng phải nói rằng tất cả những người quá cố khác không phải không có tác dụng gì đối với những người đang sống. Mỗi người quá cố vẫn đang góp phần vào việc xây dựng nhân cách cho con cháu, trước

https://tieulun.hopto.org

hết từ trong dòng họ mình... Ở Việt Nam này, hiện tại gắn bó mật thiết với quá khứ, và hơn thế: hiện tại sống bằng quá khứ". Vì vậy, theo Nguyễn An Ninh, ở Việt Nam "việc thờ phụng tổ tiên có một tầm quan trọng đặc biệt trong việc củng cố giống nòi, bảo đảm sự bền vững của dân tộc".

Giải thích như trên về đạo lý Việt Nam, về đức tin của người Việt Nam, Nguyễn An Ninh đồng thời gián tiếp giải tỏa sự ngộ nhận rằng nền tảng đạo lý Việt Nam là học thuyết Khổng Tử "được xuất cảng từ Trung Hoa sang Giao Chỉ". Về vấn đề khá tế nhị này, Nguyễn An Ninh có hẳn một luận văn khi bàn về Tôn giáo.

✕

Tóm lại, ở Việt Nam ta, khó có thể hình dung một nhà yêu nước chân chính, một nhà cách mạng lỗi lạc mà lại coi nhẹ truyền thống và văn hóa dân tộc, không quan tâm khai thác và vận dụng di sản quý báu của tiền nhân để định hướng cho dân tộc thực hiện sứ mạng lịch sử trong điều kiện mới.

Trong lãnh vực này, với bối cảnh xã hội Việt Nam những năm 20, Nguyễn An Ninh đã tỏ ra rất nhạy cảm, và hơn thế: rất sắc bén. Hẳn rằng Nguyễn An Ninh được tôn kính, trước hết là vì lẽ đó. Và cũng chính vì lẽ đó mà hậu thế trân trọng Nguyễn An Ninh, mà lịch sử ghi nhận Nguyễn An Ninh là một trong những người con xứng đáng của dân tộc Việt Nam.

https://tieulun.hopto.org

NGUYỄN AN NINH BÀN VỀ KHỔNG GIÁO

Khoảng những năm 1920-30, trong các buổi diễn thuyết, trong những bài báo đăng trên LA CLOCHE FÊLÉE cũng như trong hai tác phẩm nghiên cứu về tôn giáo, Nguyễn An Ninh dành nhiều đoạn, nhiều trang bàn về Khổng giáo.

Có thể nói Nguyễn An Ninh là một trong những tác giả đầu tiên trình bày quan điểm của mình về Khổng giáo và Khổng giáo ở Việt Nam nói riêng, bắt đầu với bài diễn thuyết về "Lý tưởng của thanh niên Việt Nam" hồi tháng 10-1923 tại Hội Khuyến học Nam Kỳ.

Vào những năm 1929, 1930 xuất hiện hàng loạt bài viết của nhiều tác giả tranh luận khá sôi nổi về Khổng giáo trên các báo *Khai Hóa, Đông Pháp Thời báo, Thần Chung, Tiếng Dân*...

Năm 1932, Trần Trọng Kim xuất bản bộ sách *Nho giáo*. Sau đó, Đào Duy Anh cho ra đời cuốn *Khổng giáo phê bình tiểu luận*. Năm 1940, Ngô Tất Tố công bố cuốn *Phê bình Nho giáo Trần Trọng Kim*...

Luận điểm của các tác giả rất khác nhau, thậm chí trái ngược nhau. Có tác giả cho rằng Khổng giáo là một học thuyết tuyệt diệu, nhưng vì người ta học sai, hiểu sai và thực hành sai nên không tiếp nhận và vận dụng được tinh hoa của Khổng giáo vào thực tiễn cuộc sống. Có tác giả lại cho rằng cần phân biệt tính nhân văn của Khổng giáo với học thuyết Khổng giáo đã được nhào nặn, biến chế thành công cụ thống trị lợi hại trải qua các thời kỳ lịch sử của các nhà nước quân chủ phương Đông...

https://tieulun.hopto.org

NGUYỄN AN NINH, ngay từ năm 1923, đã đánh giá cao tính nhân văn của Khổng giáo. Theo ông, Khổng Tử là một nhà tư tưởng cỡ lớn của thế giới, và "tư tưởng Khổng giáo nếu được hiểu đúng đắn thì có thể nâng đỡ con người lên một quan niệm quảng đại và nhân từ về đời sống"(2).

Nguyễn An Ninh ghi nhận ý nghĩa tích cực, đồng thời ông cũng nêu lên những mặt hạn chế của học thuyết Khổng Tử. Theo ông, tư tưởng Khổng giáo tuy có đem lại phần nào trật tự và an vui cho dân chúng, "nhưng từ đó mà công nhận lý tưởng Khổng giáo là bậc cao nhất của trí tuệ con người thì cái đó chúng tôi sẽ không bao giờ đồng ý (...) Trong giai đoạn hiện tại của cuộc đấu tranh, nếu bằng lòng với những mảnh "hạnh phúc con con" (menus bonheurs), hạnh phúc gia đình ấy thì đó chỉ là dọn đường cho độc tài và áp bức mà thôi"(3).

Mạnh dạn hơn, Nguyễn An Ninh cho rằng: "Đạo Khổng Tử nói về luân lý có câu "Trời đất xoay vần bốn mùa", Trời đất cũng có luật phép vậy. Nhưng mà Khổng Tử là người quan sát không được rộng, suy xét không được sâu xa; trọn đời tuy cũng nói nhơn đạo, cũng mưu hạnh phước cho bần dân mà không bao giờ thoát khỏi cái phạm vi quân chủ ngày xưa(...), mà cái thuyết "quân tử" là cái chỗ vững hơn hết trong đạo Khổng cũng còn vướng vấp với quân chủ chủ nghĩa rất nhiều, cho nên quân chủ chủ nghĩa suy, đạo Khổng còn suy mau nữa"(4).

Nguyễn An Ninh dẫn lời Lão Tử phê phán Khổng Tử :

https://tieulun.hopto.org

"Lão Tử có nói ông Khổng Tử là như "con vò vò trong ghè". Trong *Đạo đức kinh*, Lão Tử có câu: "Thánh nhơn bất nhơn lấy trăm họ làm chó cả". Khổng Tử lập thuyết giúp cho chế độ quân chủ thời ấy, bị một phần trách nhiệm nặng nề vì câu đó. Ấy là bắt đầu thấy luân lý Khổng là có quan hệ với chính trị"(5). Vả chăng, Khổng giáo bản thân nó cũng đã "phản chiếu rõ rệt xã hội, chính trị của một chế độ quân chủ chuyên chế ở thời đại phong kiến". Hay nói cách khác, Khổng giáo "đã có hiệu quả làm cho cái địa vị của bọn thống trị sống gởi nhờ nó mà sống thêm được khá lâu(...) Vì vậy cho nên nhà triết học Đức Nietzsche mới nói: trong nhân loại từ xưa tới nay chỉ có hai luân lý, một là luân lý của kẻ mạnh, hai là luân lý của kẻ yếu, một là luân lý của bọn làm chủ, hai là luân lý của phường làm nô"(6).

Vẫn theo Nguyễn An Ninh, cái cốt lõi trong học thuyết chính trị của Khổng Tử là "thuyết Thiên mệnh": "Bọn cầm quyền bên Á Đông ngày xưa (...) dạy dân rằng mọi sự đau khổ ngày nay là tiền định. Trời định có kẻ làm vua làm chúa, coi mạng người như rơm như rác. Trời định có đám dân đen làm thân trâu ngựa cho một bọn ở không". Ở một đoạn khác: "Dạy như thế làm vững được lòng kẻ yếu(...) Muốn cứu luân lý phải bày thuyết nọ thuyết kia. Mà vì con người hiệp làm xã hội, cần có trật tự, có quản lý - ít nữa là một trật tự, một luân lý giả dối để che đậy xã hội vô trật tự, vô luân lý - cho nên những thuyết bày ra đó được nhơn loại đeo theo hoan nghinh, kẻ khôn vắt đầu mượn đối trá gạt phường ngu quỳ lạy theo sau" (7). Nói đến "thiên mệnh", "chắc trong chị em phụ nữ có người muốn hát câu:

https://tieulun.hopto.org

Thấy anh hay chữ em xin hỏi thử đôi lời,
Lúc tạo thiên lập địa ông Trời ai sanh ?"(8)

✕

Riêng đối với Việt Nam, học thuyết Khổng Tử đã có những tác dụng như thế nào ?

Trước hết, Nguyễn An Ninh thừa nhận: văn hóa Việt Nam truyền thống từ đầu thế kỷ X đến thế kỷ XX có chịu ảnh hưởng của Khổng giáo và văn hóa Trung Hoa, nhất là trong lãnh vực văn hóa bác học, và không ai chối cãi điều này. Nhưng theo ông, bên cạnh những giá trị tích cực thông qua sự sàng lọc khôn ngoan của các thế hệ Việt Nam và nằm ngoài ý đồ của nhà nước quân chủ, thì học thuyết Khổng Tử đã có những tác động tiêu cực đối với sự phát triển của xã hội Việt Nam, mà nặng nề nhất có lẽ là đối với giới trí thức. Nguyễn An Ninh cho rằng: phần lớn nhà nho được đào tạo bằng kinh điển Trung Hoa, tuy "được gọi là thượng lưu" nhưng sự thật thì "họ bị bắt buộc phải bấu víu vào tư tưởng Khổng giáo giống như những người bị chìm bấu víu vào mảnh ván lềnh bềnh"(8).

Nguyễn An Ninh nhận thấy điều này cũng dễ giải thích, vì muộn nhất là từ đế chế nhà Hán, cùng với những đội quân xâm lược và bộ máy đô hộ, các triều đại quân chủ phương Bắc đã biến học thuyết Khổng Tử thành "món hàng xuất khẩu" sang nước ta, mà kẻ tiếp nhận trước tiên và trực tiếp lại chính là một bộ phận "thượng lưu trí thức" trong xã hội Việt Nam truyền thống.

https://tieulun.hopto.org

Nguyễn An Ninh cho rằng "món hàng xuất khẩu từ phương Bắc" này không thể gọi là một thành tựu văn hóa thực sự, mà chỉ là "cái gọi là văn hóa" hay cái "có vẻ là văn hóa" (semblant de culture), "nó là nguyên nhân sinh ra tính tự cao tự đại, tự túc tự mãn phổ biến trong các nhà nho, nó hạ thấp trình độ trí tuệ" và cuối cùng là bằng lòng với những mảnh "hạnh phúc con con", chấp nhận trật tự xã hội theo cách sắp xếp của nhà nước quân chủ(9).

Và Nguyễn An Ninh kết luận: "Trật tự với bất cứ giá nào, dù cho phải làm liệt bại cuộc sống, đó là cái di sản nặng nề của học thuyết Khổng Tử. Và ngày nay không còn có ai không trông thấy tư tưởng Khổng giáo đưa dẫy tới đâu: tới sự thống nhất và hài hòa mà tư tưởng Khổng giáo đã thực hiện được bằng sự bó buộc, bằng những áp lực đến nỗi làm cho con người - đặc biệt là con người Việt Nam - trở thành những kẻ không có sức sống ở đâu khác hơn là trong cái môi trường hẹp hòi ngột ngạt, giống như những con cá quen sống trong nước bùn, hễ đem chúng để vào chỗ nước trong thì chúng chết mất"(10). Đúng như GS.Trần Văn Giàu đã viết: Nguyễn An Ninh là nhà Tây học đầu tiên của Sài Gòn và Việt Nam "đã dấm cho Khổng giáo mấy quả dấm kinh hồn"(11).

Nguyễn An Ninh thẳng thắn phê phán những ý kiến cho rằng phải lấy Khổng học cổ truyền làm nền tảng cho văn hóa dân tộc: "Bên Trung Hoa có nhiều học phái lớn, có nhiều tác gia lớn góp phần giáo hóa người Trung Hoa. Nhưng ở nước Việt Nam, theo chỗ tôi biết thì các nhà Hán học chỉ biết có Nho giáo,

https://tieulun.hopto.org

chỉ biết có trường phái Khổng Tử mà thôi(...) Nhà nho xứ ta được đào tạo theo tư tưởng Khổng giáo, nhưng lại không đặt mình vào tấm da của những tác giả mình đọc, mà lại "Khổng giáo hóa" tất cả những cái gì mà họ dụng tới, và bằng cách đó thường biến đổi theo tư tưởng chật hẹp của họ tất cả những gì làm căn cứ duy nhất của những tư duy cao cả"(12).

Từ một cách nhìn như trên về vai trò và tác dụng của Khổng giáo ở Việt Nam, Nguyễn An Ninh đặt hy vọng vào thế hệ thanh niên trong việc *bảo vệ và phát huy di sản văn hóa dích thực của dân tộc*. Ông kêu gọi thanh niên, trí thức "phải tìm cho được một di sản trí tuệ vững chắc có thể dùng làm tảng đá gốc để thực hiện mơ ước của chúng ta(...), không thể trông cậy vào Nho giáo cổ truyền được. Các cụ nhà nho đã chẳng bám vào tư tưởng Nho giáo như người chết đuối bám vào rơm rác hay sao?"(13).

✕

Ngày nay trước những biến đóng lớn của thế giới và những chuyển biến mạnh mẽ, đầy triển vọng nhưng còn không ít khó khăn của Việt Nam thời mở cửa, có người lại cho rằng một thiệt thòi lớn của dân tộc là đã "đánh mất nền tảng Khổng giáo", đánh mất chữ Hán do quốc ngữ "bị la-tinh hóa"(!).

Phải chăng những ý kiến của Nguyễn An Ninh về Khổng giáo cách đây 70 năm vẫn còn ý nghĩa thực tiễn, đáng được chúng ta quan tâm tham khảo ? (14).

https://tieulun.hopto.org

(1) Xin tham khảo: - Notre rêve - *La Cloche Fêlée*, N°8(1924)

- L' Idéal de la Jeunesse Annamite - *La Cloche Fêlée*. N^OS 5,6 (7/1 -14/1/1924).

- La France en Indochine - *La Cloche Fêlée*, N^OS 20, 21 (1925).

Tôn giáo - Bộ "Sạo Mai" cuốn nhứt, in lần thứ nhứt. Sài Gòn, 1932. Ký hiệu thư viện Quốc gia: P6-14048.

- *Phê bình Phật giáo* - Đông Phương Thư xã, 1938.

(2)(3)(8)(9)(10)(12)(13) *L'Idéal de la Jeunesse Annamite* (đã dẫn).

(4)(5)(6)(7) *Tôn giáo* (đã dẫn).

(11) Trần Văn Giàu - *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám - Tập II: Hệ tư sản và sự thất bại của nó trước các nhiệm vụ lịch sử* _ NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1975.

(14) Tham luận tại *Lễ kỷ niệm lần thứ 50 ngày Nguyễn An Ninh qua đời (1943-1993)* do Ban Khoa học Xã hội Thành ủy và Bảo tàng Cách mạng TP. Hồ Chí Minh tổ chức.

https://tieulun.hopto.org

CÓ MỘT NỀN ĐẠO LÝ VIỆT NAM

ĐỘC LẬP : ĐẠO LÝ CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM.

Giới sử học Việt Nam cũng như nước ngoài có chung nhận xét rằng: một đặc điểm nổi bật của lịch sử Việt Nam là lịch sử một dân tộc chống ngoại xâm triền miên để giành giữ độc lập. Kể từ cuộc kháng chiến chống quân Tần đến cuộc chống Mỹ, trong vòng 22 thế kỷ, nhân dân Việt Nam đã tiến hành 15 cuộc chiến tranh bảo vệ và giải phóng đất nước với 12 lần chiến thắng (ba lần thất bại là thời Thục Phán chống Triệu Đà cuối thế kỷ 2 trước Công nguyên, thời Hồ Quý Ly chống quân Minh đầu thế kỷ 15 và thời Nguyễn đầu hàng Pháp từ giữa thế kỷ 19, biến Việt Nam thành thuộc địa Pháp ngót một thế kỷ).

Nhưng điều quan trọng chưa hẳn là đếm xem có bao nhiêu lần kháng chiến mà là ở tính chất ác liệt của chiến tranh. Trong hầu hết các trường hợp những nước đi chinh phục lớn mạnh hơn

https://tieulun.hopto.org

Việt Nam gấp bội. Đó là những đế chế Hán, Đường, Tống, Minh, Thanh, đặc biệt là đế quốc Nguyên-Mông từng làm mưa làm gió từ Á sang Âu. Đó là các cường quốc Pháp, Nhật, Mỹ có nền công nghiệp và kỹ thuật quân sự cao. Cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập của nhân dân Việt Nam, do vậy, đã diễn ra trong tương quan lực lượng rất chênh lệch, trong những điều kiện chiến đấu vô cùng khắc nghiệt, mà cuộc chống Mỹ vừa qua được coi như cuộc chiến tranh khốc liệt chưa từng thấy trong lịch sử Việt Nam.

Chiến tranh bao giờ cũng là thử thách toàn diện nhất đối với sức sống của một dân tộc, và đã có không ít nhà nghiên cứu đặt vấn đề tìm hiểu thực chất của "sức sống Việt Nam" là gì ?

Giải đáp vấn đề trên, không thể không ngược về lịch sử mấy ngàn năm của người Việt Nam, hay như cách đặt vấn đề của Ban tổ chức Hội thảo này : "Việc tìm hiểu Việt Nam hôm nay đòi hỏi chúng ta phải đi sâu nghiên cứu cội nguồn dân tộc, lịch sử và văn hóa của Việt Nam".

Trong di sản hàng thiên niên kỷ của dân tộc Việt Nam, hẳn rằng bên cạnh những mặt hạn chế có chứa đựng nhiều nhân tố tích cực, tạo thành những truyền thống quý báu của con người Việt Nam trải qua các thế hệ. Cho đến hôm nay, giới nghiên cứu ở Việt Nam cũng như các nhà Việt Nam học ở nước ngoài - kể cả nước Mỹ - đều ghi nhận nhân dân Việt Nam cần cù, thông minh, nhân dân Việt Nam có tinh thần độc lập tự chủ, nhân dân Việt Nam khiêm tốn, rộng lượng, hiếu khách... như bất cứ dân tộc nào khác trên hành tinh này. Nhưng nếu cần rút ra một nét

https://tieulun.hopto.org

đặc trưng của mọi di sản Việt Nam, hay nói cách khác : cái tinh túy nhất của mọi truyền thống tạo nên sức sống, thì chúng tôi nghĩ rằng có lẽ đó là một nền *đạo lý Việt Nam*, một đạo lý xuyên suốt cội nguồn lịch sử cho đến hôm nay.

Có thể nói : từ buổi đầu dựng nước cách đây hơn 2000 năm, người Việt Nam đã tự xây dựng một cuộc sống tinh thần phong phú bắt nguồn từ ý thức cộng đồng. Trải qua cuộc vật lộn với thiên nhiên và chống đỡ các cuộc chinh phục ngoại bang, ý thức cộng đồng được nâng lên thành ý thức dựng làng dựng nước.

Từ thời đại các vua Hùng, bằng thực tiễn cuộc sống, người Việt Nam đã chung đúc nên những nhân tố cơ bản của một nền đạo lý truyền thống, và đó cũng chính là thực chất của "sức sống Việt Nam". Bước vào những thế kỷ đầu Công nguyên, khi các đế chế quân chủ từ phương Bắc đến chinh phục và mưu toan "đồng hóa", thì trong cuộc chống trả quyết liệt suốt cả ngàn năm, người Việt Nam không phải chỉ có hai bàn tay trắng mà có tất cả sức nặng của một nền đạo lý cổ truyền.

Không có một lẽ sống, một đạo lý vững chắc, không có một sinh lực vô tận ứng phó với mọi thử thách để tồn tại, nhân dân Việt Nam làm sao có thể thoát nổi 1000 năm Bắc thuộc cay nghiệt, nói gì đến việc thoát ra được mà "mình vẫn là mình"! Nền đạo lý đó, trải nhiều thế kỷ, gắn chặt với tình cảm và trí tuệ của mỗi người Việt Nam, đã sống dậy cao đẹp bội phần trong thời đại HỒ CHÍ MINH, chung đúc nên lẽ sống KHÔNG CÓ GÌ QUÝ HƠN ĐỘC LẬP TỰ DO của người Việt Nam thế kỷ hai mươi.

https://tieulun.hopto.org

Nhân dân Việt Nam kiên cường bất khuất trong giành giữ độc lập nhưng không "hiếu thắng", càng không "hiếu chiến". Dân tộc Việt Nam, cũng như bao dân tộc khác, tha thiết cuộc sống yên lành để dựng xây. Phải chiến đấu để bảo vệ độc lập, nhưng đạt được mục đích rồi thì chủ động tái tạo hòa hiếu. Thời Lê Lợi, Nguyễn Trãi cấp thuyền bè, lương thực cho quân Vương Thông về nước. Thời Quang Trung, sau khi dẩy lui quân Tôn Sĩ Nghị thì chủ động mở cửa biên giới cho nhân dân hai nước giao lưu...

Cuộc chống Pháp kết thúc bằng Điện Biên Phủ cũng vậy. Cuộc chống Mỹ kết thúc bằng chiến dịch Hồ Chí Minh cũng vậy. Nhà sử học Pháp Georges Boudarel, trong một bài viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh, cho rằng : "Nếu từ năm 1945 đến khi Người qua đời năm 1969, Hồ Chí Minh đã luôn luôn lãnh đạo một đất nước có chiến tranh, thì đó là chiến tranh tự vệ, miễn cưỡng... Người đã làm tất cả để tránh cuộc chiến tranh ấy. Nhưng đó lại là một câu chuyện khác..., là lịch sử những cơ hội bị bỏ lỡ của phương Tây, một phương Tây phải mất 30 năm để hiểu thế nào là kẻ yếu thắng kẻ mạnh"(1).

Nói riêng về cuộc chống Pháp, nhà sử học Mỹ Joseph Buttinger cũng cho rằng đó là một cuộc chiến tranh "bất đắc dĩ, muốn tránh mà không được, đành phải chấp nhận để tự cứu". Tác giả phân tích : "Phía Việt Nam cho rằng chiến tranh sẽ không xẩy ra nếu phía Pháp không khư khư đòi lập lại chế độ thực dân của họ đã bị thanh toán vào cuối thế chiến thứ 2 do cuộc cách

https://tieulun.hopto.org

mạng dân tộc của người Việt Nam - chứ không phải do người Nhật như phía Pháp vẫn thường nói. Hành động của Việt Minh ngày 19-12-1946 có thể ví như hành động của một người đang bị treo, buộc phải cắt đứt sợi dây vì biết rõ sợi dây kia sắp siết cổ mình"(2).

Vậy thì cuộc chống Pháp cũng như cuộc chống Mỹ của nhân dân Việt Nam vì độc lập dân tộc đồng thời bao hàm ý nghĩa giải phóng con người và xã hội, phù hợp xu thế thời đại và ý nguyện của mọi dân tộc trên thế giới, đúng như nhận xét của J.Buttinger: "Chính nghĩa độc lập mà người Việt Nam theo đuổi trong cuộc chiến đấu (chống Pháp) là một mục tiêu cao quý và phù hợp với trào lưu tiến bộ của lịch sử". J.Buttinger cũng tiếc mãi "những cơ hội bị bỏ lỡ của phương Tây" khi lý giải cuộc chiến 1945-1954: "Trên bình độ lịch sử, trách nhiệm gây ra chiến tranh Đông Dương trước hết là những người lãnh đạo tự xưng là nước Pháp tự do, đặc biệt là tướng De Gaulle, người có quyền lực để có thể phá bỏ mọi mưu toan của phái thực dân ở Pháp năm 1945 (...), ông đã góp phần nhiều nhất vào việc làm cho hội nghị Fontainebleau thất bại với bài diễn văn của ông :"Nước Pháp là một đại cường quốc nếu nó kết hợp được với những lãnh thổ hải ngoại mà nó đã khai hóa. Không có những lãnh thổ đó, nước Pháp có nguy cơ không còn là một đại cường quốc nữa!"(3).

Với cuộc chống Mỹ tiếp theo đó, một lần nữa sự thực lịch sử chứng minh rằng dân tộc Việt Nam căm ghét mọi ý đồ chinh phục và buộc phải đứng lên tự vệ, nhưng luôn biết tranh thủ

https://tieulun.hopto.org

những khả năng để mở rộng vòng tay đón nhận thiện chí từ mọi phía. Nhân dân Việt Nam tuyệt đối không có hận thù, và đây cũng là một nét đặc sắc của đạo lý Việt Nam.

ĐỘC LẬP ĐỂ HỒI SINH - MỞ CỬA ĐỂ ĐỔI MỚI.

Lịch sử Việt Nam hơn 10 thế kỷ qua cho thấy : đất nước không thể hồi sinh khi chưa có độc lập. Những cuộc hồi sinh của dân tộc Việt Nam ở thời Lý-Trần (thế kỷ 11-13), ở thời Lê sơ (thế kỷ 15) và cuộc chuyển mình ở thời Quang Trung (cuối thế kỷ 18) là những nỗ lực "đổi mới" của dân tộc sau khi đã trút bỏ được ách đô hộ hoặc đã đẩy lùi các cuộc chinh phục. Còn như trong hoàn cảnh đang mất nước hoặc đang tiến hành chiến tranh giải phóng thì nhiều lắm cũng chỉ là cố gắng hạn chế những xáo trộn nặng nề của chiến tranh để tồn tại và kiên trì cuộc chiến đấu, phải dám chấp nhận những thử thách, hy sinh ghê gớm, làm gì có điều kiện để xây dựng, để hồi sinh !

Trong vòng 100 năm dưới chế độ thuộc địa của Pháp, trên đất nước này đã diễn ra ít nhất ba đợt sóng đấu tranh giành độc lập kế tiếp nhau, tiêu biểu cho ba thế hệ Việt Nam. Đó là phong trào "Cần Vương" những thập niên cuối thế kỷ 19, là phong trào "Duy Tân" những thập niên đầu thế kỷ 20, và cuối cùng là phong trào cách mạng mang nội dung "tư sản dân quyền" do Đảng cộng sản lãnh đạo.

https://tieulun.hopto.org

Thời gian thực dân Pháp lần lượt chiếm 6 tỉnh Nam Kỳ (từ 1859) rồi chuẩn bị kéo ra đánh chiếm Bắc Kỳ (1873), đã có nhiều người đề xuất những chủ trương, kế hoạch "canh tân" đất nước, tiêu biểu là Nguyễn Trường Tộ với ngót 40 bản "điều trần", hy vọng gây dựng lại tiềm lực dân tộc, khai thác tài nguyên, mở mang việc học..., đặc biệt là những đề nghị "mở cửa" để giao lưu với nước ngoài, học hỏi khoa học kỹ thuật tân tiến... Tiếc rằng triều đình Tự Đức với nhãn quan cạn hẹp, không tiếp nhận nổi cách tư duy của những người muốn canh tân đất nước.

Sau thất bại của phong trào "Cần Vương", trong bối cảnh thế giới bước sang thế kỷ 20, nhân dân Việt Nam nhiều lần cố gắng thể nghiệm những biện pháp "canh tân ", những "sách lược cách mạng", mà nét chủ yếu là kết hợp đấu tranh giành độc lập với đấu tranh giành quyền dân chủ. Đó là các hoạt động của "Duy Tân hội" lần đầu tiên đề cao quyền của người dân :"Người dân ta, của dân ta, dân là của nước, nước là của dân"(Phan Bội Châu), kêu gọi cải cách xã hội, nâng cao dân trí, phát triển công thương nghiệp. Đó là "Đông Kinh nghĩa thục", một phong trào sôi nổi kết hợp đấu tranh chính trị với vận động văn hóa "dân tộc, dân chủ", cổ vũ nhân tài, chấn hưng công nghệ, khích lệ việc mở thương quán, lập thương hội... Nhưng đợt sóng này đã kết thúc với "phong trào chống thuế"(1908) do sự đàn áp khốc liệt của chính quyền thuộc địa.

Từ những bài học chua xót của cha anh, một thế hệ mới lại xuất hiện với những cố gắng mới, mà cái mốc đầu tiên là *Bản yêu sách 8 điểm* của Nguyễn Ái Quốc gửi Hội nghị Versailles

https://tieulun.hopto.org

(6-1919) đòi thực hiện quyền tự do dân chủ chính đáng cho người bản xứ, từ việc cải cách pháp lý, quyền tự do báo chí, đi lại, lập hội, xuất dương... đến quyền tiếp thu khoa học kỹ thuật, quyền cử đại biểu bản xứ thường trực bên cạnh Nghị viện Pháp v.v...

Vào đầu những năm 20, giữa thủ đô Paris lại xuất hiện tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Nguyễn Ái Quốc, mà thực chất là một bản "Tuyên ngôn về quyền con người" của nhân dân các dân tộc khắp các châu lục đang rên xiết dưới chế độ thực dân. Riêng đối với Việt Nam, *Bản án*... của Nguyễn Ái Quốc còn có ý nghĩa chuẩn bị tinh thần cho cuộc đấu tranh chống thực dân khẩn trương đi vào quỹ đạo của thời đại mới, mà nội dung sẽ được khẳng định mấy năm sau trong Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (1930).

Từ năm 1936, những yêu cầu về "dân sinh, dân chủ" đã trở thành mục tiêu cấp bách của Mặt trận Dân chủ Đông Dương, đặc biệt sôi động trong phong trào "Đông Dương đại hội" với hàng loạt yêu sách về quyền con người (ngày làm 8 giờ, cứu tế thất nghiệp, nam nữ bình đẳng...)

Tuy nhiên, mọi cố gắng của các thế hệ Việt Nam hồi cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, từ những chủ trương của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh -kể cả "Bản yêu sách" của Nguyễn Ái Quốc - cho đến những phong trào cách mạng mang nội dung "tư sản dân quyền" từ sau năm 1930, về thực chất vẫn chỉ là những cố gắng vươn mình kịp với trào lưu thời đại để tìm biện pháp cứu nước, không phải là những dấu hiệu của "hồi sinh" hay những đề án

https://tieulun.hopto.org

dựng nước. Câu tục ngữ Việt Nam "Nước mất nhà tan" bao hàm ý nghĩa này.

Giành được độc lập rồi, muốn nhanh chóng hồi sinh thì nhất thiết phải "đổi mới", phải thực sự đổi mới. Chúng tôi không có ý định "hiện đại hóa" lịch sử, vì thực ra khái niệm "đổi mới" không xa lạ với tư duy của người Việt Nam từ nhiều thế kỷ.

Nhưng có lẽ chưa có thời kỳ nào trong lịch sử của mình, nhân dân Việt Nam thiết tha "đổi mới" như hôm nay. Điều này cũng dễ hiểu, vì chừng mực nào những con người yêu hòa bình và công lý trên trái đất còn phấn đấu không mệt mỏi vì "nhân phẩm", vì "nhân quyền", vì "công bằng xã hội" thì hẳn là đồng cảm sâu sắc với nhân dân Việt Nam, một nhân dân trải qua bao đau thương gian khổ để giành độc lập trong hơn thế kỷ, đặc biệt trong ba thập niên chống Pháp, chống Mỹ vừa qua. Nhân dân đó, dân tộc đó xứng đáng phải được sống trong một xã hội đổi mới để hồi sinh.

Có lẽ ở quốc gia nào cũng vậy, trong những cuộc "hồi sinh", vai trò quyết định bao giờ cũng là nhân dân. Nền đạo lý cổ truyền Việt Nam đặc biệt nhấn mạnh "cộng đồng" cũng tức là vai trò của quần chúng nhân dân. Trần Hưng Đạo nhắc nhở vua Trần "khoan thư sức dân để làm kế bền gốc sâu rễ, đó là thượng sách giữ nước". Hoặc như Nguyễn Trãi: "Đẩy thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân". Dân yên thì nước mới yên. Nhân bàn việc soạn lễ nhạc, Nguyễn Trãi nói với vua: "Hòa bình là gốc của nhạc... Nguyện xin Bệ hạ yêu thương nuôi dưỡng dân đen để nơi

https://tieulun.hopto.org

làng xóm thôn quê không còn có tiếng sầu than oán giận. Như vậy mới không trái với căn bản của nhạc". Xuất phát từ nền tảng đạo lý đó, dân tộc Việt Nam trong sự nghiệp giành giữ độc lập đã tạo được những chiến thắng tựa hồ những huyền thoại. Vả chăng, như một nhà văn Việt Nam đã viết: "Không có huyền thoại nào lại thiếu bóng dáng của nhân dân." Cho nên phương châm "lấy dân làm gốc" không phải là điều mới mẻ đối với lịch sử Việt Nam, mà chính là sự vận dụng trung thành di sản đạo lý của người Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

Dân tộc Việt Nam trong cuộc "đổi mới để hồi sinh" đương nhiên phải tìm kiếm cho mình một hướng đi có hiệu quả nhất, và đây không phải là công việc dễ dàng, đơn giản, nhất là ở thập niên cuối cùng này của thế kỷ 20. Nhưng Việt Nam từng có một bề dày lịch sử chống nô dịch ngoại bang. Đặc biệt trong hơn thế kỷ vừa qua, người Việt Nam hiểu rõ thực chất của chính quyền thực dân, hiểu rõ thế nào là thân phận một nước thuộc địa, thế nào là máy bay B52 với bom napalm và chất độc hóa học, từ đó mà có được vốn kinh nghiệm cần thiết cho sự *định hướng* của mình vượt qua thử thách thời đại.

Định hướng đó thực ra không có gì khác hơn là ý nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi Người nhấn mạnh lần cuối trong *Di chúc*: "Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất độc lập, dân chủ và giàu mạnh". Và "điều mong muốn cuối cùng" đó của Hồ Chí Minh - con đẻ của dân tộc Việt Nam, sản phẩm chân chính của lịch sử, của thời đại - đang trở thành bản lĩnh và

https://tieulun.hopto.org

quyết tâm của những thế hệ Việt Nam chuẩn bị sự chuyển mình mạnh mẽ bước sang thế kỷ mới, cũng phù hợp với ý nguyện của mọi con người ở mọi nơi đang đấu tranh cho công bằng và hữu nghị. Hẳn rằng cũng xuất phát từ ý nguyện đó, mà trong Hội thảo Quốc tế năm 1990 tại Hà Nội nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh Hồ Chí Minh, một phụ nữ người Mỹ, một nhà khoa học - bà Muller - mở đầu bài tham luận của bà: "Tôi là một người Mỹ, một người Mỹ độc lập. Vì Hồ Chí Minh mà tôi phải sống trên thế giới này. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng là Chủ tịch của chúng tôi".

Đã là "định hướng" thì không phải là công thức xơ cứng. Và một định hướng xuất phát từ lịch sử giành giữ độc lập vừa vinh quang vừa gian khổ, một định hướng trên cơ sở nhận thức mới ngang tầm trí tuệ thời đại của những thế hệ Hồ Chí Minh hôm nay chắc chắn sẽ từng bước khắc phục được thiếu sót, sai lầm của chính mình. Tư duy Việt Nam cũng có lúc không tránh khỏi giáo điều, duy ý chí dẫn đến trì trệ, thâm chí khủng hoảng; và đó là những sự thật khắc nghiệt. Nhưng lịch sử hàng ngàn năm qua đồng thời cũng chứng tỏ rằng tư duy Việt Nam *về cơ bản là một loại tư duy rất linh hoạt, biết kết hợp nhận thức mới với sự khôn ngoan của tổ tiên nhằm đạt mục tiêu đã định hướng.*

✻

Việt Nam hôm nay, muốn đổi mới cần có nhiều yếu tố, nhiều điều kiện. Nhưng theo chúng tôi, một trong những yếu tố cơ bản là phải "mở cửa".

https://tieulun.hopto.org

Thực ra, đây là vấn đề khá lý thú của lịch sử Việt Nam, từng được đặt ra từ mấy thế kỷ trước, ít nhất là từ thế kỷ 18; và những cố gắng của các thế hệ thời Quang Trung trên thực tế đã hé mở lối thoát cho xã hội Việt Nam khắc phục tình trạng trì trệ hàng thế kỷ.

Bước sang thế kỷ 19, xu thế xã hội với những yêu cầu bức xúc vẫn tiếp tục đặt ra như ở thế kỷ trước, thậm chí cấp bách hơn. Tiếc rằng triều Nguyễn từ Gia Long đến Tự Đức đã áp đặt trở lại chế độ "quân điền" lỗi thời, tiếp tục trói buộc nông dân trong cơ chế sở hữu ruộng đất lớn của nhà vua, mặc khác trở lại chính sách "ức thương" và "bế quan tỏa cảng", trên thực tế là đóng sập cánh cửa vừa được Quang Trung hé mở.

Từ những năm 70, 80 của thế kỷ 19, song song với việc "bình định", người Pháp thiết lập chế độ thuộc địa ở Việt Nam trên cơ cấu xã hội thời các vua Nguyễn, mà thực chất là tiếp tục trói chặt nông dân vào ruộng đất làng xã, biến Việt Nam thành nơi cung cấp nguyên liệu, bóc lột nhân công và kìm hãm sự vươn lên của tầng lớp công thương bản xứ. Như nhận xét của một nhà sử học: "Chính sách khai thác thuộc địa Việt Nam của người Pháp là một chính sách cướp bóc trắng trợn bằng phương pháp bóc lột tư bản chủ nghĩa kết hợp chặt chẽ với các hình thức bóc lột dã man thời trung cổ"(4).

Cách mạng tháng Tám (1945) thành công, chấm dứt chế độ thuộc địa ngót một thế kỷ của Pháp, mở ra khả năng cho một cuộc hồi sinh mới, thì nhân dân Việt Nam lại phải liên tiếp đương

https://tieulun.hopto.org

đầu với hai cuộc chiến (chống Pháp và chống Mỹ) kéo dài suốt 30 năm !

Như vậy thì phải chăng cho mãi đến năm 1975 nhân dân Việt Nam mới thực sự có điều kiện để bắt tay vào công cuộc hồi sinh đất nước ? Và nếu vậy thì bên cạnh những yêu cầu "đổi mới" cấp bách hôm nay, các thế hệ Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh còn có nhiệm vụ tháo gỡ những vướng mắc lịch sử - tàn dư của cơ cấu xã hội cũ - mà các thế hệ Quang Trung chỉ mới đi những bước đầu dang dở ? Hay nói cách khác: phải chăng vấn đề "đổi mới để hồi sinh" trong thập niên cuối cùng này của thế kỷ 20 ở Việt Nam có mối *liên hệ lịch sử* với những vấn đề đã từng được đặt ra hơn 200 năm trước ? Và bên cạnh thực tiễn của thời đại, hẳn rằng những kinh nghiệm thời Quang Trung vẫn còn không ít ý nghĩa đối với Việt Nam hôm nay.

Đương nhiên do nhiều nguyên nhân chi phối, trong đó có hậu quả nặng nề của 30 năm chống Pháp, chống Mỹ, Việt Nam chưa kịp thời tận dụng những tiềm năng chủ quan và những nhân tố tích cực của xu thế thời đại để bật lên một cách vững chắc, đáp ứng yêu cầu " mở cửa để đổi mới" và có một định hướng sớm hơn năm 1986. Đó là một sự chậm trễ đáng tiếc, càng đáng tiếc hơn là sau 15 năm kết thúc cuộc chống Mỹ vẫn chưa có quan hệ bình thường giữa Việt Nam và Mỹ. Nhân dân Việt Nam kiên trì chiến đấu hy sinh vì độc lập, hòa bình nhưng sẵn sàng "quên đi những việc đã qua", và đây cũng là một kinh nghiệm trong lịch sử bang giao Việt Nam.

https://tieulun.hopto.org

Nhìn về tương lai mươi, mười lăm năm tới, với quyết tâm ổn định vững chắc mọi mặt đời sống trong chặng đường đầu và chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần, Việt Nam phải phấn đấu thực hiện tốt công cuộc "mở cửa để đổi mới", cụ thể là xây dựng có hiệu quả "hệ thống kinh tế mở" (đối với trong nước và thị trường thế giới), tạo cơ sở cho sự phát triển nhanh hơn khi bước vào những thập niên đầu thế kỷ 21.

Triển vọng đó, ngoài nỗ lực chủ quan tìm kiếm một mô hình xã hội chủ nghĩa bằng nhận thức mới, nhân dân Việt Nam hết sức trân trọng sự ủng hộ, hưởng ứng của nhiều nước trên thế giới, nhất là phía Mỹ, mà những cuộc tiếp xúc cấp cao giữa Việt Nam và Mỹ vừa qua là dấu hiệu đáng khích lệ. Hẳn rằng đó cũng là thiện chí và trách nhiệm của nhân dân Mỹ, của các nhà kinh doanh Mỹ, đặc biệt là các nhà khoa học Mỹ (5)

---

(1) G.Boudarel - "Ho Chi Minh" - trong *Hommes d' état d' Asie et leur politique* - Paris, 1980 (nhiều tác giả).

(2)(3) J.Buttinger - *Vietnam: a dragon embattled* - London, 1967.

(4) *Lịch sử Việt Nam*, Tập II (nhiều tác giả) - Hà Nội. 1985.

(5) Tham luận tại *Hội thảo về Việt Nam* với Hội đồng trao đổi Giáo dục Mỹ (C.I.E.E) do trường đại học Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh chủ trì (7-12/1/1991).

https://tieulun.hopto.org

SÁCH VÀ BÀI VIẾT CÙNG MỘT TÁC GIẢ

SÁCH

* LỊCH SỬ VIỆT NAM (Thế kỷ X - Thế kỷ XIV) - Đại học Sư phạm Hà Nội, 1963.

* CÔNG TÁC NGOẠI KHÓA MÔN SỬ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG - NXB Giáo dục, Hà Nội, 1969 (viết chung với Phan Ngọc Liên và Trần Văn Trị).

* LỊCH SỬ VIỆT NAM (Thế kỷ XVIII - giữa thế kỷ XIX) - NXB Giáo dục, 1971.

* LỊCH SỬ VIỆT NAM, LỚP 11 - NXB Giáo dục, 1978 (viết chung với Trương Hữu Quýnh và Hồ Song).

* LỊCH SỬ VIỆT NAM (Thế kỷ XV - giữa thế kỷ XIX) - NXB Giáo dục, Hà Nội, 1980 (viết chung với Trương Hữu Quýnh và Nguyễn Cảnh Minh).

* THƯ MỤC VỀ PHONG TRÀO TÂY SƠN (Phần thư mục tiếng Pháp) - Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Tiền Giang xuất bản, 1985 (soạn chung với một số tác giả).

* PHONG TRÀO NÔNG DÂN VIỆT NAM NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX - NXB Khoa học Xã hội Hà Nội, 1986.

* THÊM MỘT SỐ TƯ LIỆU VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC Ở PHÁP, 1917-1923 - NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1988.

* KHỞI NGHĨA TRƯƠNG ĐỊNH - NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1989. (viết chung với Lê Hữu Phước).

* CUỘC KHỞI BINH LÊ VĂN KHÔI Ở GIA ĐỊNH (1833-1835) - NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1991.

https://tieulun.hopto.org

* KỶ ĐỒNG NGUYỄN VĂN CẨM - NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1993.

* LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN 1858 (Tập I và Tập II) - Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 1993. (viết chung với Võ Xuân Đàn)

BÀI VIẾT VÀ TƯ LIỆU

* *Đánh giá những cải cách và thất bại của Hồ Quý Ly* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 28 (tháng 7,1961).

* *Mấy vấn đề dòng họ, gia đình và cuộc đời Nguyễn Trãi* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 195 (tháng 11,12-1980) (viết chung với Phan Huy Lê).

* *Trở lại vấn đề dòng họ Nguyễn Trải* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 195 (tháng 11,12-1980) (viết chung với Phan Huy Lê).

* *Vài ý kiến về nhân vật Nguyễn Công Trứ* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 182 (tháng 9,10-1978)(viết chung với Nguyễn Danh Phiệt).

* *Xung quanh vấn đề Nho giáo và đạo lý truyền thống của dân tộc* - Tạp chí TRIẾT HỌC, Số 21 (tháng 2-1978).

* *Khởi nghĩa Vũ Đình Dung* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 216 (Tháng 5,6-1984)(viết chung với Hoàng Đình Chiến).

* *Khởi nghĩa Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 219 (tháng 11,12-1984).

* *Mấy ý kiến về Phong trào nông dân Tây Sơn* - Tạp Chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 35 (tháng 2-1962).

* *Sự nghiệp thống nhất đất nước của Phong trào Tây Sơn* - KỶ YẾU HỘI NGHỊ KHOA HỌC - Viện KHXH tại TP Hồ Chí Minh, 1976.

https://tieulun.hopto.org

* *Báo cáo tổng luận Hội nghị khoa học kỷ niệm 200 năm Chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút* - KỶ YẾU HỘI NGHỊ KHOA HỌC - Tỉnh ủy Tiền Giang xuất bản, 1984.

* *Về tình hình ruộng đất thời Tây Sơn* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 45 (tháng 12-1962).

* *Vài suy nghĩ khi đọc "Mấy tài liệu về ruộng đất công làng xã dưới triều Tây Sơn" của Nguyễn Đức Nghinh* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 180 (tháng 5,6-1978).

* *Tìm hiểu chế độ lao dịch và binh dịch dưới triều Gia Long* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 78 (tháng 9-1965).(viết chung với Đặng Huy Vận).

* *Tìm hiểu tình hình đấu tranh giai cấp thời Gia Long* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 78 (tháng 9-1965).(viết chung với Đặng Huy Vận).

* *Một điển hình của phong trào nông dân dưới triều Nguyễn: khởi nghĩa Phan Bá Vành* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 86 (tháng 5-1966).(viết chung với Đặng Huy Vận và Chu Thiên).

* *Tìm hiểu thêm cuộc khởi nghĩa Phan Bá Vành* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 188 (tháng 9,10-1979) (viết chung với Nguyễn Tiến Đoàn và Nguyễn Cảnh Minh).

* *Khởi nghĩa Ba Nhàn, Tiền Bốt chống triều Nguyễn ở trung du Bắc Bộ* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 187 (tháng 7,8-1979).

* *Khởi nghĩa Nông Văn Vân ở Bảo Lạc* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 164 (tháng 9,10-1975).(viết chung với Lê Xuân Liên, Nguyên Văn Thạc).

* *Khởi nghĩa Nông Văn Vân ở huyện Chợ Rã* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 181 (tháng 7,8-1978)(viết chung với Đỗ Trung Đan).

* *Khởi nghĩa Nông Văn Vân ở Cao - Lạng* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 199 (tháng 7,8-1981).

https://tieulun.hopto.org

* *Khởi nghĩa Nông Văn Vân ở Hà Tuyên* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 210 (tháng 5,6-1983).

* *Nhân dân các dân tộc Việt Bắc với Khởi nghĩa Nông Văn Vân* - THÔNG BÁO KHOA HỌC - Viện Dân tộc học, 1979.

* *Tìm hiểu mối quan hệ giữa hai cuộc khởi nghĩa Lê Văn Khôi và Nông Văn Vân* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 196 (tháng 1,2-1981)

* *Tìm hiểu một điểm liên quan đến cuộc khởi nghĩa Lê Văn Khôi: vấn đề Lê Văn Duyệt* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 105 (tháng 12-1967)(viết chung với Đặng Huy Vân và Chu Thiên).

* *Thêm mấy điểm về cuộc bạo động Lê Văn Khôi* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 147 (tháng 11,12-1972).

* *Vấn đề Cố Du (Marchand) trong cuộc bạo động Lê Văn Khôi* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 158 (tháng 9,10-1974).

* *Thành Gia Định* - Tạp chí KHẢO CỔ HỌC, Số 4-1983. (viết chung với Đỗ Văn Ninh).

* *Khởi nghĩa Lâm Sâm ở Lạc Hòa, tỉnh Cửu Long* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 211 (tháng 7,8-1983).

* *Khởi nghĩa Ba Xuyên, tỉnh Hậu Giang* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 212 (tháng 9,1-1983).

* *Khởi nghĩa ở Thất Sơn, tỉnh An Giang* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 213 (tháng 11,12-1983).

* *Khởi nghĩa Hà Âm - Hà Dương, tỉnh Kiên Giang* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 215 (tháng 3,4-1984).

* *Khởi nghĩa Lê Duy Lương* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 224 (tháng 9,10-1985).

* *Khởi nghĩa Đá Vách* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 225 (tháng 11,12-1985).

https://tieulun.hopto.org

* *Về vấn đề yêu sách ruộng đất trong phong trào nông dân Việt Nam thời phong kiến* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 91 (tháng 10-1966).

* *Đánh giá phong trào nông dân khởi nghĩa ở nửa đầu thế kỷ XIX* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 61 (tháng 4-1964).

* *Thêm vài suy nghĩ về phong trào nông dân nửa đầu thế kỷ XIX* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 227 (tháng 3,4-1986).

* *Le mouvement paysan vietnamien (lère moitié du XIX è siècle)* - CAHIERS D' ÉTUDES VIETNAMIENNES, N^{O} 5 (1981-1982) - Université de Paris VII, U.E.R. de Langues et Civilisations de l' Asie Orientale, Section d' Études Vietnamiennes.

* *Đánh giá triều Nguyễn ở nửa đầu thế kỷ XIX* - THÔNG BÁO SỬ HỌC - Ban Thư ký ngành Sử các trường Đại học xuất bản, 1977.

* *Một số nhận định của Philippe LANGLET về hoạt động của Quốc sử quán triều Nguyễn* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 263 (tháng 7,8-1992).(viết chung với Phan Văn Hoàng).

* *Về lăng mộ Trương Định năm 1875* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 265 (tháng 11,12-1992).

* *Phong trào Kỳ Đồng-Mạc Đĩnh Phúc những năm cuối thế kỷ XIX* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 191 (tháng 3,4-1980)(viết chung với Nguyễn Tiến Đoàn)

* *Ba bức thư của Kỳ Đồng gửi Toàn quyền, Công sứ Pháp* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 206 (tháng 9.10-1982).

* *Bản khẩu cung của Kỳ Đồng* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 208 (tháng 1,2-1983).

* *Lực lượng vũ trang của các dân tộc Tây Nguyên do N' Trang Lơng lãnh đạo* - Tạp chí LỊCH SỬ QUÂN SỰ, Số 38 (tháng 2-1989)(viết chung với Phan Văn Bé).

https://tieulun.hopto.org

* *Thầy giáo Y Jut, thủ lĩnh phong trào yêu nước chống Pháp ở Tây Nguyên* - Tạp chí LỊCH SỬ QUÂN SỰ, Số 47 (tháng 11-1989)(viết chung với Phan Văn Bé)

* *Nguyễn Ái Quốc: linh hồn của phong trào Việt kiều yêu nước tại Pháp 1917-1923* - SÀI GÒN GIẢI PHÓNG, Số ra ngày 18-5-1988.

* *Báo cáo về Nguyễn Ái Quốc của mật thám Edouard năm 1919* - Tạp chí LỊCH SỬ ĐẢNG, Số 9(1983).

Về cuộc trao đổi giữa Nguyễn Ái Quốc và Phan Chu Trinh ở Pháp cuối năm 1919 - Tạp chí LỊCH SỬ ĐẢNG, Số 3 (1983)

* *Về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Pháp trong tháng 12-1919* - Tạp chí LỊCH SỬ ĐẢNG, Số 14(1986).

* *Tìm thêm được hai số báo LE PARIA* - Tạp chí LỊCH SỬ ĐẢNG. Số 2(1983).(viết chung với Đinh Xuân Lâm).

* *Nhà sử học Charles FOURNIAU viết về Nguyễn Ái Quốc thời gian ở Pháp* - SÀI GÒN GIẢI PHÓNG, Số ra ngày 23-5-1986.

* *Đồng chí Nguyễn Ái Quốc có trở lại Pháp năm 1927* - Tạp chí LỊCH SỬ ĐẢNG, Số 9(1985).

* *Cao trào cách mạng 1930-1931 tại các tỉnh Nam Bộ* - SÀI GÒN GIẢI PHÓNG, Số ra ngày 12-9-1985.

* *Báo VÔ SẢN, báo cách mạng của người Việt Nam tại Pháp (1930-34)* - SÀI GÒN GIẢI PHÓNG, Số ra ngày 21-6-1985.

* *Cuối năm 1944, đầu năm 1945, thực dân Pháp, phát xít Nhật ra sức vơ vét, bóc lột nhân dân Nam Bộ* - SÀI GÒN GIẢI PHÓNG, Số ra ngày 18-7-1985.

* *Truyền đơn của Việt Minh (Khu Sài Gòn-Chợ Lớn) gửi nhân dân Pháp* - KIẾN THỨC NGÀY NAY, Số 44 (tháng 9-1990).

* *Lính thợ Việt Nam tại Pháp hưởng về Toàn quốc kháng chiến nhân ngày 1-5-1950* - SÀI GÒN GIẢI PHÓNG, Số ra ngày 1-5-1986.

https://tieulun.hopto.org

* *Quân dân Đăk-Lăk với chiến thắng Buôn Ma Thuột (10-3-1975)* - SÀI GÒN GIẢI PHÓNG, Số ra ngày 12-3-1986 (viết chung với Trương Phụng Tiến).

* *Nha Trang những ngày đầu tháng 4-1975* - SÀI GÒN GIẢI PHÓNG, Số ra ngày 2-4-1986.

* *Cánh binh vận G.4 trong cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 221 (tháng 3,4-1985) (viết chung với Đỗ Bích Liên).

* *Nhà sử học Mỹ Stephen E.AMBROSE viết về chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 266 (tháng 1,2-1993).(viết chung với Phan Văn Hoàng).

* *Phan Văn Trường với Nguyễn Ái Quốc* - Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, Số 273 (tháng 3, 4 - 1994) - (Viết chung với Phan Văn Hoàng)

https://tieulun.hopto.org

CÓ MỘT NỀN ĐẠO LÝ VIỆT NAM

Tác giả : GS. Nguyễn Phan Quang

Chịu trách nhiệm xuất bản :
VƯƠNG LAN
Chịu trách nhiệm bản thảo :
PHAM HẬU
Biên tập : HUỲNH TÁM
Sửa bản in : NGUYỆT TRANG
Trình bày : NGUYÊN HẠO
Bìa : Sau giờ trực chiến
Tranh lụa NGUYỄN PHAN CHÁNH (1964)

In 1.000 cuốn khổ 14,5x20,5cm, tại Xí nghiệp In số 3 - 391 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM - Số GPXB : 53 CT-TP.HCM/Cục xuất bản (7-3-1994). In xong và nộp lưu chiểu tháng 02 năm 1995.

https://tieulun.hopto.org